

GIÁO ÁN

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 11

Giáo viên: Nguyễn Thị Huyền
Trường: THPT Hoàng Cầu
Năm học: 2022-2023

Bài 1 **CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (2 tiết)** **(Tiết1)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, học sinh cần đạt được:

1. Về kiến thức

- Nêu được thế nào là sản xuất của cải vật chất và vai trò của sản xuất của cải vật chất đối với đời sống xã hội.
- Nêu được các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và mối quan hệ giữa chúng.
- Nêu được thế nào là phát triển KT và ý nghĩa của phát triển KT đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

2. Về kỹ năng

Biết tham gia xây dựng kinh tế gia đình phù hợp với khả năng của bản thân.

3. Về thái độ

- Tích cực tham gia kinh tế gia đình và địa phương.
- Tích cực học tập để nâng cao chất lượng lao động của bản thân, góp phần xây dựng kinh tế đất nước.

4. Về năng lực:

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRONG TÂM

- Làm rõ vai trò quyết định của sản xuất của cải vật chất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.
- Các yếu tố của quá trình sản xuất: sức lao động, đối tượng lao động, tư liệu lao động, trong đó sức lao động là yếu tố quan trọng và quyết định nhất.
- Nội dung phát triển KT và ý nghĩa của phát triển KT đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

III. PHƯƠNG PHÁP: Thuyết trình, giảng giải, nêu vấn đề, lấy ví dụ minh họa phát vấn, trực quan, liên hệ thực tiễn, thảo luận nhóm, rèn luyện kỹ năng diễn đạt của từng cá nhân.

IV TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

1. Tài liệu

- Tài liệu chính thức: sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tài liệu tham khảo khác:
 + Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.
 + Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

2. Phương tiện

- Dùng các dụng cụ dạy học trực quan như sơ đồ (sơ đồ mối liên hệ giữa 3 yếu tố của quá trình sản xuất, sơ đồ hợp thành từng yếu tố sản xuất, sơ đồ về nội dung của phát triển kinh tế), biểu bảng,...

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra: sự chuẩn bị sách giáo khoa, vở ghi của học sinh

2. Giới thiệu bài mới

- Giới thiệu cấu trúc nội dung chương trình Giáo dục công dân lớp 11, gồm 37 tiết:
 + Phần thứ nhất: Công dân với kinh tế (13 tiết, từ bài 1 đến bài 7).

+ Phần thứ hai: Công dân với các vấn đề chính trị - xã hội (14 tiết, từ bài 8 đến bài 15).

+ Còn lại là các tiết như: kiểm tra viết 1 tiết (2 tiết), thực hành, ngoại khóa (2 tiết), ôn tập thi học kỳ (4 tiết) và kiểm tra học kỳ (2 tiết).

- Giới thiệu bài 1: Dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng, thông minh, sáng tạo với lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Ngày nay, dân tộc ta đang đứng trước thách thức của cuộc đấu tranh chống đói nghèo, lạc hậu, khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước, thanh niên học sinh- sức trẻ của dân tộc- có vai trò như thế nào và phải làm gì để góp phần thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế của đất nước? Đó là nội dung bài học của chúng ta hôm nay, bài 1: Công dân với sự phát triển kinh tế (2 tiết).

3. Dạy bài mới

Hoạt động của giáo viên học sinh	Nội dung chính của bài học
<u>HĐ1</u>: Tìm hiểu về sản xuất của cải vật chất. - Mục tiêu: học sinh nêu được khái niệm và vai trò của sản xuất vật chất đối với đời sống xã hội. - Cách tiến hành: GV sử dụng phương pháp đặt và giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết trình, gợi mở theo các câu hỏi sau: - Em hiểu thế nào là <i>của cải vật chất</i>? Cho ví dụ về những của cải vật chất trong thực tế mà em thường gặp. - Thế nào là sản xuất của cải vật chất? Cho ví dụ ? - Trả lời. - VD: Lúa, gạo, quần áo, xe cộ, giày dép... - Trả lời. - VD: Con người sử dụng công cụ lao động tác động vào đất trồng để làm ra thực phẩm, lúa gạo. Hay, con người khai thác đất sét để nung thành gạch, gốm phục vụ cho nhu cầu xây dựng, trang trí... - Theo em, sản xuất của cải vật chất có những vai trò gì? - Tại sao nói : Sản xuất của cải vật chất là cơ sở của đời sống xã hội? - Vì để duy trì sự tồn tại, phát triển của con người và xã hội loài người. - Sản xuất của cải vật chất không chỉ để duy trì sự tồn tại của con người và xã hội loài người, mà thông qua lao động sản xuất, con người được cải tạo, phát triển và hoàn thiện cả về thể chất và tinh thần. - Sản xuất của cải vật chất có phải là hoạt động trung tâm của xã hội loài người hay không? Vì sao như vậy? - Là trung tâm, là tiền đề thúc đẩy các hoạt động khác của xã hội phát triển. - Ví dụ: Lấy nguồn vốn thu được từ hoạt động sản	1. Sản xuất của cải vật chất a. Thế nào là sản xuất của cải vật chất? Là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình. b. Vai trò của sản xuất của cải vật chất - Là cơ sở tồn tại và phát triển của xã hội loài người. - Quyết định mọi hoạt động của xã hội.

xuất vật chất đầu tư vào hoạt động văn hoá, giáo dục, nghiên cứu khoa học – công nghệ, làm cho các lĩnh vực này phát triển theo, dẫn đến đời sống vật chất, tinh thần của xã hội được cải thiện, nâng cao.

- Lịch sử xã hội loài người là một quá trình phát triển và hoàn thiện liên tục của các phương thức sản xuất của cải vật chất, là quá trình thay thế các phương thức sản xuất cũ lạc hậu bằng phương thức sản xuất tiến bộ hơn.

HĐ2: Tìm hiểu các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.

- Mục tiêu: nêu được các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và mối quan hệ giữa chúng.

- Cách tiến hành: GV trình bày 2 sơ đồ đã chuẩn bị trên bảng:

* Sức lao động → Tư liệu lao động → Đối tượng lao động => Sản phẩm.

* Sức lao động: thể lực + trí lực.

Sau đó GV chia HS làm 2 nhóm rồi cho các em thảo luận theo các câu hỏi sau:

- Để thực hiện quá trình lao động sản xuất, cần phải có những yếu tố cơ bản nào?

- Cần sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.

- Sức lao động là gì?

- Hãy phân biệt sức lao động với lao động?

- Nhận xét, chốt lại.

- Lao động là khái niệm có nội hàm rộng hơn. Sức lao động mới chỉ là khả năng của lao động, còn lao động là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực. Để thực hiện được quá trình lao động thì không chỉ cần có sức lao động mà còn phải có tư liệu sản xuất. Hay nói cách khác, chỉ khi nào sức lao động kết hợp được với tư liệu sản xuất thì mới có lao động. Người có sức lao động muốn thực hiện quá trình lao động thì phải tích cực, chủ động tìm kiếm việc làm. Mặt khác, nền sản xuất xã hội phải phát triển, tạo ra nhiều việc làm để thu hút sức lao động.

- Lao động là hoạt động bản chất nhất của con người, phân biệt con người với loài vật. Ý thức của con người trong lao động thể hiện: lao động có mục đích, có kế hoạch, tự giác sáng tạo ra phương pháp và công cụ lao động, có kỷ luật và cộng đồng trách nhiệm...

- Đối tượng lao động là gì ? Có mấy loại ? Cho ví dụ minh họa.

- Ví dụ: đất trồng, gỗ rừng, quặng kim loại, tôm cá dưới sông, dưới biển...

- Ví dụ: sợi để dệt vải, sắt thép để chế tạo máy, xi

=> Là cơ sở để xem xét và giải quyết các quan hệ kinh tế, chính trị, văn hoá trong xã hội.

2. Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất

a. Sức lao động

- Khái niệm: Là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất.

- Phân biệt sức lao động với lao động:

+ Sức lao động: là khả năng của lao động.

+ Lao động:

. Là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực.

. Là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của mình.

b. Đối tượng lao động

- Khái niệm: Là những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người.

- Phân loại (có 2 loại đối tượng lao động):

mãng để xây dựng gọi là nguyên liệu. - Mọi đối tượng lao động đều bắt nguồn từ tự nhiên nhưng có phải mọi yếu tố tự nhiên đều là đối tượng lao động không ? Vì sao ? - Không phải mọi yếu tố của tự nhiên đều là đối tượng lao động. Bởi vì chỉ những yếu tố tự nhiên nào mà con người đang tác động trong quá trình sản xuất nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của mình thì mới gọi là đối tượng lao động. Những yếu tố tự nhiên mà con người chưa biết đến, chưa khám phá, chưa tác động thì chưa trở thành đối tượng lao động. - Tư liệu lao động là gì ? - Tư liệu lao động được chia thành mấy loại? Nêu nội dung cụ thể? - Công cụ lao động cũng là yếu tố cách mạng nhất, biến động nhất và là một trong những căn cứ cơ bản để phân biệt các thời đại kinh tế. C.Mác viết: <i>“Những thời đại kinh tế khác nhau không phải là ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào”</i>. <i>“Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa phong kiến, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp”</i>. - Ví dụ về các công cụ lao động: cày, cuốc, máy gặt đập liên hợp, máy bơm nước... - Ví dụ về hệ thống bình chứa của sản xuất: ống, thùng, hộp, két, vại, giỏ... - Ví dụ về kết cấu hạ tầng của sản xuất: đường giao thông, bến cảng, sân bay, nhà ga, phương tiện giao thông vận tải, điện, nước, thủy lợi, bưu điện, thông tin liên lạc... - Theo em, ranh giới phân chia giữa đối tượng lao động và tư liệu lao động là có tích tương đối hay tuyệt đối (rạch ròi)? - Có tính tương đối vì một vật trong mối quan hệ này là đối tượng lao động, nhưng trong mối quan hệ khác lại là tư liệu lao động. Ví dụ: Ngày xưa, con trâu là tư liệu lao động của người nông dân, nhưng lại là đối tượng lao động của lò giết mổ. - Trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, yếu tố nào quan trọng và quyết định nhất? Vì sao? - Sức lao động là yếu tố quan trọng và quyết định nhất vì giữ vai trò chủ thể, sáng tạo, là nguồn lực không cạn kiệt; xét cho cùng, trình độ phát triển của tư liệu sản xuất chính là sự biểu hiện sức sáng tạo của con người. - Nhận xét, chốt lại.	+ Loại có sẵn trong tự nhiên. + Loại đã trải qua tác động của lao động, được cải biến ít nhiều. c. Tư liệu lao động - Khái niệm: Là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người. - Phân loại (ba loại): + Công cụ lao động (hay công cụ sản xuất), là yếu tố quan trọng nhất. + Hệ thống bình chứa của sản xuất. + Kết cấu hạ tầng của sản xuất. => Trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, sức lao động là yếu tố quan trọng và quyết định nhất.
---	--

4. Luyện tập củng cố :

- Phương án 1: Yêu cầu HS lên bảng vẽ sơ đồ về các yếu tố hợp thành của sức lao động, tư liệu lao động, đối tượng lao động, quá trình lao động sản xuất; đồng thời, tất cả các HS cùng tham gia đánh giá, bổ sung và phát biểu về tầm quan trọng của các vấn đề trên.

- Phương án 2 (giáo viên đưa ra các câu hỏi phát vấn học sinh):

1) *Trên thế giới, có những nước rất khan hiếm tài nguyên, khoáng sản (Nhật Bản, Singapore...), nhưng có nền kinh tế phát triển, theo em tại sao?*

Vì họ biết đầu tư, khai thác nguồn lực con người, phát huy vai trò của yếu tố sức lao động (thể lực và trí lực), nguồn lực giữ vai trò chủ thể. Trong đó, trí lực của con người, nếu càng được thường xuyên sử dụng thì nó càng được nâng cao, phát triển, trau dồi nhiều hơn.

2) *Hãy chỉ ra những điều kiện khách quan, chủ quan để người có sức lao động thực hiện được quá trình lao động:*

Sức lao động mới chỉ là khả năng cần thiết để có thể tiến hành lao động, còn lao động sản xuất là quá trình kết hợp sức lao động với tư liệu sản xuất. Vì vậy, để có quá trình lao động diễn ra trên thực tế thì cần phải có đủ điều kiện khách quan và chủ quan.

- Về khách quan: Nền kinh tế phải phát triển, tạo ra được nhiều việc làm để thu hút lao động, tạo cơ hội cho người lao động có việc làm.

- Về chủ quan: Người lao động phải tích cực, chủ động tìm kiếm việc làm; thường xuyên học tập, nâng cao trình độ sức lao động của mình về thể lực, trí lực để đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3) *Gọi học sinh nêu ví dụ và phân tích vì sao có tình trạng thất nghiệp.*

5. Hướng dẫn học sinh học bài, làm việc ở nhà

Học bài và soạn trước phần còn lại của bài 1, mục 3: Phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội./.

Bài 1

Tiết 3: CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (2 tiết)
(Tiết 2)

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

- Câu 1. Sản xuất của cải vật chất là gì? Tại sao nói sản xuất của cải vật chất là cơ sở của đời sống xã hội?

- Câu 2. Vẽ sơ đồ mối quan hệ giữa 3 yếu tố của quá trình sản xuất.

3. Dạy bài mới

C.Mác khẳng định: “*Kinh tế là nhân tố quyết định cuối cùng của mọi sự biến đổi của lịch sử*”. Để hiểu rõ ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội, chúng ta cùng tìm hiểu phần còn lại của bài 1, mục 3: Phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
<u>HĐ3: Tìm hiểu khái niệm, nội dung, ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.</u> - Mục tiêu: học sinh nêu được thế nào là phát triển kinh tế. - Phương pháp: gợi mở, thuyết trình. - Cách thực hiện: GV trình bày sơ đồ về nội dung của phát triển kinh tế: Phát triển kinh tế bao gồm: + Tăng trưởng kinh tế. + Cơ cấu kinh tế hợp lý. + Công bằng xã hội. Sau đó, cho các em trả lời các câu hỏi sau: - Em hiểu phát triển kinh tế là gì? - Hãy phân biệt sự khác nhau giữa khái niệm phát triển kinh tế và tăng trưởng kinh tế. - Phát triển kinh tế là khái niệm có nội hàm rộng hơn, tăng trưởng kinh tế chỉ là một khía cạnh, nội dung của phát triển kinh tế. - Thế nào là tăng trưởng kinh tế ? Cho ví dụ. VD: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2005 của Việt Nam là 8.43%. - Để phản ánh sự tăng trưởng kinh tế, hiện nay trên thế giới người ta dùng tiêu chí: tổng sản phẩm quốc dân (GNP), hoặc tổng sản phẩm quốc nội (GDP). - Giải thích khái niệm: tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội (SGV, tr. 24). $GNP = GDP + \text{thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài}$. Trong đó, thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài = thu nhập chuyển về nước của công dân nước đó làm việc ở nước ngoài trừ đi thu nhập của người nước ngoài làm việc tại nước đó. - Tăng trưởng kinh tế phải dựa trên những cơ sở nào, phải gắn với những vấn đề nào? Vì sao? Cho	3. Phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội a. Phát triển kinh tế * Khái niệm: Là sự <u>tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ và công bằng xã hội</u>. * Phát triển kinh tế gồm 3 nội dung: + Phát triển kinh tế biểu hiện trước hết ở sự tăng trưởng kinh tế. - <i>Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về số lượng, chất lượng sản phẩm và các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó trong một thời kỳ nhất định.</i> - <i>Cơ sở của tăng trưởng kinh tế:</i> . Dựa trên cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ để đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững. . *Phát triển kinh tế đi đôi với công

ví dụ minh họa. - Chia lớp thành 4 tổ rồi cho các em thảo luận theo các câu hỏi sau: * Hãy nêu ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội? Đưa ra các số liệu, dẫn chứng phù hợp để minh họa; hoặc liên hệ thực tiễn để lấy ví dụ minh họa về ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với đời sống. (Tổ 1: thảo luận mục a: đối với cá nhân; tổ 2: thảo luận mục b: đối với gia đình; tổ 3, 4: thảo luận mục c: đối với xã hội). - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - Cho các nhóm tranh luận, bổ sung. - Chốt lại các kiến thức cơ bản. - Phát triển kinh tế tạo điều kiện cho mỗi người có việc làm và thu nhập ổn định, cuộc sống ấm no. Ví dụ: GDP tăng, thu nhập bình quân đầu người ở nước ta tăng: từ 5.7 triệu đồng năm 2000 lên trên 10 triệu đồng năm 2005. Năm 2000, bình quân thu nhập đầu người đạt trên 300 USD/người/năm; năm 2004: 562 USD/người/năm; năm 2007: 729 USD/người/năm. Nếu GDP tăng từ 7.5 đến 8%/năm thì thu nhập bình quân ở nước ta năm 2009 dự kiến là 950 USD/người/năm và năm 2010 là 1050 – 1100 USD/người/năm. - Nhờ kinh tế phát triển, đời sống văn hóa được nâng cao và lĩnh vực y tế được đầu tư phát triển phục vụ tốt hơn cho đời sống con người, nên tuổi thọ trung bình của dân số nước ta ngày càng tăng (từ 67.8 tuổi năm 2000 lên 71.5 tuổi năm 2005). - Phát triển kinh tế tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng phong phú cho con người. Ví dụ: thỏa mãn nhu cầu ăn ngon, mặc đẹp, giải trí, vui chơi, du lịch cho từng cá nhân. - Phát triển kinh tế còn giúp con người có điều kiện học tập, tham gia các hoạt động xã hội, có điều kiện phát triển toàn diện. Ví dụ: tạo điều kiện vật chất, tiền bạc cho các cá nhân theo đuổi ước mơ học	bằng và tiến bộ xã hội, tạo điều kiện cho mọi người có quyền bình đẳng trong đóng góp và hưởng thụ kết quả của tăng trưởng kinh tế. . Phù hợp với sự biến đổi nhu cầu phát triển toàn diện của con người và xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái. . Gắn với chính sách dân số phù hợp. *Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ: (không học) b. Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội - Đối với cá nhân: tạo điều kiện cho mỗi người nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển toàn diện cá nhân. - Đối với gia đình: là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện tốt các chức năng của gia đình; xây dựng gia đình văn hóa. - Đối với xã hội: + Làm tăng thu nhập quốc dân và phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống
---	---

đại học và sau đại học (trang trải tiền học phí, ăn ở, sinh hoạt...) để nâng cao trình độ; quyên góp làm từ thiện... - Nhắc lại các chức năng gia đình: chức năng duy trì nòi giống; chức năng kinh tế; chức năng tổ chức đời sống gia đình; chức năng nuôi dưỡng, giáo dục con cái. - Nhờ phát triển kinh tế, cuối năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 – 2005 giảm xuống còn 7%. - Ví dụ: tạo điều kiện giải quyết công ăn việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp, giảm tệ nạn xã hội. - Phát triển kinh tế tạo ra nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực an ninh quốc phòng: trang bị súng ống, đạn dược, máy móc, thuyền, xe cộ, trả lương cho những người làm trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng. Kinh tế phát triển, chính trị ổn định, làm cho đời sống nhân dân ngày càng tốt hơn, nhân dân càng tin vào sự lãnh đạo của Đảng.	của cộng đồng được cải thiện. + Tạo điều kiện giải quyết các vấn đề an sinh xã hội. + Là tiền đề vật chất để củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững chế độ chính trị, tăng cường hiệu lực quản lí của Nhà nước, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. + Là điều kiện tiên quyết để khắc phục sự tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước tiên tiến trên thế giới; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, mở rộng quan hệ quốc tế, định hướng xã hội chủ nghĩa. <u>Tóm lại:</u> Tích cực tham gia phát triển kinh tế vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của công dân, góp phần thực hiện <i>dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.</i>
---	---

4. Luyện tập củng cố

Cho học sinh giải bài tập 5, 6, 7, SGK, tr. 12.

5. Hướng dẫn học sinh học bài, làm việc ở nhà

Ôn lại nội dung bài 1 (Công dân với sự phát triển kinh tế) và soạn trước mục 1 (Hàng hóa), của bài 2: Hàng hóa – Tiền tệ - Thị trường (3 tiết)/.

Bài 2

**Tiết 4: HÀNG HÓA – TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG (2 tiết)
(Tiết1)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, học sinh cần đạt được:

1. Về kiến thức

- Hiểu được khái niệm hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa.
- Nêu được nguồn gốc, bản chất, chức năng của tiền tệ
- Nêu được khái niệm thị trường, các chức năng cơ bản của thị trường

2. Về kỹ năng

- Biết phân biệt giá trị với giá cả của hàng hóa.
- Biết nhận xét tình hình sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm hàng hóa ở địa phương.

3. Về thái độ

- Quan tâm đến tình hình phát triển sản xuất hàng hóa.
- Coi trọng đúng mức vai trò của hàng hóa

4. Về năng lực:

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRONG TÂM:

- Nắm khái niệm hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa.
- Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ, chức năng của tiền tệ
- Khái niệm thị trường, các chức năng cơ bản của thị trường

III. PHƯƠNG PHÁP: thuyết trình, đàm thoại, giải quyết vấn đề, trực quan, giảng giải kết hợp với so sánh...

IV. TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

1. Tài liệu

- Tài liệu chính thức: sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tài liệu tham khảo khác:
- + Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.
- + Vũ Hồng Tiên - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

2. Phương tiện

- Sơ đồ (mối quan hệ giữa giá trị và giá trị trao đổi của hàng hóa, sơ đồ về sự phát triển của các hình thái giá dẫn đến sự ra đời của tiền tệ.
- Sơ đồ về các chức năng của tiền tệ, sơ đồ về các chức năng của thị trường), biểu đồ, biểu bảng....

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra

- Vai trò của sản xuất của cải vật chất? Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất?
- Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

2. Giới thiệu bài mới

Kinh tế thị trường là giai đoạn phát triển cao của kinh tế hàng hóa. Đó là một kiểu tổ chức kinh tế, trong đó toàn bộ quá trình sản xuất và tái sản xuất gắn chặt với thị trường. Việc sản xuất ra những hàng hóa gì, cần có những dịch vụ nào đều xuất phát từ nhu cầu của thị trường. Mọi sản phẩm đi vào sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng phải thông qua thị trường. Vậy hàng hóa là gì? Tiền tệ là gì? Thị trường là gì? Chúng có vai trò gì đối với sản xuất và đời sống? Để lý giải cho những câu hỏi đó, chúng ta cùng tìm hiểu bài 2: Hàng hóa – Tiền tệ - Thị trường (3 tiết).

3. Dạy bài mới

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
HĐ1: Tìm hiểu khái niệm và hai thuộc tính của hàng hóa (giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa). - Mục tiêu: học sinh nêu được khái niệm hàng hóa, khái niệm giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa; phân biệt được sự khác nhau giữa hai thuộc tính của hàng hóa... - Phương pháp: giải quyết vấn đề, kết hợp với thuyết trình, gợi mở. - Ví dụ: Ông A nuôi 100 con gà. Khi gà đã lớn, ông đã đem bán đi 80 con để thu hồi vốn tái sản xuất và mua lấy các sản phẩm tiêu dùng khác và giữ lại 20 con để giết thịt, cải thiện bữa ăn cho bản thân và gia đình. Vậy, phần gà nào của ông A được gọi là hàng hóa? - 80 con gà mà ông A đem bán, trao đổi lấy các sản phẩm tiêu dùng khác được gọi là hàng hóa. - Em hiểu thế nào là hàng hóa? Cho ví dụ những hàng hóa trong thực tế mà em thường gặp. - Từ khái niệm hàng hóa, hãy cho biết: để một sản phẩm trở thành hàng hóa, phải đảm bảo những điều kiện gì? - Sản phẩm chỉ trở thành hàng hóa khi đảm bảo đủ 3 điều kiện: do lao động tạo ra; có công dụng nhất định để thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người; trước khi đi vào tiêu dùng phải thông qua mua - bán. - Hãy nêu một ví dụ thực tiễn để chứng minh rằng: thiếu một trong 3 điều kiện trên thì sản phẩm không thể trở thành hàng hóa. - Theo em hàng hóa là phạm trù lịch sử hay là phạm trù vĩnh viễn? Vì sao? - Hàng hóa là một phạm trù lịch sử, vì chỉ trong điều kiện sản xuất hàng hóa thì sản phẩm mới được coi là hàng hóa. * Hàng hóa có thể tồn tại ở mấy dạng trong thực tế ? Cho ví dụ? - VD về hàng hóa dạng vật thể, các sản phẩm được trao đổi, mua – bán trên thị trường như: quần áo, giày dép, gạo, thịt, sữa, trứng, khoai, đậu, rau, cải... - VD về hàng hóa dịch vụ: dịch vụ môi giới nhà đất, dịch vụ giới thiệu việc làm, dịch vụ bưu điện... - Chuyển ý: Hàng hóa có những thuộc tính nào? Bản chất của từng thuộc tính đó là gì? Chúng ta sẽ tìm hiểu ở mục b. - Cho học sinh xem sơ đồ về nhu cầu của con người, trong đó có: + Nhu cầu cho sản xuất: máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu... + Nhu cầu tiêu dùng cá nhân: . Về vật chất (lương thực, quần áo, xe cộ...).	1. Hàng hóa a. Hàng hóa là gì? - KN: Là sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua - bán. b. Hai thuộc tính của hàng hóa

. Về tinh thần (giải trí, du lịch, đọc sách báo, học tập nâng cao trình độ...). - Yêu cầu học sinh lấy ví dụ về một số sản phẩm thỏa mãn từng nhu cầu nói trên. - Yêu cầu học sinh tìm ra các công dụng của từng sản phẩm hàng hóa mà các em đã nêu. Ví dụ: lương thực dùng để cho con người ăn; cho gia súc, gia cầm ăn; làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. - Chính công dụng của sản phẩm đã làm cho hàng hóa có giá trị sử dụng. Vậy, giá trị sử dụng của hàng hóa là gì? - Một hàng hóa có thể có một hoặc nhiều giá trị sử dụng. Ví dụ: Than đá, dầu mỏ lúc đầu chỉ dùng làm chất đốt, sau đó dùng làm nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp để chế biến ra nhiều loại sản phẩm khác phục vụ cho đời sống. - Công dụng của vật phẩm do thuộc tính tự nhiên của vật chất quyết định. Khoa học kỹ thuật càng phát triển, người ta càng phát hiện thêm những thuộc tính mới của sản phẩm và lợi dụng chúng để tạo ra những giá trị sử dụng mới. Giá trị sử dụng chỉ thể hiện ở việc sử dụng hay tiêu dùng, không phải cho người sản xuất ra hàng hóa đó mà cho người mua, cho xã hội. Nó là nội dung vật chất của của cải và là phạm trù vĩnh viễn. Vật mang giá trị sử dụng cũng đồng thời là vật mang giá trị trao đổi. - Theo em, giá trị của hàng hóa được biểu hiện ra bên ngoài thông qua hình thức nào? - Giá trị trao đổi là gì? - Ví dụ: 1 m vải (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó) = 5 kg thóc (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó). Trên thị trường, tỉ lệ trao đổi giữa các hàng hóa có thể thay đổi. VD: 1 m vải (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó) = 10 kg thóc (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó) hoặc 2 m vải (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó) = 5 kg thóc (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó). Như vậy, nội dung, cơ sở của giá trị trao đổi là gì? - Giá trị trao đổi là một quan hệ về số lượng, hay tỉ lệ trao đổi giữa các hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau - Giá trị của hàng hóa là gì? - Là căn cứ vào lao động hao phí để sản xuất ra hàng hóa ẩn chứa (kết tinh) trong các hàng hóa ấy, hay căn cứ vào giá trị của hàng hoá. - Thực chất của quan hệ trao đổi là trao đổi lượng lao động hao phí của mình chứa đựng trong các hàng hóa. Nên giá trị là biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa, là một phạm trù lịch sử, gắn liền với nền sản xuất hàng hóa, là thuộc tính xã hội của hàng hóa. <u>HD2:</u> Tìm hiểu nguồn gốc, bản chất, chức năng và quy luật lưu thông của tiền tệ.	- Giá trị sử dụng của hàng hóa: là công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người. - Giá trị của hàng hóa: + Được biểu hiện ra bên ngoài thông qua giá trị trao đổi của nó. + Là <i>lao động xã hội</i> của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa. => Hàng hóa là sự thống nhất của hai thuộc tính: giá trị sử dụng và giá trị, nhưng là sự thống nhất của hai mặt đối lập, thiếu một trong hai thuộc tính thì sản phẩm không thể trở thành hàng hóa. 2. Tiền tệ a. Nguồn gốc và bản chất của tiền
--	---

- Mục tiêu: học sinh nêu được nguồn gốc, bản chất, chức năng và quy luật lưu thông của tiền tệ. - Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết trình, gợi mở. - Có phải khi sản xuất và trao đổi hàng hóa xuất hiện thì tiền tệ cũng xuất hiện? - Khi nào tiền tệ xuất hiện? - Nhận xét, chốt lại. - Bản chất của tiền tệ là gì ?	tệ *Nguồn gốc: - Tiền tệ xuất hiện là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của sản xuất, trao đổi hàng hóa và của các hình thái giá trị. - Có 4 hình thái giá trị phát triển từ thấp lên cao dẫn đến sự ra đời của tiền tệ: + Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên. + Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng. + Hình thái chung của giá trị. + Hình thái tiền tệ. (HS đọc thêm) * Bản chất: Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được tách ra làm vật ngang giá chung thống nhất, là sự thể hiện chung của giá trị và biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa.
---	---

4. Luyện tập củng cố

- GV: Phát phiếu học tập cho học sinh hoạt động theo nhóm:

+ **Nhóm 1:**

Câu 1: Biểu hiện của giá trị hàng hóa là:

a. Thỏa mãn nhu cầu

b. **Giá trị trao đổi**

c. Thu nhiều tiền lãi

Câu 2: Vẽ sơ đồ để sản phẩm trở thành hàng hóa?

Sản phẩm do lao động làm ra

Có công dụng nhất định

Thông qua trao đổi mua - bán

+ **Nhóm 2:**

Câu 1: Việc trao đổi hàng hóa trên thị trường thực chất là trao đổi gì?

a. Giá trị sử dụng

b. **Giá trị**

Câu 2: Vẽ sơ đồ về mối quan hệ giữa giá trị trao đổi với giá trị?

Giá trị trao đổi (tỉ lệ trao đổi)	1m vải = 5 kg thóc	1 m vải = 10 kg thóc	2 m vải = 5 kg thóc
Giá trị (hao phí lao động)	2 giờ = 2 giờ	2 giờ = 2 giờ	2 giờ = 2 giờ

Hay:

1 m vải = 5 kg thóc, hoặc 1 m vải = 10 kg thóc, hoặc 2 m vải = 5 kg thóc,...

$\underbrace{\hspace{1cm}} \quad \underbrace{\hspace{1cm}} \quad \underbrace{\hspace{1cm}} \quad \underbrace{\hspace{1cm}} \quad \underbrace{\hspace{1cm}} \quad \underbrace{\hspace{1cm}}$
 (2 giờ) = (2 giờ) (2 giờ) = (2 giờ) (2 giờ) = (2 giờ)

- Các nhóm cử đại diện trả lời.
- Giáo viên nhận xét, đưa ra đáp án đúng.

5. Hướng dẫn học sinh học bài, làm việc ở nhà (2 phút)

Ôn lại nội dung mục 1 (Hàng hóa), mục 2a: Nguồn gốc và bản chất tiền tệ và soạn trước mục 2b: Chức năng của tiền tệ của bài 2: Hàng hóa – Tiền tệ - Thị trường (2 tiết)/.

Bài 2**Tiết 5: HÀNG HÓA – TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG (3 tiết)**
(Tiết 2)**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC****1. Về kiến thức**

- Nêu được chức năng của tiền tệ
- Nêu được khái niệm thị trường, các chức năng cơ bản của thị trường

2. Về kỹ năng

- Biết nhận xét tình hình sx và tiêu thụ một số sản phẩm HH ở địa phương.

3. Về thái độ

- Coi trọng đúng mức vai trò của HH, tiền tệ và sx HH.

4. Về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRONG TÂM:

- Nguồn gốc xuất hiện, chức năng và quy luật lưu thông của tiền tệ.
- Thị trường, các chức năng cơ bản của thị trường.

III. PHƯƠNG PHÁP: Thuyết trình, đàm thoại, giải quyết vấn đề, trực quan, giảng giải kết hợp với so sánh...**IV. TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN****1. Tài liệu**

- Tài liệu chính thức: sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tài liệu tham khảo khác:
 - + Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.
 - + Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

2. Phương tiện

- Sơ đồ về các chức năng của tiền tệ, sơ đồ về các chức năng của thị trường), biểu đồ, biểu bảng....

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Kiểm tra**

Câu 1: Hàng hóa là gì? Trình bày nội dung hai thuộc tính của hàng hóa.

Câu 2: Nêu nguồn gốc và bản chất của tiền tệ?

2. Giới thiệu bài mới

Ở tiết 1, chúng ta đã tìm hiểu khái niệm tiền tệ là gì? Có nguồn gốc từ đâu? Bản chất của nó là gì? Để biết tiền có các chức năng gì? nào? Để lý giải cho các câu hỏi đó, chúng ta cần tìm hiểu mục 2b (Tiền tệ) của bài 2: Hàng hóa - Tiền tệ - Thị trường (2 tiết).

3. Dạy bài mới

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
* Hoạt động 1: Nêu vấn đề - GV: * Nêu VD thực tiễn phân tích 5 chức năng của tiền tệ: (sơ đồ) → Thước đo giá trị → Phương tiện lưu thông → Phương tiện cất trữ → Phương tiện thanh toán → Tiền tệ thế giới. - HS: Phát biểu ý kiến, lấy dẫn chứng để phân tích	2. Tiền tệ b. Chức năng của tiền tệ - Thước đo giá trị + Tiền được dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của HH. (giá cả). + Giá cả HH quyết định bởi các yếu tố: giá trị HH, giá trị tiền tệ, quan hệ cung – cầu HH

minh họa.

- Phương tiện lưu thông
Theo công thức: H - T - H (tiền là môi giới trao đổi)
Trong đó, H-T là quá trình bán, T-H là quá trình mua.

VD: sgk.

- Phương tiện cất trữ

Tiền rút khỏi lưu thông và được cất trữ, khi cần đem ra mua hàng; vì tiền đại biểu cho của cải xã hội dưới hình thái giá trị

- Phương tiện thanh toán

Tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán (trả tiền mua chịu HH, trả nợ, nộp thuế...)

VD: sgk

- Tiền tệ thế giới

Tiền làm nhiệm vụ di chuyển của cải từ nước này sang nước khác, việc trao đổi tiền nước này với nước khác theo tỉ giá hối đoái.

VD: 1USD = 19.100đ VN (thời giá 2010)

→ Năm chức năng của tiền tệ có quan hệ mật thiết với nhau.

c. Quy luật lưu thông tiền tệ
(Không học)

3. Thị trường

* **Hoạt động 2: Tìm hiểu khái niệm và các chức năng cơ bản của thị trường.**

- Mục tiêu : học sinh nêu được khái niệm và các chức năng cơ bản của thị trường.

- Phương pháp : giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết trình, gợi mở.

- Thị trường xuất hiện khi nào?

- Sự xuất hiện và phát triển của thị trường gắn liền với sự ra đời và phát triển của sản xuất và lưu thông hàng hóa

- Hãy lấy ví dụ về thị trường ở dạng giản đơn (hữu hình), sơ khai gắn với không gian, thời gian nhất định.

- Ví dụ: mua bán rau quả, thịt cá ở nhóm chợ đồng quê

- Thị trường ở dạng giản đơn (hữu hình) như : thị trường tư liệu sản xuất, tư liệu sinh hoạt...

- Nêu và phân tích một số dạng thị trường hiện đại có tính chất môi giới, trung gian, vô hình : thị trường nhà đất (thị

a. Thị trường là gì ?

trường bất động sản), thị trường chất xám, thị trường sức lao động...

→ Dù là thị trường giản đơn hay hiện đại đều luôn có sự tác động qua lại của các yếu tố cấu thành thị trường như : hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán, dẫn đến quan hệ cung - cầu, xác định giá cả và số lượng hàng hóa được trao đổi mua bán.

- Thị trường là gì ?
- Các “chủ thể kinh tế” của thị trường bao gồm các thành phần nào ?
- Các chủ thể kinh tế của thị trường gồm: người bán, người mua, cá nhân, doanh nghiệp, cơ quan, nhà nước ... tham gia vào mua bán, trao đổi trên thị trường.
- Thị trường có các chức năng cơ bản nào ?
- Cần xem xét trên hai thuộc tính : giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa. Nếu hàng hóa bán được tức là xã hội thừa nhận hàng hóa đó phù hợp với nhu cầu của thị trường thì giá trị của nó được thực hiện (người sản xuất ra hàng hóa được bù đắp giá trị, có vốn để tái sản xuất), hàng hóa đó có ích cho xã hội và ngược lại.

VD: Xí nghiệp của ông A sản xuất giấy bao bì tập của học sinh. Sản phẩm của ông A bán rất chạy với lý do: mẫu mã đẹp, phù hợp với nhu cầu, thị hiếu khách hàng; giá cả vừa phải (2.000đ/chục).

- Trên đài truyền hình , hàng ngày đều có bản tin thị trường nói về giá cả của một số mặt hàng như: rau quả, gạo, thịt, cá, giá vàng bạc, xe máy...

Khi đó, thị trường có chức năng gì ?

- Thị trường cung cấp cho các chủ thể tham gia thị trường những thông tin về quy mô cung - cầu, giá cả, chất lượng, cơ cấu, chủng loại, điều kiện mua - bán... các hàng hóa, dịch vụ, từ đó giúp cho người bán đưa ra các quyết định kịp thời nhằm thu nhiều lợi nhuận ; còn người mua sẽ điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất.

VD: Nhờ nắm bản tin thị trường vàng bạc, đá quý mà khách hàng có thể quyết định mua vào cất trữ hay bán ra ; mua, bán vào thời điểm nào là có lợi nhất.

- Chức năng thứ 3 của thị trường là gì ?
- Sự biến động của cung - cầu, giá cả trên thị trường đã điều tiết các yếu tố sản xuất từ ngành này sang ngành khác, luân chuyển hàng hóa từ nơi này sang nơi khác, nơi giá cả thấp đến nơi giá cả cao.
- + Ở một ngành nào đó khi *cung nhỏ hơn cầu*, giá cả hàng hóa sẽ lên cao hơn giá trị, hàng hóa bán chạy, lãi cao, thì người sản xuất sẽ đổ xô vào ngành ấy. Ngược lại, *khi cung ở ngành đó vượt quá cầu*, giá cả hàng hóa giảm xuống, hàng hóa bán không chạy và có thể lỗ vốn, buộc người sản xuất phải thu hẹp quy mô sản xuất lại hoặc chuyển sang đầu tư vào ngành có giá cả hàng hóa cao.

Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ.

b. Các chức năng cơ bản của thị trường

- Chức năng thực hiện (hay thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa.

- Chức năng thông tin

- Chức năng điều tiết (kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng).

=> Hiểu và vận dụng được các chức năng của thị trường sẽ giúp cho người sản xuất và tiêu dùng giành được lợi ích kinh tế lớn nhất và Nhà nước cần ban hành những chính sách kinh tế phù hợp nhằm hướng nền kinh tế vào những mục tiêu xác định.

+ Khi giá cả một hàng hóa nào đó tăng lên sẽ kích thích xã hội sản xuất ra hàng hóa đó nhiều hơn, nhưng lại làm cho nhu cầu tiêu dùng về hàng hóa đó bị hạn chế. Ngược lại, khi giá cả của một hàng hóa giảm xuống sẽ kích thích tiêu dùng và hạn chế việc sản xuất hàng hóa đó.

- Cơ chế thị trường ngoài tác dụng tích cực, vẫn có những khuyết tật, hạn chế và tác động tiêu cực. Vì thế, Nhà nước cần phải có sự điều tiết vĩ mô (bằng pháp luật, chính sách...) để phát huy tác dụng tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của nó, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; đảm bảo cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

4. Luyện tập củng cố

-GV yêu cầu học sinh nhắc lại các chức năng của tiền tệ; khái niệm thị trường, các chức năng cơ bản của thị trường, nhấn mạnh trọng tâm tiết học.

- GV: Các nhân tố cơ bản của thị trường là:

a) Hàng hóa

b) Tiền tệ

c) Người bán - người mua

d) Cả 3 ý trên

- HS: Chọn phương án d.

- GV: Cho ví dụ về sự vận dụng chức năng của thị trường điều tiết, kích thích đối với người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng?

- HS:

+ Người sản xuất bánh Trung Thu:

. Giá cao → Sản xuất nhiều

. Giá thấp → Chuyển sang làm bánh bía

+ Người kinh doanh:

. Đưa gạo từ nông thôn về thành thị

. Đưa vải từ thành thị về nông thôn

+ Người tiêu dùng:

. Nếu giá thịt cao thì ăn cá,...

. Nếu giá thịt rẻ thì ăn thịt

5. Hướng dẫn học sinh học bài, làm việc ở nhà

- Học bài và làm bài tập trong sách giáo khoa trang 26, 27.

- Chuẩn bị bài 3: “Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa”.

Trả lời một số câu hỏi sau:

+ Tác động và tác dụng của quy luật giá trị?

+ Cho ví dụ về phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa?

Bài 3

Tiết 7: QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA **(2 tiết)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, học sinh cần đạt được:

1. Về kiến thức

- Nêu được nội dung cơ bản của quy luật giá trị ,tác động của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

-Nêu một số ví dụ về sự vận dụng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

2. Về kỹ năng

Biết vận dụng quy luật giá trị để giải thích một số hiện tượng kinh tế gần gũi trong cuộc sống.

3. Về thái độ

Tôn trọng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa ở nước ta.

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống,hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRONG TÂM:

-Nội dung của quy luật giá trị

-Tác động của quy luật giá trị

-Vận dụng quy luật giá trị

III. PHƯƠNG PHÁP: Thuyết trình, đàm thoại, giải quyết vấn đề, trực quan.

IV. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

1. Tài liệu

- Tài liệu chính thức: sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.

- Tài liệu tham khảo khác:

+ Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.

+ Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

2. Phương tiện

- Sơ đồ biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa và một vài video clip minh họa cho nội dung bài học (mục 2, 3).

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ

- Phân tích các chức năng của thị trường. Cho ví dụ minh họa cho từng chức năng.

- Trong đời sống kinh tế - xã hội, các chủ thể kinh tế nên vận dụng các chức năng của thị trường như thế nào?

2. Giới thiệu bài mới

Tại sao trong sản xuất, có lúc người sản xuất lại thu hẹp sản xuất, có lúc lại mở rộng sản xuất, hoặc khi đang sản xuất mặt hàng này lại chuyển sang mặt hàng khác? Tại sao trên thị trường, hàng hóa khi thì nhiều, khi thì ít ; khi giá cao, khi giá thấp. Những hiện tượng nói trên là ngẫu nhiên hay do quy luật nào chi phối? Đề lý giải những câu hỏi đó, chúng ta cùng tìm hiểu bài 3: *Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa (2 tiết)*.

3. Dạy bài mới

Tiết 1

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học												
HĐ1: Tìm hiểu nội dung của quy luật giá trị. - Mục tiêu: học sinh nêu được nội dung và phân tích được biểu hiện của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. - Phương pháp: giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết trình, gợi mở. - Sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào? - Sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở <i>thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.</i> → Đây cũng chính là nội dung của quy luật giá trị. - Cách tính thời gian lao động xã hội cần thiết của một hàng hóa: Giả sử có 100 triệu mét vải do 3 nhóm người sản xuất với số lượng không đều nhau và có thời gian lao động cá biệt sản xuất 1 mét vải khác nhau: <table><tr><th>Nhóm xuất</th><th>Sl hàng hoá (triệu m)</th><th>Thời gian lao động cá biệt để sản xuất 1 m vải (giờ)</th></tr><tr><td>A</td><td>10</td><td>1</td></tr><tr><td>B</td><td>5</td><td>5</td></tr><tr><td>C</td><td>85</td><td>3</td></tr></table> Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất (5h) (A) $TGLĐCB < TGLĐXHCT$ (B) $TGLĐCB > TGLĐXHCT$ (C) $TGLĐCB = TGLĐXHCT$ biệt < thời gian lao động xã hội cần thiết, thực hiện tốt yêu cầu của quy luật giá trị, nên thu được lợi nhuận nhiều hơn mức lợi nhuận trung bình. + Trường hợp (B): người sản xuất có thời gian lao động cá biệt > thời gian lao động xã hội cần thiết, vi phạm yêu cầu của quy luật giá trị, nên bị thua lỗ. + Trường hợp (C): thời gian lao động cá biệt bằng thời gian lao động xã hội cần thiết, thực hiện đúng yêu cầu của quy luật giá trị, nên họ thu được lợi nhuận trung bình. - Sơ đồ biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất hàng hóa, đối với tổng hàng hóa:	Nhóm xuất	Sl hàng hoá (triệu m)	Thời gian lao động cá biệt để sản xuất 1 m vải (giờ)	A	10	1	B	5	5	C	85	3	1. Nội dung của quy luật giá trị *Nội dung khái quát: Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó. *Biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa: + Trong sản xuất, quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất hàng hóa phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết.
Nhóm xuất	Sl hàng hoá (triệu m)	Thời gian lao động cá biệt để sản xuất 1 m vải (giờ)											
A	10	1											
B	5	5											
C	85	3											

- Giải thích sơ đồ: + Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt < tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, vi phạm quy luật giá trị, dẫn đến <i>thiếu hàng hóa</i> trên thị trường. + Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt > tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, vi phạm quy luật giá trị, dẫn đến <i>thừa hàng hóa</i> trên thị trường. + Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt = tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, phù hợp với yêu cầu của quy luật giá trị, nên có tác dụng <i>góp phần cân đối và ổn định thị trường</i>. → Cơ chế hoạt động của quy luật giá trị. - Trên thị trường, giá cả của từng hàng hóa có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị hàng hóa hình thành trong sản xuất, do ảnh hưởng của <i>cạnh tranh, cung - cầu</i>. - VD: Hàng hóa A có giá trị = 10 giờ lao động, nhưng trên thị trường có thể bán = 11 giờ hoặc 9 giờ lao động. Chúng đều xoay quanh trục 10 giờ lao động. - Giảng thêm: Yêu cầu này là điều kiện đảm bảo cho nền kinh tế hàng hóa vận động và phát triển bình thường (hay cân đối).	+ Trong lưu thông, việc trao đổi hàng hóa phải dựa theo nguyên tắc ngang giá. -Đối với 1 hàng hóa, giá cả của một hàng hóa có thể bán cao hoặc thấp so với giá trị của nó nhưng bao giờ cũng phải xoay quanh trục giá trị hàng hóa. - Đối với tổng hàng hóa trên toàn xã hội, quy luật giá trị yêu cầu: <i>tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất.</i>
---	--

4. Luyện tập củng cố

- GV: Em đồng ý với ý kiến nào sau đây:

- a. Sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động cá biệt.
- b. Sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết.
- c. Sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động của người sản xuất có điều kiện xấu nhất.
- d. Sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động của người sản xuất có điều kiện tốt nhất.

- HS: Đồng ý với ý kiến b.

- GV: Hãy nêu khái quát nội dung quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

- HS: Trả lời dựa vào nội dung bài học.

5. Hướng dẫn học sinh học bài, làm việc ở nhà (2 phút)

Học sinh về nhà học bài 3 (mục 1) và xem trước mục 2, 3 (phần còn lại của bài 3)/.

Bài 3**Tiết 8: QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA
(tiết 2)**

1. Kiểm tra bài cũ

Hãy nêu khái quát nội dung của quy luật giá trị biểu hiện trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

2. Giới thiệu bài mới

Quy luật giá trị có những tác động nào trong quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa? Đồng thời, việc vận dụng quy luật này như thế nào cho có lợi? Đây chính là nội dung cơ bản của tiết học hôm nay.

3. Dạy bài mới

Tiết 2

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
HD2: Tìm hiểu tác động của quy luật giá trị. - Mục tiêu: học sinh nêu và phân tích được những tác động của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. - Phương pháp: hỏi – đáp, thuyết trình, trực quan. - Quy luật giá trị có những tác động gì? 3 tác động của quy luật giá trị - Cho học sinh xem sơ đồ minh họa về những tác động của quy luật giá trị (Bảng 1, SGK, tr. 54). - Những tác động đó có phải hoàn toàn tích cực hay vừa có hai mặt: tích cực và tiêu cực? - Mỗi tác động của quy luật giá trị đều có mặt tích cực và tiêu cực. - Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa là gì? - Cho học sinh xem đoạn video clip nói về việc các công ty tăng nguồn hàng thực phẩm vào dịp tết. - Tại sao quy luật giá trị lại có tác động điều tiết <i>sản xuất và lưu thông</i> hàng hóa? - Nếu ở ngành nào đó khi <i>cung nhỏ hơn cầu</i>, giá cả hàng hóa sẽ lên cao hơn <i>giá trị</i>, hàng hóa bán chạy, lãi cao, thì người sản xuất sẽ đổ xô vào ngành ấy. Do đó, tư liệu sản xuất và sức lao động được chuyển dịch vào ngành ấy tăng lên. Ngược lại, khi <i>cung</i> ở ngành đó vượt quá cầu, giá cả hàng hóa giảm xuống, hàng hóa bán không chạy và có thể lỗ vốn, buộc người sản xuất phải thu hẹp quy mô sản xuất lại hoặc chuyển sang đầu tư vào ngành có giá cả hàng hóa cao. Điều tiết <i>lưu thông</i> của quy luật giá trị cũng thông qua giá cả trên thị trường. Sự biến động của giá cả thị trường có tác dụng thu hút luồng hàng từ nơi giá cả thấp đến nơi giá cả cao, làm cho lưu thông hàng hóa thông suốt. - Tại sao quy luật giá trị lại có tác động kích thích lực lượng sản xuất phát triển và làm cho năng suất lao động tăng lên?	2. Tác động của quy luật giá trị a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa. Là sự phân phối lại các yếu tố TLSX và sức lao động từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác; phân phối lại nguồn hàng từ nơi này sang nơi khác; mặt hàng này sang mặt hàng khác theo hướng từ nơi có lãi ít hoặc không lãi sang nơi lãi nhiều thông qua biến động của <i>giá cả trên thị trường</i> dưới tác động của <i>quy luật cung cầu</i>.

- Nhận xét, lý giải: Do điều kiện sản xuất khác nhau nên hao phí lao động cá biệt của những chủ thể kinh tế khác nhau. Người sản xuất nào có hao phí lao động cá biệt nhỏ hơn hao phí lao động xã hội của hàng hóa thì có lợi, thu lãi cao, ngược lại thì sẽ bất lợi, lỗ vốn.
 - Vậy, để giành lợi thế trong cạnh tranh và tránh nguy cơ vỡ nợ, phá sản, những người sản xuất, kinh doanh phải làm gì? Bằng cách nào?
 - Nhận xét, chốt lại.
 - Sự cạnh tranh quyết liệt càng thúc đẩy quá trình này diễn ra mạnh mẽ hơn, mang tính xã hội, làm cho lực lượng sản xuất xã hội phát triển mạnh mẽ. Nhưng, nếu cạnh tranh không lành mạnh thì cũng sẽ phát sinh nhiều tiêu cực.
 - Cho học sinh xem hai đoạn video minh họa về công ty giấy Vĩnh Tiến, áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất, không ngừng sáng tạo về mẫu mã sản phẩm, và về công ty sữa Vinamilk, chú trọng đầu tư áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất, làm ra các sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường.
 - Tại sao quy luật giá trị lại có tác động phân hóa người sản xuất thành giàu - nghèo?
 - Nhận xét, chốt lại.
 - Cho học sinh xem một đoạn video minh họa về sự phá sản, giải thể của công ty Dệt Long An năm 2004.
- => Tác dụng của quy luật giá trị có ý nghĩa : một mặt chi phối sự lựa chọn tự nhiên, đào thải các yếu kém, kích thích các nhân tố tích cực phát triển; mặt khác, phân hóa xã hội thành kẻ giàu, người nghèo, tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội.

HĐ3: Tìm hiểu các nội dung vận dụng quy luật giá trị của Nhà nước và công dân.

- Mục tiêu: làm cho học sinh nhận thức được nội dung biết vận dụng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- Phương pháp: hỏi – đáp, thuyết trình, trực quan.
- Nội dung và tác động của quy luật giá trị được Nhà nước ta vận dụng như thế nào hiện nay?
- Nhận xét, chốt lại.
- Nhà nước điều tiết thị trường bằng cách thực thi các *chính sách xã hội* và sử dụng *thực lực kinh tế của Nhà nước*.

b. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên

Người sản xuất, kinh doanh muốn thu nhiều lợi nhuận, phải tìm cách *cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, nâng cao tay nghề của người lao động*, hợp lý hóa sản xuất, thực hành tiết kiệm...làm cho giá trị hàng hóa cá biệt của họ thấp hơn giá trị xã hội của hàng hóa.

c. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa

- Những người có điều kiện sản xuất thuận lợi, có trình độ, kiến thức cao, trang bị kỹ thuật tốt nên có hao phí lao động cá biệt thấp hơn hao phí lao động xã hội cần thiết, nhờ đó giàu lên nhanh chóng, có điều kiện mua sắm thêm TLSX, đổi mới kỹ thuật, mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Những người không có điều kiện thuận lợi, làm ăn kém cỏi, gặp rủi ro trong kinh doanh nên bị thua lỗ dẫn tới phá sản trở thành nghèo khó.

3. Vận dụng quy luật giá trị

a. Về phía Nhà nước

- Xây dựng và phát triển mô hình

- Còn về phía công dân thì vận dụng như thế nào? - Nhận xét, chốt lại.	<i>kinh tế thị trường</i> định hướng xã hội chủ nghĩa. - Điều tiết thị trường nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực. b. Về phía công dân (doanh nghiệp và kinh tế gia đình) - Phần đầu giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, thu nhiều lợi nhuận. - Chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu mặt hàng và ngành hàng sao cho phù hợp với nhu cầu. - Đổi mới kỹ thuật – công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng hàng hóa.
---	--

4. Luyện tập củng cố

- GV: Hãy nêu khái quát 3 tác động của quy luật giá trị.
- HS: Trả lời.
- GV: Nhận xét.
- GV: Khi gia nhập WTO, người sản xuất kinh doanh ở nước ta có thể gặp những khó khăn gì?

5. Hướng dẫn học sinh học bài, làm việc ở nhà

Học sinh về nhà học bài 3, xem trước bài 4: Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa (1 tiết)/.

Bài 4

**Tiết 9: CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA
(1 tiết)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, học sinh cần đạt được:

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm cạnh tranh trong sản xuất, lưu thông hàng hóa và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.
- Hiểu được mục đích cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, các loại cạnh tranh và tính hai mặt của cạnh tranh.

2. Về kỹ năng

- Phân biệt mặt tích cực và mặt hạn chế của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- Nhận xét được vài nét về tình hình cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa ở địa phương.

3. Về thái độ

Ủng hộ các biểu hiện tích cực, phê phán các biểu hiện tiêu cực của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

4. Về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

1. Tài liệu

- Tài liệu chính thức: sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tài liệu tham khảo khác:
+ Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.
+ Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

2. Phương tiện

- Máy vi tính, đèn chiếu (projector).

III. PHƯƠNG PHÁP: diễn giảng kết hợp với đàm thoại, trực quan, nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm...

IV. TRONG TÂM

Giáo viên tập trung làm rõ:

- Khái niệm và nguyên nhân của cạnh tranh.
- Mục đích của cạnh tranh.
- Các loại cạnh tranh và tác động của chúng.
- Tính hai mặt của cạnh tranh.

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ

- Hãy nêu những tác động của quy luật giá trị đối với sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- Nội dung và tác động của quy luật giá trị được Nhà nước và công dân vận dụng như thế nào ở nước ta?

2. Giới thiệu bài mới

Quan sát trên thị trường chúng ta thường bắt gặp những hiện tượng ganh đua, giành giật hay cạnh tranh giữa những người bán với nhau ; giữa những người mua với nhau ; giữa xí nghiệp hoặc cửa hàng này với xí nghiệp hoặc cửa hàng kia

..... Những hiện tượng đó tốt hay xấu, có cần thiết hay không và được giải thích như thế nào ?

3. Dạy bài mới

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
<u>HĐ1</u>: Tìm hiểu khái niệm và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. * Mục tiêu: làm cho học sinh nêu được khái niệm cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. * Phương pháp: trực quan, diễn giảng, nêu và giải quyết vấn đề. - Cạnh tranh là gì? - Nguyên nhân nào dẫn đến sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa? - Nhận xét, chốt lại. - Mục đích của cạnh tranh là gì? - Giới thiệu cho học sinh xem các ảnh minh họa cho các loại cạnh tranh và chốt lại nội dung bài học.	1. Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh a. Khái niệm cạnh tranh Là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận. b. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh - Do sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh. - Do điều kiện sản xuất và lợi ích của mỗi chủ thể kinh tế khác nhau. - Để giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ. 2. Mục đích và các loại cạnh tranh a. Mục đích của cạnh tranh Nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu nhiều lợi nhuận: - Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực sản xuất khác. - Giành ưu thế về khoa học và công nghệ. - Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng và các đơn đặt hàng. - Giành ưu thế về chất lượng, giá cả hàng hóa và phương thức thanh toán. b. Các loại cạnh tranh (Không học) 3. Tính hai mặt của cạnh

- Cạnh tranh đưa đến những ý nghĩa tích cực gì? - Cạnh tranh không lành mạnh đưa đến những mặt hạn chế gì?	tranh a. Mặt tích cực - Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học - kỹ thuật phát triển, năng suất lao động tăng lên. - Khai thác tối đa mọi nguồn lực. - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. b. Mặt hạn chế của cạnh tranh - Làm cho môi trường, môi sinh mất cân bằng nghiêm trọng. - Sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bất lương. - Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.
--	---

4. Luyện tập củng cố

- GV: Yêu cầu học sinh làm bài tập 3, SGK, tr.42.
- HS: Theo hướng “gay gắt, quyết liệt”, vì trình độ phát triển của cạnh tranh không đều và lợi ích kinh tế khác nhau giữa nhóm nước công nghiệp phát triển với nhóm nước đang phát triển (trong đó có Việt Nam).
- GV: Yêu cầu học sinh làm bài tập 5, SGK, tr.42.
- HS: Điều đó sai. Vì cạnh tranh bản thân nó mang tính hai mặt, do đó, nếu chỉ có giải pháp khắc phục mặt hạn chế mà không có giải pháp phát huy mặt tích cực thì cũng không giảm mặt hạn chế một cách cơ bản.

5. Hướng dẫn học sinh học bài, làm việc ở nhà

Học sinh về nhà học bài 4, xem trước bài 5: Cung - cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa (1 tiết). Xem trước bài tập 1, 2, 3, 4, 5, SGK, tr. 47 – 48.

Bài 5**Tiết 10: CUNG – CẦU TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA (1tiết)****I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Học xong bài này, học sinh cần đạt được:

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm cung, cầu.
- Hiểu được mối quan hệ cung – cầu, vai trò của quan hệ cung cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- Nêu được sự vận dụng quan hệ cung – cầu.

2. Về kỹ năng

Biết giải thích ảnh hưởng của giá cả thị trường đến cung – cầu của một loại sản phẩm ở địa phương.

3. Về thái độ

Có ý thức tìm hiểu mối quan hệ cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

4. Về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRONG TÂM

Giáo viên tập trung làm rõ:

- Khái niệm cung, cầu.
- Mối quan hệ cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá:
- + Nội dung và biểu hiện của quan hệ cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.
- + Vai trò của quan hệ cung – cầu.
- Vận dụng quan hệ cung – cầu qua các đối tượng:
- + Nhà nước điều tiết quan hệ cung – cầu thông qua các chính sách kinh tế, chính sách xã hội và lực lượng kinh tế của Nhà nước.
- + Người sản xuất – kinh doanh vận dụng quan hệ cung – cầu thông qua việc ra các quyết định sản xuất, kinh doanh.
- + Người tiêu dùng (khách hàng) vận dụng quan hệ cung – cầu qua các quyết định mua hàng hoá, dịch vụ trên thị trường.

III. PHƯƠNG PHÁP:

Diễn giảng, nêu và giải quyết vấn đề, đàm thoại, phương pháp sơ đồ.

IV. TÀI LIỆU PHƯƠNG TIỆN**1. Tài liệu**

- Tài liệu chính thức: sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tài liệu tham khảo khác:
- + Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.
- + Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

2. Phương tiện

- Máy vi tính, đèn chiếu (projector).

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Kiểm tra bài cũ**

- Cạnh tranh là gì? Hãy nêu nguyên nhân và mục đích của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.

- Từ tính hai mặt tích cực và hạn chế của cạnh tranh, hãy cho biết Nhà nước cần làm gì để phát huy mặt tích cực và khắc phục mặt hạn chế của cạnh tranh hiện nay ở nước ta?

2. Giới thiệu bài mới

Bằng quan sát trực quan chúng ta thấy rằng trên thị trường người mua, người bán thường xuyên tác động qua lại lẫn nhau để hình thành mối quan hệ giữa họ với nhau. Vậy mối quan hệ đó là gì ? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
*Hoạt động 1: GV: Đặt vấn đề Trong nền sản xuất hàng hóa mục đích của sản xuất là để tiêu dùng để bán . Trong đó sản xuất gắn với cung và tiêu dùng gắn với cầu. GV: ghi lên bảng một số nhu cầu về các loại hàng hóa: nhà, ô tô, máy vi tính, cặp sách, mũ, đĩa nhạc, giày dép, bút,... GV: hỏi HS trong số những hàng hóa trên các em có nhu cầu nào? HS: Trả lời GV: các em có thể thanh toán cho những nhu cầu nào? ? : Theo em có mấy loại nhu cầu và có phải bất kì nhu cầu nào cũng được nhà sản xuất quan tâm? ? : Vậy qua ví dụ và phân tích trên em hãy cho biết cầu là gì? GV: Vậy số lượng cầu phụ thuộc vào những yếu tố nào? Ví dụ: Người nông dân có nhu cầu mua máy tuốt lúa → Phù hợp với thu nhập của mình Ví dụ: Các loại điện thoại di động 8800, N90 ... ít người sử dụng vì giá cao → Phụ thuộc vào giá cả Ví dụ: Vào mùa trung thu nhà nào cũng có nhu cầu mua bánh trung thu → Phụ thuộc vào thị hiếu của người tiêu dùng → *Yếu tố ảnh hưởng đến cầu Thu nhập, giá cả, thị hiếu, tâm lý....., trong đó thu nhập và giá cả là những yếu tố chủ yếu. *Hoạt động 2: ? Người tiêu dùng có tiền thì sẽ tìm nhu cầu về những mặt hàng hóa này ở đâu? -GV: Hàng hóa được thị trường cung cấp được gọi là cung. Vậy cung là gì? -GV: hỏi: vậy những yếu tố nào ảnh hưởng đến	1. Khái niệm cung- cầu: a. Khái niệm cầu: Cầu là khối lượng hàng hóa dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kỳ nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định b. Khái niệm cung: Cung là khối lượng hàng hóa, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định.

số lượng cung? và cho vd HS: trả lời GV: nhận xét và kết luận * Những yếu tố ảnh hưởng đến cung: - Khả năng sản xuất. - Số lượng. - Chi phí sản xuất. - Chất lượng. - Năng suất. - Giá cả - Quan trọng nhất. - Phong tục, tập quán. Vd1: Giá thịt gà tăng cao thì có nhiều nhà chăn nuôi, mở rộng trang trại. Vd2: đạo Hồi kiêng ăn thịt heo nên hạt nêm Knor được làm từ xương hầm thịt heo nguyên chất không thể bán được ở các nước theo đạo Hồi. Đạo Hindu không ăn thịt bò... ? Vậy những yếu tố nào ảnh hưởng đến cung và trong các yếu tố đó yếu tố nào là quan trọng nhất? *Hoạt động 3: GV: Ở phần trên chúng ta đã tìm hiểu và biết được thế nào là cung, cầu hàng hoá nhưng chúng có quan hệ như thế nào với nhau và vai trò của chúng đối với sản xuất và lưu thông hàng hoá là như thế nào thì chúng ta sẽ tìm hiểu ở phần 2 GV: nếu một nhà sx làm ra nhiều hàng hóa mà không quan tâm đến nhu cầu của người tiêu dùng thì sẽ ntn? HS: Trả lời GV: Nhận xét và đặt tiếp câu hỏi: Vậy ngược lại người tiêu dùng có quan tâm đến tình hình của nhà sx hay không? HS: Trả lời GV: nhận xét và bổ sung - Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá trên thị trường cung và cầu thường xuyên tác động với nhau và là hai bộ phận cấu thành mối quan hệ cung - cầu. - Mối quan hệ này thường xuyên tiếp diễn trên thị trường, tồn tại và hoạt động một cách khách quan độc lập với ý của con người GV: Vậy nội dung của mối quan hệ cung-cầu là gì? HS: trả lời GV: kết luận	2. Mối quan hệ cung - cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá: a. Nội dung của quan hệ cung - cầu: <u>Nội dung:</u> Mối quan hệ cung - cầu là mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau giữa người bán với người mua hay giữa những người sản xuất với những người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ. <u>Ba biểu hiện của nội dung quan hệ cung - cầu:</u> *Cung - cầu tác động lẫn
--	---

GV: vậy nội dung mối quan hệ cung-cầu có những biểu hiện nào chúng ta cùng tiếp tục tìm hiểu. GV: Sau khi phân tích như vậy thì em nào hãy lấy ví dụ về sự tác động lẫn nhau giữa cung và cầu? HS: cho vd GV: nhận xét và cho thêm vd Vd1: vào mùa trung thu nhu cầu bánh trung thu tăng cao=>nhà sx bánh trung thu (Kinh Đô, Đồng Khánh, Như Lan...) sx ra nhiều. Qua mùa trung thu nhu cầu giảm=>các hãng thu hẹp sx hoặc không sx nữa thay thế bằng các loại bánh khác. Vd2: khi luật pháp quy định bắt buộc đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy nếu không sẽ bị xử lý nghiêm, triệt để. Nhu cầu mũ bảo hiểm tăng(cầu tăng)=>cung tăng (các nhà sx sản xuất ra nhiều mũ bảo hiểm, nhiều cơ sở sx mũ bảo hiểm cũng ra đời) Thay vào đó là ta thấy mũ vải mất chỗ đứng, nhu cầu giảm rõ rệt=>các nhà sx thu hẹp sx hoặc chuyển sang sx mặt hàng khác. GV: Theo em cung và cầu có ảnh hưởng đến giá cả trên thị trường hay không? Em hãy lấy ví dụ minh họa cho trường hợp này. HS: trả lời ý kiến cá nhân. GV: nhận xét và cho thêm vd Vd1: qua mùa trung thu nhu cầu về bánh trung thu giảm=>giá bán bánh trung thu giảm đột ngột. Vd2: trái cây trái mùa(cung<cầu) giá cao Vd3: tết nhu cầu bánh kẹo tăng=>giá bánh kẹo thường cao hơn. GV: Qua ví dụ em nào hãy cho cô biết giá cả ảnh hưởng như thế nào đối với cung - cầu ? HS: cho vd GV: nhận xét và cho thêm vd Vd1: khi giá cà phê giảm=>thu hẹp sx, nhiều gỗ còn chặt cây cà phê để trồng loại cây khác. Vd2: khi giá gạo, cà phê tăng người dân lại sx, trồng nhiều. Vd3: khi có đợt giảm giá, khuyến mãi người tiêu dùng đổ xô đi mua hàng	nhau: - Cầu tăng => sản xuất mở rộng => cung tăng. - Cầu giảm => sản xuất thu hẹp => cung giảm. *Cung - cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường: - Cung = Cầu → giá cả = giá trị. - Cung > Cầu → giá cả < giá trị . - Cung < Cầu → giá cả > giá trị. *Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu: - về phía cung: Khi giá cả tăng => cung tăng và ngược lại. - về phía cầu: Khi giá cả giảm => cầu tăng và ngược lại. b. Vai trò của quan hệ cung - cầu: <i>(Không học)</i> 3/ Vận dụng quan hệ cung - cầu:  Đối với nhà nước: Thông
--	--

Vd4: giá xăng tăng thì người tiêu dùng giảm nhu cầu đi lại hoặc chọn phương tiện đi lại công cộng như xe buýt rẻ hơn.

***Hoạt động 4: Vận dụng quan hệ cung - cầu:**

GV: Lấy một vài ví dụ cho HS

Ví dụ : Các em thấy trên thị trường có lúc vàng, xi măng, sắt thép, gạo, cung nhỏ hơn cầu, Nhà nước có thể mua của nước ngoài các loại hàng hoá trên và bán ra thị trường nhằm lập lại sự cân đối giữa cung - cầu ổn định giá cả.

Ví dụ : Để ổn định đời sống của nhân dân, phục vụ nhu cầu đi lại trước giá dầu thô liên tục tăng như hiện nay Nhà nước ta vẫn phải thường xuyên bù giá, trợ cấp cho các chủ doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu để họ có thể bán xăng ở giá có thể chấp nhận được

Ví dụ: Vào mùa hè nhu cầu sử dụng điện làm mát rất lớn vì thế sẽ gây ra tình trạng thiếu điện. Vì vậy các nhà sản xuất chuyển sang kinh doanh các loại bóng điện quạt tiêu tốn ít điện năng để đáp ứng nhu cầu của người dân vào mùa hè.

Ví dụ : khi gà bị cúm thì nhu cầu về thịt gà giảm=>giá rẻ=>người chăn nuôi thu hẹp quy mô sx.

Ví dụ : Sau đợt dịch tai xanh ở heo vừa qua khiến thịt heo rất khan hiếm vì thế mà thịt heo trên thị trường giá rất cao từ 65000 đến 75000 ngàn 1 ký, giá cả đắt khiến người dân chuyển sang mua cá, tôm, gà, đậu hũ...

qua việc điều tiết cung - cầu trên thị trường.

- Khi cung < cầu do khách quan điều tiết bằng cách sử dụng lực lượng dự trữ giảm giá để tăng cung.

- Khi cung < cầu do tự phát, đầu cơ, tích trữ, điều tiết bằng cách: xử lý vi phạm pháp luật, sử dụng lực lượng dự trữ quốc gia để tăng cung.

- Khi cung > cầu quá nhiều, có biện pháp kích cầu (tăng đầu tư, tăng lương...)

🚩 Đối với người sản xuất kinh doanh: Nhằm vững các trường hợp cung - cầu để ra quyết định.

- Thu hẹp sản xuất, kinh doanh khi cung > cầu, giá cả < giá trị có thể bị thua lỗ.

- Khi cung < cầu, giá cả > giá trị thì chuyển sang sản xuất kinh doanh.

🚩 Đối với người tiêu dùng: Nhằm vững các trường hợp cung - cầu để ra quyết định mua hay không mua.

- Giảm mua các mặt hàng khi cung < cầu và giá cả cao.

- Chuyển sang mua các mặt hàng khi cung > cầu và giá cả thấp.

4. Cung cố :

- Cầu là khối lượng hàng hoá, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kỳ nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định.

- Cung là khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định.

- Quan hệ cung - cầu là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa người bán với người mua hay giữa những người sản xuất với những người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

- Biểu hiện của quan hệ cung – cầu : cung - cầu tác động lẫn nhau, cung - cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường, giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu.

- Vai trò của quan hệ cung - cầu đối với người sản xuất và người tiêu dùng.
- Vận dụng quan hệ cung - cầu đối với nhà nước, người sản xuất kinh doanh, người tiêu dùng.

Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Điền vào chỗ trống nội dung phù hợp:

Cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì tương ứng với giá cả và xác định.

- a. Khả năng
- b. Thu nhập
- c. Tiêu dùng

Câu 2: Mối quan hệ giữa số lượng cung với mức giá cả vận động theo:

- a. Tỷ lệ nghịch
- b. Tỷ lệ thuận
- c. Bằng nhau

Câu 3: Quan hệ cung cầu mang tính:

- a. Tồn tại và hoạt động khách quan
- b. Độc lập với ý chí con người
- c. Diễn ra thường xuyên trên thị trường
- d. Các kiến trên đều đúng

Đáp án: 1. b

2. a

3. d

5. Dẫn dò :

- Làm bài tập trong SGK.
- Học bài cũ.
- Chuẩn bị bài 6.

Tiết 11

KIỂM TRA VIẾT 1 TIẾT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1- Về kiến thức

- Giúp học sinh nắm vững một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản đã học.
- Nêu được sự vận dụng quan hệ cung – cầu.

2- Về kỹ năng

- Trên cơ sở những kiến thức đã học có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn trong đời sống xã hội của mình.

3- Về thái độ

- Có ý thức tự giác trong học tập cũng như trong khi làm bài kiểm tra.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV - HS

- Giấy kiểm tra, bút viết.

III. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC

1. Ổn định lớp

2. Nội dung kiểm tra (từ bài 1 – 5)

- Thiết lập ma trận đề kiểm tra

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng
--------	-----------	------------	----------	------

Chủ đề			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
1. Hàng hoá - Tiền tệ - Thị trường	Biết khái niệm hàng hoá	Hiểu được 2 thuộc tính của hàng hoá	Lấy ví dụ minh hoạ		
Số câu:	1/3	1/3	1/3		1
Số điểm:	0,5	1,5	2,0		4,0
Tỉ lệ:	5%	15%	20%		40%
2. Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá	Biết được nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông.			Lý giải được vì sao quy luật giá trị lại thúc đẩy LLSX phát triển và NSLĐ tăng	
Số câu:	1/2			1/2	1
Số điểm:	0,5			2,5	3,0
Tỉ lệ	5%			25%	30%
3. Cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.	Nêu được thế nào là cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá, quan hệ cung – cầu.	Hiểu được quan hệ cung – cầu ảnh hưởng như thế nào đến giá cả thị trường.			
Số câu:	1/2	1/2			1
Số điểm:	1,5	1,5			3,0
Tỉ lệ	15%	15%			30%
Tổng số câu:	1/3+1/2+1/2	1/3+1/2	1/3	1/2	3
Tổng số điểm:	2,5	3,0	2,0	2,5	10
Tỉ lệ:	25%	30%	20%	25%	100%

- Biên soạn đề kiểm tra:

Câu 1: Hàng hoá là gì? Trình bày 2 thuộc tính của hàng hoá? Lấy ví dụ cụ thể? (4,0 điểm)

Câu 2: Tại sao nói quy luật giá trị lại có tác động kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên? (3,0 điểm).

Câu 3: Em hiểu thế nào là cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá? Quan hệ cung – cầu ảnh hưởng như thế nào đến giá cả thị trường? (3,0 điểm).

Bài 6

Tiết 12: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC (2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, học sinh cần đạt được:

1. Về kiến thức

- Hiểu được thế nào là công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; vì sao phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Nêu được nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.
- Hiểu được trách nhiệm của công dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Về kỹ năng

Biết xác định trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Về thái độ

- Tin tưởng, ủng hộ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước .
- Quyết tâm học tập, rèn luyện để trở thành người lao động đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

IV. TRỌNG TÂM:

- GV làm rõ khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- Nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.
- Tính tất yếu khách quan công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- **III. PHƯƠNG PHÁP:** Nêu vấn đề, thuyết trình, trực quan; phương pháp chủ yếu là phương pháp mô hình, biểu đồ.

IV. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN

1. Tài liệu

- Tài liệu chính thức: sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tài liệu tham khảo khác:
 - + Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.
 - + Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

2. Phương tiện

- Sơ đồ, biểu đồ.

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ

- *Hãy phân tích sự ảnh hưởng, tác động qua lại giữa cung – cầu và giá cả thị trường.*

- *Quan hệ cung – cầu hàng hóa được Nhà nước, các chủ doanh nghiệp và người tiêu dùng vận dụng như thế nào?*

2. Giới thiệu bài mới

Trong mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 – 2010, đã được Đảng ta đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, năm 2006, có nêu : “*Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020*”. Vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là gì? Tại sao nước ta phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa? Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta có những nội dung gì? Công dân có trách nhiệm như thế nào đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước? Để lý giải cho những câu hỏi đó, chúng ta cùng tìm hiểu bài 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (2 tiết).

3. Dạy bài mới

Tiết 1

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
<u>HĐ1</u>: Tìm hiểu đơn vị kiến thức 1: Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước * Mục tiêu: học sinh hiểu được thế nào là công nghiệp hóa, hiện đại hóa. * Cách thực hiện: sử dụng phương pháp thuyết trình, trực quan. - Từ thế kỷ XVIII đến nay, nhân loại đã trải qua hai cuộc cách mạng công nghiệp: + Thế kỷ XVIII, nhân loại bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ I gắn liền với cuộc cách mạng kỹ thuật. Lao động thủ công được thay thế bằng lao động cơ khí, máy móc và hệ thống máy móc dựa trên kỹ thuật cơ khí và công nghệ sản xuất dây chuyền. → gắn với khái niệm CNH. + Vào nửa sau thế kỷ thứ XX (những năm 40 của thế kỷ XX), đặc biệt từ những năm 70 của thế kỷ XX trở lại đây, thế giới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ II, được gọi là cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật (hay cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại). Đó là cuộc cách mạng về công nghiệp dựa trên kỹ thuật vi tính, điện tử - tin học, quá trình tự động hóa, công nghệ gen, tế bào, công nghệ vật liệu mới, năng lượng mới... → gắn với khái niệm hiện đại hóa. - Công nghiệp hóa là gì? - Hiện đại hóa là gì? - Vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là gì ? - Giải thích mối quan hệ giữa công nghiệp hóa với hiện đại hóa. Trong thời đại ngày nay, các nước tiến hành công nghiệp hóa sau như nước ta thì công nghiệp hóa phải gắn liền với hiện đại hóa. Có 3 lý do chủ yếu : Nhân	1. Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tính tất yếu khách quan và tác dụng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước a. Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

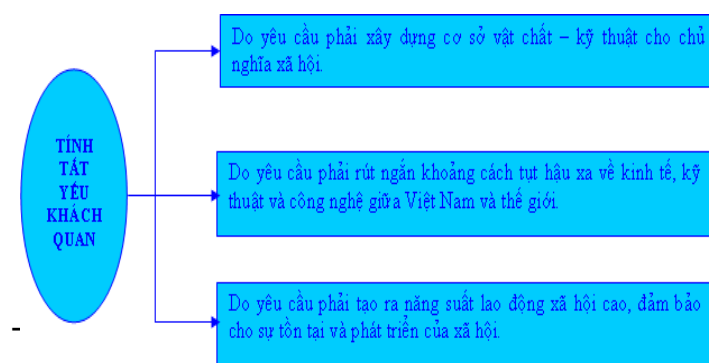
loại đã trải qua hai cuộc cánh mạng kỹ thuật ; Yêu cầu thực hiện mô hình CNH phát triển rút ngắn hiện đại ; Xu hướng toàn cầu hóa mở ra cơ hội mới cho các nước tiến hành CNH sau như Việt Nam.

HĐ 2 : Tìm hiểu đơn vị kiến thức 2 : Tính tất yếu khách quan và tác dụng của CNH, HĐH.

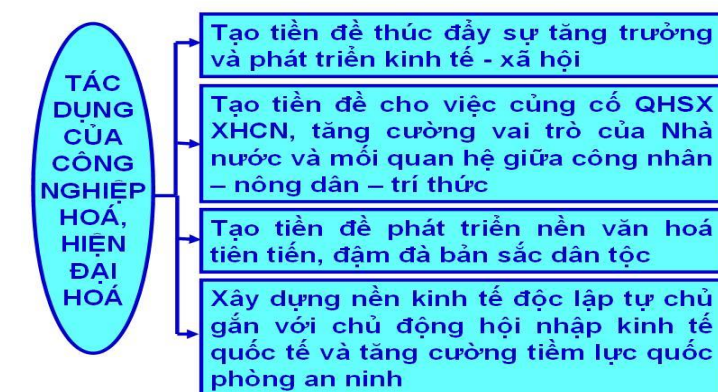
* Mục tiêu : học sinh biết được vì sao phải CNH, HĐH đất nước, tác dụng to lớn và toàn diện của CNH, HĐH đất nước.

* Cách thực hiện : sử dụng phương pháp sơ đồ, thuyết trình.

- Cho học sinh xem sơ đồ : bảng 1, SGK, tr.83 :



- Sử dụng bảng 2, SGK, tr.84 để thuyết trình các tác dụng to lớn và toàn diện của công nghiệp hóa, hiện đại hóa :



b. Tính tất yếu khách quan và tác dụng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

- Tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

+ Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

+ Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu xa về kinh tế, kỹ thuật và công nghệ giữa Việt Nam và thế giới.

+ Do yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động xã hội cao, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của xã hội.

- Tác dụng to lớn và toàn diện của công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

+ Tạo tiền đề thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tạo tiền đề cho việc củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò của Nhà nước và mối quan hệ giữa công nhân, nông dân, trí thức.

+ Tạo tiền đề phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, gắn với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.

4. Luyện tập củng cố

- GV: Yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi : *Tại sao nói tác dụng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là công việc to lớn và toàn diện?*

- HS: *To lớn* vì nó tạo ra cơ sở vật chất đảm bảo cho chế độ xã hội chủ nghĩa chiến thắng các chế độ xã hội trước nó, đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; *toàn diện* vì tác dụng đó diễn ra và thắng lợi trên tất cả

các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, hội nhập, quốc phòng, an ninh...

5. Hướng dẫn học sinh học bài, làm việc ở nhà

Học sinh về nhà học bài 6 (mục 1) và xem trước phần còn lại của bài (mục 2, 3)/.

Bài 6

**Tiết 13 : CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC
(tiết 2)**

1. Kiểm tra bài cũ

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là gì? Vì sao trong thời đại ngày nay, các nước tiến hành công nghiệp hóa sau như nước ta thì công nghiệp hóa phải gắn liền với hiện đại hóa?

- Hãy trình bày tính tất yếu khách quan, tác dụng to lớn và toàn diện của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Giới thiệu bài mới

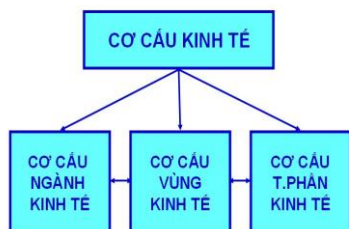
Tuần rồi, chúng ta đã tìm hiểu xong khái niệm, tính tất yếu khách quan và tác dụng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuần này, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta và trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, qua mục 2, 3 của bài 6.

3. Dạy bài mới

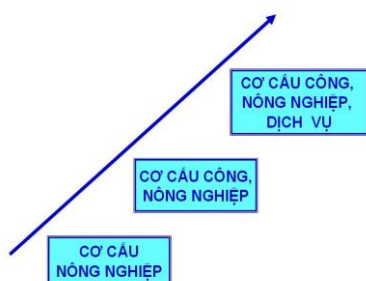
Tiết 2

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
HD3: Tìm hiểu đơn vị kiến thức 3: Nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. * Mục tiêu: học sinh hiểu và nêu được nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. * Cách thực hiện: sử dụng phương pháp thuyết trình, phương pháp sơ đồ, trực quan. - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta có những nội dung cơ bản gì? - Cho học sinh xem sơ đồ khái quát, bảng 3, SGK, tr. 84: <pre> graph LR A[Nội dung cơ bản của CNH, HĐH] --> B[Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất] A --> C[Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hiệu quả] A --> D[Củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất XHCN] </pre> - Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất được thể hiện thông qua những việc làm nào? - Nhận xét, chốt lại.	2. Nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta a. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất - Thực hiện cơ khí hóa nền sản xuất xã hội. - Áp dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế. - Nâng cao chất lượng nguồn

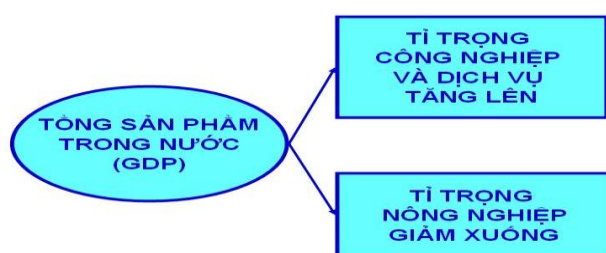
- Lần lượt cho học sinh xem các sơ đồ sau:
- + Sơ đồ 1: Cơ cấu kinh tế:



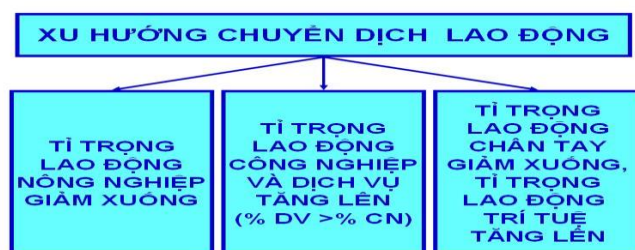
- + Sơ đồ 2: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế:



- + Sơ đồ 3: Tỷ trọng phát triển cơ cấu ngành kinh tế trong GDP:



- + Sơ đồ 4: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động trong tổng lao động xã hội:



-

bộ :

nhân lực.

b. Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hiệu quả

- Chuyển dịch, phát triển từ cơ cấu kinh tế nông nghiệp lên cơ cấu kinh tế công, nông nghiệp và dịch vụ hiện đại.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

iến

- Ví dụ: Cơ cấu kinh tế theo ngành và vùng ở nước ta đã và đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa: + Năm 2005: . Cơ cấu ngành: tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP là 41%. Tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản là 20.9%. Tỷ trọng dịch vụ là 38.1%. . Cơ cấu lao động: tỷ trọng lao động của ngành công nghiệp và xây dựng trong tổng số lao động xã hội: 17.9%. Lao động trong các ngành dịch vụ: 25.3%. Lao động trong các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: 56.8%. + Dự báo năm 2010, cơ cấu ngành trong GDP (tổng sản phẩm trong nước) sẽ là: nông nghiệp 15-16%; công nghiệp và xây dựng 43-44%; dịch vụ 40-41% <u>HĐ4</u>: Tìm hiểu đơn vị kiến thức 4: Trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. * Mục tiêu: học sinh hiểu được trách nhiệm của công dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. * Cách thực hiện: sử dụng phương pháp hỏi – đáp, thuyết trình, trực quan. - Công dân có trách nhiệm như thế nào đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước? - Nhận xét, chốt lại nội dung bài học.	c. Củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và tiến tới xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân (Không học). 3. Trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước - Nhận thức đúng đắn về tính tất yếu khách quan và tác dụng to lớn của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. - Lựa chọn ngành, mặt hàng có khả năng cạnh tranh cao, phù hợp với nhu cầu của thị trường. - Ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất. - Học tập, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học - công nghệ hiện đại.
---	---

4. Luyện tập củng cố

- GV: Yêu cầu học sinh xem lại khái niệm cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội (SGK, tr. 50) :

Cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội là nền công nghiệp lớn hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, trình độ xã hội hóa cao, dựa trên nền tảng của khoa học và công nghệ tiên tiến, được hình thành và phân bố có kế hoạch trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Trả lời câu hỏi : Em có nhận xét gì về cơ sở vật chất – kỹ thuật của nước ta hiện nay, đã đáp ứng được yêu cầu về cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội hay chưa ?

- HS: Trình độ phát triển cơ sở vật chất – kỹ thuật của nước ta hiện nay còn rất thấp so với yêu cầu về trình độ đã nêu trong khái niệm trên.

- GV : Cho học sinh làm bài tập 6, SGK, tr. 55.

- HS : Chọn phương án (c). Vì có kết hợp mới vừa giữ được độc lập tự chủ, vừa nhanh chóng rút ngắn thời gian thực hiện con đường công nghiệp hóa mà Đảng ta đã xác định.

5. Hướng dẫn học sinh học bài, làm việc ở nhà

Học sinh về nhà học bài 6 (mục 2, mục 3) và xem trước bài 7 : Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần và tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước (2 tiết), mục 1 : Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần./.

Bài 7

Tiết 14: THỰC HIỆN NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN VÀ TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC (2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, học sinh cần đạt được:

1. Về kiến thức

- Nêu được thế nào là thành phần kinh tế.
- Nêu được sự cần thiết khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta.
- Biết được đặc điểm cơ bản của các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay.
- Hiểu được vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam.

2. Về kỹ năng

- Phân biệt được các thành phần kinh tế ở địa phương.
- Xác định được trách nhiệm của mỗi công dân trong việc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta.

3. Về thái độ

- Tin tưởng, ủng hộ đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước.
- Tích cực tham gia phát triển kinh tế gia đình, phù hợp với điều kiện của gia đình và khả năng của bản thân.
- Quyết tâm học tập, rèn luyện để trở thành người lao động đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

4. Về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRONG TÂM:

-Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần

III. PHƯƠNG PHÁP: Nêu vấn đề, thuyết trình, trực quan, phương pháp mô hình, biểu đồ.

IV. TÀI LIỆU PHƯƠNG TIỆN

1. Tài liệu

- Tài liệu chính thức: sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tài liệu tham khảo khác:
- + Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.
- + Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

2. Phương tiện

- Sơ đồ, biểu đồ

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta có những nội dung gì?
- Công dân có trách nhiệm như thế nào đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?

2. Giới thiệu bài mới

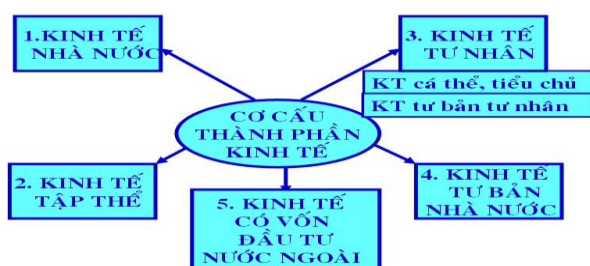
Sau hơn 20 năm đổi mới (1986 đến nay), nước ta đã có một sự thay đổi cơ bản và toàn diện, làm cho thế và lực, uy tín quốc tế của nước ta tăng lên nhiều so

với trước. Tình hình cung – cầu hàng hóa hiện nay nhiều, phong phú và đời sống nhân dân cao hơn so với thời kỳ trước năm 1986. Nguyên nhân nào dẫn đến sự thay đổi đó? Phải chăng do nước ta đã chuyển đổi mô hình kinh tế cũ sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy nền kinh tế nhiều thành phần làm cơ sở kinh tế. Vậy, thành phần kinh tế là gì? Tại sao trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta lại phải thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần?... Để trả lời cho những câu hỏi đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài 7: Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần và tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước (2 tiết).

3. Dạy bài mới

Tiết 1

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
HĐ1: Tìm hiểu đơn vị kiến thức 1: Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần. * Mục tiêu: học sinh hiểu và nêu được thế nào là thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta. * Cách thực hiện: sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi – đáp, trực quan, sơ đồ. - Cho ví dụ về một thành phần kinh tế như kinh tế hộ gia đình và hỏi thành phần kinh tế là gì? - Tại sao nói sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta là một tất yếu khách quan?	1. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần a) Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần - Khái niệm thành phần kinh tế : Thành phần kinh tế là kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất. - Tính tất yếu khách quan của sự tồn tại nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta : + Do trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nước ta vẫn tồn tại một số thành phần kinh tế của xã hội trước đây; đồng thời xuất hiện thêm những thành phần kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa. + Vì ở nước ta, lực lượng sản xuất phát triển còn thấp và ở nhiều trình độ khác nhau nên có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất.
HĐ2: Tìm hiểu đơn vị kiến thức 2: Tìm hiểu các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay. * Mục tiêu: học sinh biết được đặc điểm cơ bản của các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay. * Cách thực hiện: sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi – đáp, trực quan, sơ đồ.	b. Các thành phần kinh tế ở nước ta



- Kinh tế nhà nước là thành phần kinh tế như thế nào ? - Nội dung của kinh tế nhà nước : bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ dự trữ quốc gia, các quỹ bảo hiểm nhà nước, các tài sản thuộc sở hữu nhà nước có thể đưa vào sản xuất kinh doanh, gồm cả những phần vốn của nhà nước đóng góp vào các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác. Nội dung của nó mạnh hơn, rộng hơn bộ phận doanh nghiệp nhà nước. - Vai trò : giữ vai trò chủ đạo, nắm giữ các vị trí, các lĩnh vực then chốt trong nền kinh tế ; là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay, thúc đẩy các thành phần kinh tế khác cùng phát triển. - Xu hướng vận động : trong những năm tới, kinh tế nhà nước tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực : kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, vào một số lĩnh vực công ích, đẩy mạnh và mở rộng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Chuyển một số công ty nhà nước thành tập đoàn kinh tế hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, có sự tham gia cổ phần của tư nhân trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. - Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế như thế nào ? - Nội dung : bao gồm những hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. - Vai trò : kinh tế tập thể cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. - Xu hướng vận động : tiếp tục tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thức đa dạng, từ thấp lên cao : tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới, liên hiệp hợp tác xã cổ phần. - Kinh tế tư nhân là gì ? - Nội dung : bao gồm kinh tế cá thể tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân. - Vai trò : có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế. - Xu hướng vận động : hiện nay, phần lớn hoạt động dưới hình thức hộ gia đình đối với thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ và đang có tiềm năng to lớn, vị trí quan trọng lâu dài. Còn đối với thành phần kinh tế tư bản tư nhân trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tồn tại dưới các hình thức : doanh nghiệp tư bản tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.	- <i>Kinh tế nhà nước: là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu nhà nước về tư liệu sản xuất.</i> - <i>Kinh tế tập thể: là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất</i> - <i>Kinh tế tư nhân: là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, bao gồm:</i>
---	---

4. Luyện tập củng cố (5 phút)

- GV: Tại sao hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất lại là căn cứ trực tiếp để xác định thành phần kinh tế?

Đáp án: Vì nó gắn với chủ sở hữu, quy định quan hệ quản lý và quan hệ phân phối trong hệ thống quan hệ sản xuất đối với mỗi thành phần kinh tế nhất định.

- GV : Tại sao trong 5 thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước lại giữ vai trò chủ đạo?

Đáp án: Để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế thị trường nước ta hiện nay, để nó phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, vận động theo quỹ đạo XHCN, chống lại xu hướng tự phát TBCN.

5. Hướng dẫn học sinh học bài, làm việc ở nhà (2 phút)

Các em về nhà xem trước phần còn lại của bài, trả lời các câu hỏi sau:

+ Tại sao Nhà nước lại phải quản lý kinh tế? (Nhóm 1)

+ Nội dung vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước? Tại sao Nhà nước lại có vai trò đó? (Nhóm 2,3)

+ Làm thế nào để tăng cường vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước? (Nhóm 4)./.

Tiết 15: BÀI 7 : THỰC HIỆN NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN VÀ TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC (tiết 2)

1. Kiểm tra bài cũ

- Câu hỏi 1: Vì sao nói thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần là tất yếu khách quan? (4 điểm)

- Câu hỏi 2: Trên cơ sở nhận thức được sự cần thiết phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, là công dân, học sinh, em có thể xác định trách nhiệm của mình như thế nào đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần? (6 điểm)

2. Giới thiệu bài mới

Tuần rồi, chúng ta đã tìm hiểu tiết 1 của bài 7 (Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần và tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước) đã nắm vững được một số nội dung như : Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta . Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu phần còn lại của bài

3. Dạy bài mới

Tiết 2

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
*Hoạt động 2: Tìm hiểu đơn vị kiến thức 2: Tìm hiểu các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay. (tiếp theo) - Kinh tế tư bản nhà nước là gì ? - Nội dung : bao gồm các hình thức hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước và nước ngoài. - Vai trò : thành phần kinh tế này có vai trò rất quan trọng, là cầu nối để đưa sản xuất nhỏ lạc hậu lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. - Xu hướng vận động : hiện nay, thành phần kinh tế này đang có nhiều tiềm năng phát triển. - Hiểu như thế nào là đúng về thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ? - Nội dung : có quy mô vốn lớn, có trình độ quản lý hiện đại và trình độ công nghệ cao, đa dạng về đối tác. - Vai trò : góp phần thúc đẩy nền kinh tế nước ta tăng trưởng và phát triển. - Xu hướng phát triển : phát triển theo hướng sản xuất kinh doanh để xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm việc làm.	b. Các thành phần kinh tế ở nước ta + Kinh tế cá thể, tiểu chủ: dựa trên hình thức sở hữu nhỏ về TLSX và lao động của bản thân người lao động - <i>Kinh tế tư bản nhà nước: là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu hỗn hợp về vốn giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước hoặc nước ngoài.</i> - <i>Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu vốn của nước ngoài.</i> => Nhà nước chủ trương phát triển các thành phần kinh tế để thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài

*Hoạt động 3 Tìm hiểu đơn vị kiến thức 3: Trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần. * Mục tiêu: học sinh hiểu và xác định được trách nhiệm của mỗi công dân trong việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta. * Cách thực hiện: sử dụng phương pháp thuyết trình, sơ đồ. - Cho học sinh xem sơ đồ trách nhiệm của công dân (bảng 1, SGK, tr. 94) và giảng giải.	nước, tạo nhiều việc làm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. c. Trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần - <i>Tin tưởng và chấp hành tốt chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.</i> - <i>Tham gia lao động sản xuất ở gia đình; vận động người thân tham gia đầu tư vào sản xuất, kinh doanh.</i> - <i>Tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành, nghề và mặt hàng mà pháp luật không cấm.</i> - <i>Chủ động tìm kiếm việc làm trong các thành phần kinh tế.</i>
---	--

4. Luyện tập củng cố

- GV: Câu hỏi 1 (Bài 7, SGK, tr.65): Thành phần kinh tế nhà nước khác với thành phần kinh tế tư bản nhà nước về:

- Hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất
- Quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất
- Quan hệ trong phân phối sản phẩm
- Tất cả các phương án trên

- HS : Đáp án đúng là d.

- GV: Câu hỏi 2 (Bài 8, SGK, tr.65): Theo em, với sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, vấn đề tìm kiếm việc làm có gì khác so với trước đây khi nền kinh tế nước ta còn tình trạng bao cấp?

- HS : Đáp án: Trong nền kinh tế nhiều thành phần, việc tìm kiếm việc làm có nhiều cơ hội. Chúng ta có thể tham gia bất cứ thành phần kinh tế nào để có thu nhập chính đáng cho mình, cho gia đình và xã hội.

5. Hướng dẫn học sinh học bài, làm việc ở nhà

Các em về nhà học bài 7 (tiết 2), và tìm hiểu (qua sách tham khảo, mạng internet...) một số nội dung liên quan đến bài ngoại khóa tìm hiểu về tác hại của các chất ma túy và chất gây nghiện thường gặp:

- + Ma túy là gì? Đặc điểm chung của ma túy?
- + Các chất ma túy và chất gây nghiện thường gặp.
- + Những tác hại chung của ma túy.
- + Tình hình lạm dụng ma túy, các chất gây nghiện và tội phạm ma túy ở nước ta./.

PHẦN HAI

CÔNG DÂN VỚI CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI

Tiết 16 - Bài 8: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (2 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Hiểu được CNXH là giai đoạn đầu của xã hội CSCN.
- Nêu được sự những đặc trưng cơ bản của CNXH ở nước ta.
- Nêu được tính tất yếu khách quan đi lên chủ nghĩa xã hội và đặc điểm thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

2. Về kỹ năng

- Phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa CNXH với các chế độ trước đó ở Việt Nam.

3. Về thái độ

- Tin tưởng vào thắng lợi của CNXH ở nước ta; có ý thức sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo vệ CNXH.

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRỌNG TÂM:

- Những đặc trưng cơ bản của CNXH ở nước ta.

III. PHƯƠNG PHÁP

Nêu vấn đề, thuyết trình, trực quan, phương pháp mô hình, biểu đồ.

IV. TÀI LIỆU PHƯƠNG TIỆN

1. Tài liệu

- Tài liệu chính thức: sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tài liệu tham khảo khác:
 - + Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.
 - + Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

2. Phương tiện

- Sơ đồ, biểu đồ

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ

- 1) Nêu sự cần thiết, khách quan phải có vai trò quản lí kinh tế của Nhà nước?
- 2) Nêu nội dung quản lí kinh tế của Nhà nước?

2. Giới thiệu bài mới

CNXH là mục tiêu cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đang ra sức phấn đấu xây dựng. Hiện nay chúng ta đang trong thời kì quá độ lên CNXH. Vậy CNXH là gì? Thế nào là thời kì quá độ lên CNXH? CNXH có những đặc trưng cơ bản nào? Để trả lời câu hỏi đó, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

3. Dạy bài mới

Hoạt động của GV – HS	Nội dung
* Hoạt động 1: Nghiên cứu tài liệu SGK và thảo luận lớp. +Mục tiêu: HS hiểu được CNXH là giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa. +Cách thức thực hiện:GV sử dụng	1. CNXH và những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam a) CNXH là giai đoạn đầu của xã hội CSCN

phương pháp đàm thoại, gợi mở. -GV:Bằng kiến thức đã học, em hãy cho biết lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua những chế độ xã hội nào? -GVKL: * Em có nhận xét gì về trình độ phát triển của xã hội sau so với xã hội trước? Nêu VD thực tiễn để minh họa? * Theo em yếu tố nào đóng vai trò quyết định sự thay đổi chế độ xã hội này bằng chế độ xã hội khác tiến bộ hơn? Nêu VD thực tiễn để minh họa? *Theo quan điểm của CN Mác - Lê Nin, XHCSCN phát triển qua những giai đoạn nào? * Hai giai đoạn phát triển của xã hội CSCN có gì khác nhau? Vì sao có sự khác nhau đó? (+ Khác nhau ở cách thức phân phối sản phẩm. -GV giải thích: "Làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có nghĩa là:Người làm nhiều hưởng nhiều, người làm ít hưởng ít, người không làm không hưởng. Còn " làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu" có nghĩa là: Làm ít, làm nhiều, không làm đều hưởng như nhau. + Có sự khác nhau là do trình độ phát triển KT đặc biệt là sự phát triển LLSX, mới chỉ đạt mức độ đảm bảo cho xã hội thực hiện n/tắc phân phối "làm theo năng lực, hưởng theo lao động"). -GVdẫn lời: Ngay từ khi ra , ĐCSVN khẳng định trải qua 2 giai đoạn: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và sau đó tiến thẳng lên CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN. Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng ta đã tiếp tục lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi theo	Lịch sử phát triển của xã hội loài người trải qua 5 chế độ xã hội từ thấp đến cao: - Xã hội Cộng sản nguyên thủy - Xã hội Chiếm hữu nô lệ. - Xã hội Phong kiến. - Xã hội TBCN. - Xã hội CSCN. -Các chế độ xã hội sau có trình độ phát triển cao hơn và tiến bộ hơn so với các xã hội trước đó. - Yếu tố đóng vai trò quyết định sự thay đổi chế độ xã hội, đó là sự phát triển kinh tế, trong đó sự phát triển LLSX là yếu tố quyết định nhất. - Theo quan điểm của CN Mác - Lê nin CNCS phát triển qua hai giai đoạn từ thấp đến cao: + Giai đoạn đầu (giai đoạn thấp- CNXH): + Giai đoạn sau (giai đoạn cao- Xã hội CSCN): -Hai giai đoạn phát triển của xã hội cộng sản chủ nghĩa khác nhau ở cách thức phân phối sản phẩm.Ở CNXH là làm theo năng lực,hưởng theo lao động.Còn ở CNCS là làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu.
---	---

<i>con đường XHCN. Vậy CNXH ở Việt Nam có những đặc trưng cơ bản gì?</i> * Hoạt động 2: Nghiên cứu tài liệu và động não. - GV: * Theo em mục tiêu xây dựng đất nước là gì? * XHCN mà nd ta xd do ai làm chủ? Nêu vd và liên hệ thực tiễn để minh hoạ? * XHCN mà nd ta xd có nền KT phát triển như thế nào? Nêu vd và liên hệ thực tiễn để minh hoạ? * XHCN mà nd ta xd có nền VH như thế nào? Nêu vd và liên hệ thực tiễn để minh hoạ? * XHCN mà nd ta xd cuộc sống con người sẽ như thế nào? * XHCN mà nd ta xd , các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam sống và quan hệ với nhau như thế nào? * XHCN mà nd ta xd có nhà nước như thế nào? * XHCN mà nd ta xd có quan hệ với nhân dân các nước trên thế giới như thế nào? * Từ những đặc trưng trên, em có nhận xét gì về bản chất của CNXH?	b) Những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam - Là một xh dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. - Do nhân dân làm chủ. - Có nền KT phát triển cao, dựa trên LLSX hiện đại và qh sx phù hợp với trình độ phát triển của LLSX - Có nền VH tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. - Con người được giải phóng khỏi áp bức , bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện. - Các dt trong cộng đồng VN bình đẳng, đk, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. - Có nhà nước pháp quyền XHCN của nd, do nd, vì nd dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. - Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nd các nước trên thế giới. -GVKL: CNXH mà chúng ta đang xây dựng là một xã hội phát triển, tốt đẹp hơn các xã hội trước đó.
---	---

4. củng cố bài

Cần nắm: CNXH là giai đoạn đầu của CNCS; Những đặc trưng cơ bản của CNXH.

5. Hướng dẫn HS tự học ở nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi sgk.

-Đọc trước **tiết 2 - Bài 8:**

Tiết 17

Bài 8: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
(Tiết 2)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Nêu được tính tất yếu khách quan đi lên CNXH và đặc điểm thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta.

2. Về kỹ năng

- Phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa CNXH với các chế độ trước đó ở Việt Nam.

3. Về thái độ

- Tin tưởng vào thắng lợi của CNXH ở nước ta; có ý thức sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo vệ CNXH.

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRONG TÂM:

- Đặc điểm thời kì quá độ đi lên CNXH ở nước ta.

III. PHƯƠNG PHÁP

Nêu vấn đề, thuyết trình, đàm thoại...

IV. TÀI LIỆU PHƯƠNG TIỆN

1. Tài liệu

- Tài liệu chính thức: sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tài liệu tham khảo khác:
 - + Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.
 - + Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

2. Phương tiện

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra bài cũ

* Nêu những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam.

2. Giới thiệu bài mới

3. Dạy bài mới.

Hoạt động của GV – HS	Nội dung
* Hoạt động 3: Nghiên cứu tài liệu và	2. Quá độ lên CNXH ở nước ta

động não tìm hiểu nội dung mục 2. +Mục tiêu:Nêu được tính tất yếu khách quan đi lên CNXH và đặc điểm thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam. +Cách tiến hành: GV sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở. -GV DL: Bàn về CNXH, Mác - Lê Nin đã khẳng định: "Tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên CNXH. Đó là điều không thể tránh khỏi và đều phải trải qua một thời kì quá độ, thời kì quá độ lên CNXH". -GV: Em hãy cho biết có mấy hình thức quá độ đi lên CNXH? - GV nêu 2 ht quá độ. - GV: * Theo em, sau khi hoàn thành CM DTDCND đất nước thống nhất thì ở nước ta đã có CNXH chưa? Tại sao? (Vì: + Chưa có nền đại công nghiệp – cơ sở v.c – kt của CNXH. + Chế độ công hữu về TLSX chủ yếu giữ vai trò chủ đạo trong nền KT quốc dân cũng phải qua một quá trình cải tạo và xd mới có được.) * Để có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc và không còn bị bóc lột, chúng ta phải xd chế độ xh nào? Tại sao? * Tại sao nói, nước ta quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng và nhân dân ta? - HS: Đại diện trả lời, bổ xung. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận. - Bỏ qua chế độ TBCN là bỏ qua việc thiết lập vị trí thống trị của QHSX và KTTT TBCN (bỏ qua những mặt tiêu cực), nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN (về KH và CN, để phát triển nhanh LLSX, xd nền KT hiện đại). -GV DL: Thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta là sự tồn tại đan xen lẫn nhau	a) Tính tất yếu khách quan đi lên CNXH ở Việt Nam <i>*Hai hình thức quá độ đi lên CNXH là:</i> <u>-Một là:</u> <i>Quá độ trực tiếp từ CNTB lên CNXH.</i> <u>-Hai là:</u> <i>Quá độ gián tiếp từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển chế độ TBCN.</i> - Khi đất nước thống nhất thì ở nước ta chưa có CNXH với đầy đủ và hoàn chỉnh những đặc trưng của nó. - Để có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc và không còn bị bóc lột, chúng ta phải xd chế độ xh XHCN. Vì: + Chỉ có đi lên CNXH thì đất nước mới thực sự độc lập. + Chỉ có CNXH mới xoá bỏ tận gốc cơ sở sinh ra bóc lột (chế độ tư hữu về TLSX). + Giải phóng người lđ khỏi áp bức, bóc lột, đưa họ từ người nô lệ trở thành người làm chủ xh; mới đem lại cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc; mọi người có điều kiện phát triển toàn diện. => <i>Như vậy tính tất yếu đi lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng và nhân dân ta là xu thế phát triển tất yếu của thời đại.</i>
--	---

<i>giữa những yếu tố của xã hội mới-XHXHCN đang được xây dựng và những tàn dư của xã hội cũ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.</i> GV: * Trong th/kì quá độ ở nước ta có tồn tại cái cũ, cái lạc hậu không? Cho vd minh hoạ? (VD: Những tàn dư, tư tưởng của xh PK, như những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan...đan xen với nhân tố của xh mới đang xây dựng) *Theo em, nền KT nước ta hiện nay có đặc điểm gì? Cho vd minh hoạ? * Trong lĩnh vực tư tưởng, VH có còn tồn tại những tư tưởng, VH lạc hậu không? Cho vd minh hoạ? * Trong XH có còn tồn tại nhiều g/c, tầng lớp không? Tại sao như vậy? Q/hệ giữa các g/c thế nào? - HS: Đại diện trả lời, bổ xung. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận.	b) Đặc điểm thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta - Chính trị: Vai trò lãnh đạo của Đảng ngày càng được tăng cường, NN ngày càng được củng cố và hoàn thiện. - Kinh tế: Tồn tại nền KT HH nhiều thành phần, theo định hướng XHCN; KT Nhà nước giữ vai trò chủ đạo - Tư tưởng, VH: còn tồn tại những tư tưởng, VH lạc hậu, những tàn dư, tư tưởng của xh cũ. (HS tự nêu VD) - XH : còn tồn tại nhiều g/c, tầng lớp. Đời sống nd còn chênh lệch, vẫn còn sự khác biệt giữa lđ trí óc và chân tay. - KL: Thời kì quá độ lên CNXH còn tồn tại nhiều yếu tố khác nhau, thậm chí đối lập nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Cùng những bước tiến trong quá trình xd CNXH, các nhân tố tích cực của CNXH ngày càng phát triển và chi phối mọi lĩnh vực của đời sống xh đảm bảo CNXH được xd thành công.
---	---

4. Củng cố :

- Cần nắm: - Tính tất yếu khách quan đi lên CNXH ở Việt Nam
- Đặc điểm thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta

Câu 1: Em hãy liên hệ thực tiễn, nêu mặt tích cực và hạn chế trong xã hội ta hiện nay?

*Mặt tích cực:

- Nước ta có một Đảng duy nhất lãnh đạo.
- Nhà nước của dân, do dân và vì dân.
- Có truyền thống yêu nước...

*Mặt hạn chế:

- Tham ô, tham nhũng còn nhiều.
- Tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng.

Câu 2: Em hãy nêu một vài biểu hiện về tàn dư của xã hội cũ cần phải đấu tranh mà em biết?

- Mê tín, dị đoan.
- Sinh nhiều con (cần con trai)
- Tham ô, tham nhũng
- Tệ nạn xã hội

Câu 3: Nhà nước ta đã có những chính sách, chương trình nào chăm sóc cho người nghèo?

- HS tự liên hệ

5. Hướng dẫn hs tự học ở nhà

Trả lời Câu hỏi sgk

Tiết 18:

THỰC HÀNH NGOẠI KHÓA CÁC VẤN ĐỀ GIÁO DỤC CHUYÊN ĐỀ : GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG MA TÚY VÀ CHẤT GÂY NGHIỆN TRONG TRƯỜNG HỌC (1 tiết)

I. Mục tiêu bài học

Học xong bài ngoại khóa này, học sinh cần đạt được:

1. Về kiến thức

- Ma túy là gì? Chất gây nghiện là gì?
- Nguyên nhân, tác hại của việc lạm dụng ma túy và cách phòng chống.
- Cơ chế cai nghiện.
 - Các qui định của Nhà nước, của Bộ Giáo dục & Đào tạo trong công tác phòng chống ma túy và chất gây nghiện.

2. Về kỹ năng

- Phòng tránh ma túy và chất gây nghiện.
 - Tổ chức và thực hiện các hoạt động tuyên truyền phòng chống ma túy trong nhà trường và cộng đồng.

3. Về thái độ

- Có ý thức và tinh thần trách nhiệm giáo dục phòng chống ma túy và chất gây nghiện.
- Tích cực tham gia và tổ chức các hoạt động tuyên truyền phòng chống ma túy và chất gây nghiện trong nhà trường và cộng đồng.

II. Tài liệu và phương tiện

- Tài liệu: Bộ Giáo dục và Đào tạo - Viện chiến lược và chương trình giáo dục: *Tài liệu tập huấn giáo dục phòng chống ma túy và chất gây nghiện trong trường học*, Hà Nội, 8/2007.
- Phương tiện: máy chiếu, giấy A4...

III. Nội dung tiết ngoại khóa

Chuyên đề:

TÁC HẠI CỦA CÁC CHẤT MA TÚY VÀ CHẤT GÂY NGHIỆN THƯỜNG GẶP

1. Ma túy là gì?

Ma túy là tên gọi chung chỉ những chất gây nghiện, chất hướng thần, là các chất hóa học có nguồn gốc tự nhiên và nhân tạo *khi xâm nhập cơ thể con người sẽ có tác*

dùng làm thay đổi tâm trạng, ý thức, trí tuệ, chức năng sinh học của con người, có khả năng gây nghiện, gây lệ thuộc về tâm lý và thể chất.

2. Đặc điểm chung của ma túy

Tất cả các ma túy đều gây nghiện, làm cho người nghiện bị lệ thuộc về tinh thần và thể chất, khi thiếu thuốc hoặc ngừng sử dụng sẽ có biểu hiện của hội chứng cai nghiện, làm cơ thể có những phản ứng bất lợi, thậm chí có thể bị đe dọa đến tính mạng.

Tuy nhiên, có một số chất gây nghiện nhưng không bị coi là ma túy như: rượu, bia, thuốc lá, thuốc Lào, cà phê, chè (trà), coca cola...

3. Các chất ma túy và chất gây nghiện thường gặp

a. Các chất ma túy thường gặp

*** Các chất tâm túy gây kích thích**

Ở nhóm chất này, có nhiều chất ma túy thường gặp như: Cocain, Amphetamin và các chất dẫn xuất, Methamphetamin, Ecstasy, Cây khát (Catha). Trong đó, về tác hại, đáng lưu ý nhất là các chất sau:

- **Cocain:** được chiết xuất từ lá cây coca, được trồng nhiều ở Nam Mỹ. Việc dùng cocain nguyên chất cực kỳ tai hại. Nó tác động tới não trong vòng 15 giây, làm rối loạn các tín hiệu điện của não, từ đó sinh ra trạng thái hoang tưởng, kích thích, hưng phấn mạnh.

Người nghiện cocain bị di chứng rối loạn chức năng của cơ quan thần kinh, tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, dễ gây ảo giác, chóng mặt, liệt hô hấp và có thể dẫn đến tử vong.

- **Methamphetamin** (dimethylphenethylamin hay còn được gọi tắt là Meth, Speed) được tổng hợp từ amphetamin, mạnh hơn amphetamin và gấp 500 lần so với thuốc phiện, có khả năng gây nghiện mạnh và tác động nhanh đến hệ thần kinh. Tác hại khi sử dụng: người sử dụng dễ bị kích động gây tội ác tởm, đồng thời làm não thiếu tập trung và “đần” hẳn đi. Vài tháng sau, người nghiện bị sụt cân và có nhu cầu tăng liều dùng, lúc đó nó trở thành tác nhân kích thích người nghiện đi đến hành vi bạo lực vô cùng man rợ. Sử dụng lâu ngày thì tính mạng sẽ bị đe dọa, dễ hôn mê, chết đột tử.

- **Ecstasy (XTZ)** cũng là loại gây nghiện cực mạnh, đang được sử dụng phổ biến.

- **Cây khát (CATHA)** là chất kích thích thần kinh cực mạnh. Lá khát thường được sử dụng tươi bằng cách nhai sống. Những người nghiện nhai lá khát dễ không làm chủ được bản thân, hành động quá khích, thậm chí điên cuồng.

*** Chất ma túy gây ảo giác**

Cần sa: (thường gọi là bồ đề, còn gọi là cây gai dầu, cây lanh mèo, cây gai mèo, cây đại ma...). Sản phẩm bất hợp pháp từ cây cần sa gồm 3 loại: thảo mộc cần sa, nhựa cần sa và tinh dầu cần sa. Tác hại: gây kích thích, hoảng hốt, ảo giác, xơ gan, liệt dương, vô sinh, sinh non.

*** Các chất ma túy gây ức chế thần kinh**

- **Thuốc phiện:** (còn gọi là cây anh túc, cây thầu, cây á phiện, nha phiến, opium, á phù dung), có 3 dạng: thuốc phiện sống, thuốc phiện chín và sỏi thuốc phiện. Tác hại khi sử dụng: người sử dụng thuốc phiện dễ mắc bệnh truyền nhiễm, viêm tắc tĩnh mạch, dễ dẫn đến tàn tật, tử vong.

- **Morphine:** là hóa chất tự nhiên, được chiết xuất từ nhựa thuốc phiện, là hoạt chất chính của thuốc phiện, thực chất là một loại thuốc trị bệnh, có tác dụng làm giảm đau hoặc mất cảm giác đau khi bị chấn thương, sau khi phẫu thuật, hoặc ung thư ở giai đoạn cuối, nhưng khi lạm dụng thì trở thành ma túy. Tác hại của morphine: gây rối loạn tâm thần, ức chế hô hấp, dễ suy tim trực mạch, mất tri giác, hạ huyết áp, mất ngủ... Phụ nữ có thai sử dụng morphine thường đẻ non, trẻ sơ sinh bị suy dinh dưỡng, rối loạn hành vi, mất ngủ, nôn mửa, tiêu chảy.

- **Heroin:** (còn gọi là bạch phiến, hàng trắng, xì ke) được tổng hợp từ morphine, có dạng bột hoặc cục, giá heroin đắt gấp hàng trăm lần so với giá thuốc phiện. Tác hại:

độc tính gấp 10 lần thuốc phiện, dễ gây ra ngộ độc, đột tử, rối loạn tâm thần, hủy hoại thân thể...

- **Barbiturat và các thuốc an thần** (các chất ức chế hệ thần kinh): **Barbiturat** là nhóm chất an thần chống co giật. Tác hại: người nghiện dễ bị mất trí nhớ, nói ngọng, ảo giác, tổn thương hệ tuần hoàn, có khi bị ngộ độc và tử vong (khi sử dụng liều cao). Các loại thuốc an thần là thuốc trị bệnh, nhưng khi lạm dụng thì trở thành ma túy.

- **Dolargan** (còn có tên là Phetidin) là chất bột màu trắng thuộc vào nhóm các chất ức chế hệ thần kinh, làm giảm đau, gây nghiện. Tác hại: khi đã nghiện, nếu đổi thuốc cũng gây bồn chồn, đổ mồ hôi, chuột rút, nôn mửa, mất ngủ, đau đốn.

- **Seduxen**: là một loại dược phẩm tổng hợp, thuộc nhóm chất ức chế hệ thần kinh, là thuốc an thần gây ngủ. Thuốc này được kiểm soát chặt chẽ, chỉ được sử dụng khi mất ngủ và phải có sự hướng dẫn của thầy thuốc. Tác hại: nếu sử dụng thường xuyên, lâu dài sẽ gây quen thuốc, ảnh hưởng xấu đến tim, gan, thận và rối loạn thần kinh, sử dụng liều cao có thể gây tử vong.

b. Các chất gây nghiện thường gặp

- **Caphêin**: là một chất kích thích, làm tăng tốc việc tạo các xung lực thần kinh bằng cách tăng cường hoạt động của bộ não. Với dạng tinh khiết nhất, caphêin chứa các tinh thể có tạo vị đắng và được tìm thấy trong rất nhiều chất thông thường như: cà phê, trà, bột ca cao, sôcôla. Tác hại: với liều lượng lớn (trung bình khoảng 8 cốc cà phê hay 600 mg caphêin), caphêin có thể làm đau đầu, bồn chồn, lo sợ và thậm chí mê sảng. Với liều lượng rất lớn (từ 10.000 mg caphêin trở lên, tương đương với 100 - 200 cốc trà hoặc cà phê), caphêin có thể làm tăng đường trong máu và axit trong nước tiểu. Việc sử dụng thường xuyên caphêin với 600 mg một ngày (hoặc 8 cốc cà phê uống liền) có thể gây ra chứng mất ngủ mãn tính, sự lo lắng thường xuyên, trầm cảm và tình trạng rối loạn tiêu hóa, có thể làm cho tim yếu đi và tăng nguy cơ gây ung thư.

- **Nicotin**: là hoạt chất của cây thuốc lá, là chất gây nghiện có nguồn gốc tự nhiên. Chất này kích thích hệ thần kinh, tuy không bị coi là ma túy nhưng khi nghiện sẽ dễ bị ung thư phổi và viêm phế quản, đau dạ dày, nhàn da, trụy tim... Nếu đã nghiện thì dễ dàng dẫn tới nghiện ma túy, trẻ em không được phép sử dụng.

4. Những tác hại chung của ma túy

a. Tác hại đối với cá nhân người nghiện

- Ảnh hưởng đến sức khỏe:

+ Dưới cái nhìn của y học, nghiện ma túy là một căn bệnh.
+ Những người nghiện ma túy thường bị rối loạn sinh lý (tiêu hóa, thần kinh, tuần hoàn, hô hấp...).

+ Những người nghiện ma túy thường bị bệnh tim mạch, huyết áp; dễ mắc bệnh gan và bệnh thận; thường mắc các bệnh thần kinh; bệnh mất trí nhớ.

+ Người nghiện ma túy hướng thần gây ảo giác có gốc amphetamines (đang được gọi là hồng phiến hay ma túy điên) ngoài việc đột tử do quá liều còn thường bị mục răng.

+ Những người nghiện ma túy có thể bị tai biến do tiêm chích, thường mắc bệnh HIV/AIDS. Phần lớn những người bệnh AIDS, khoảng gần 70%, theo điều tra nghiên cứu gần đây, là những người nghiện hút và chích ma túy. Tuy nhiên, ở nhiều tỉnh của nước ta, có khoảng 80 - 90% người nhiễm HIV là người nghiện chích ma túy.

Theo báo cáo của Bộ Y tế, hết tháng 6/2008, Việt Nam có 129.722 người nhiễm HIV, 26.840 bệnh nhân AIDS và 39.664 bệnh nhân tử vong do AIDS. Ước tính và

dự báo nhiễm HIV/AIDS đến năm 2010 là 311.500 người, tỷ lệ AIDS là 112.227 người, chết vì AIDS lên đến 104.710 người.

- + Người nghiện ma túy thường mắc các bệnh kèm theo như ghê lở, hắc lao...
- Ảnh hưởng tới tâm lý: tinh thần luôn căng thẳng, ý chí, nghị lực bị thui chột.
- Ảnh hưởng tới nhân cách và đạo đức của người nghiện: làm giảm sút nhân cách, suy thoái về đạo đức cá nhân.

b. Ma túy ảnh hưởng tới gia đình

Tệ nạn nghiện ma túy đã làm tan vỡ hạnh phúc của hàng vạn gia đình.

c. Ma túy ảnh hưởng tới xã hội

- Ảnh hưởng xấu tới trật tự, an ninh xã hội: làm cho trật tự an toàn xã hội bị đe dọa, làm phát sinh các tệ nạn như buôn lậu, cờ bạc, mại dâm, trộm cắp, cướp giật, tai nạn giao thông...; là một trong những nguyên nhân lan truyền HIV/AIDS.

- Ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế của xã hội:

+ Tuổi nghiện thường bắt đầu từ độ tuổi tươi đẹp nhất làm được nhiều việc nhất (15 - 35 tuổi), mất lực lượng lao động chính cho xã hội, hàng vạn người nghiện sống bám vào xã hội.

+ Tệ nạn nghiện ma túy gây thiệt hại lớn về kinh tế cho đất nước. Với trên 100.000 người nghiện hàng ngày dùng nhiều loại chất ma túy khác nhau có loại như heroin: 100.000đồng/liều, có loại 30.000 đồng đến 70.000 đồng/liều, có người nghiện phải dùng 3 lần 1 ngày, mỗi năm số người nghiện sẽ tiêu phí hết trên 2.000 tỷ đồng. Ngân sách dành cho việc nuôi dưỡng chữa trị rất lớn. Ví dụ: Ở thành phố Hồ Chí Minh, thống kê 4 năm (2004 đến 2007): tổng số người nghiện: 37.000 người, tổng số trung tâm: 17 (31.000 người), chi ngân sách: 1800 tỷ đồng. 1800 tỷ/31.000 người ≈ 60 triệu đồng/ người.

5. Tình hình lạm dụng ma túy, các chất gây nghiện và tội phạm ma túy ở nước ta

Tình hình nghiện ma túy tính đến hết ngày 30/6/2008 cả nước có 169.000 người nghiện có hồ sơ quản lý, giảm 8.975 người so với cuối năm 2007. Tội phạm ma túy cũng rất phức tạp. Mặc dù các lực lượng chức năng đã đấu tranh, tấn công quyết liệt nhưng tại các tuyến, địa bàn trọng điểm, hoạt động mua bán, vận chuyển ma túy từ bên ngoài vào nước ta vẫn rất đáng lo ngại. Đặc biệt là tại các địa bàn thuộc các tuyến Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc miền Trung, Tây Nam Bộ và trên tuyến biển. Phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm ma túy ngày càng tinh vi, xảo quyệt và sử dụng vũ khí chống đối quyết liệt hơn. Hiện có 35/64 tỉnh, thành phố có tình trạng trồng và tái trồng cây thuốc phiện, cây cần sa. Một số nơi có diễn biến phức tạp như Lạng Sơn đã phát hiện và triệt phá trên 35.000 m², tại Lai Châu diện tích này là 19.300 m².

KẾT LUẬN

Nếu bạn sử dụng ma túy:

- Bạn sẽ bị đuổi học, sẽ bị thất nghiệp.
- Bạn đã vi phạm pháp luật.
- Bạn sẽ đến với HIV – AIDS.

Tiết 19:

ÔN TẬP HỌC KỲ I

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Giúp học sinh hệ thống hoá một số kiến thức cơ bản trong chương trình đã học.

2. Về kĩ năng

- Trên cơ sở những kiến thức đã học có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn trong đời sống hàng ngày của bản thân mình.

3. Về thái độ

- Có ý thức tự giác trong học tập cũng như trong khi làm bài kiểm tra.

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TIẾN TRÌNH ÔN TẬP:

1 Một số câu hỏi ôn tập

Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các câu dưới đây:

Câu 1: *Quan niệm nào sau đây là đúng nhất về hàng hóa?*

- Hàng hóa là sản phẩm của lao động
- Hàng hóa là vật phẩm do con người làm ra, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người
- Hàng hóa là tất cả những gì được đem ra trao đổi mua – bán trên thị trường
- Hàng hóa là sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua – bán*

Câu 2: *Hàng hóa có hai thuộc tính là:*

- Giá trị sử dụng và giá trị
- Giá trị sử dụng và giá trị trao đổi
- Giá trị và giá trị trao đổi
- Giá trị cá biệt và giá trị xã hội

Câu 3: *Giá trị sử dụng của hàng hóa là:*

- Công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người
- Tính hữu ích của vật
- Thuộc tính tự nhiên của vật
- Cả a, b và c đều đúng*

Câu 4: *Số lượng giá trị sử dụng của hàng hóa phụ thuộc vào các nhân tố nào?*

- Những điều kiện tự nhiên
- Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và khoa học công nghệ*
- Chuyên môn hóa sản xuất
- Cả a, b và c đều đúng*

Câu 5: *Giá trị của hàng hóa là:*

- Lao động cá biệt của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa đó
- Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa
- Nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi
- Cả b và c đều đúng*

Câu 6: *Giá trị của hàng hóa được quyết định bởi:*

- Sự khan hiếm của hàng hóa
- Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa*
- Lao động trừu tượng của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa

d. Công dụng của hàng hóa

Câu 7: Lượng giá trị xã hội của hàng hóa được quyết định bởi:

- a. Hao phí vật tư kỹ thuật
- b. Hao phí lao động sống của người sản xuất hàng hóa
- c. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó
- d. Hao phí lao động cần thiết của người đã sản xuất ra hàng hóa đó

Câu 8: Lượng giá trị của đơn vị hàng hóa thay đổi:

- a. Tỷ lệ thuận với năng suất lao động
- b. Tỷ lệ nghịch với cường độ lao động
- c. Tỷ lệ nghịch với năng suất lao động, không phụ thuộc vào cường độ lao động
- d. Cả a và b đều đúng

Câu 9: Lượng giá trị của đơn vị hàng hóa thay đổi:

- a. Tỷ lệ nghịch với thời gian lao động xã hội cần thiết và năng suất lao động
- b. Tỷ lệ thuận với thời gian lao động xã hội cần thiết
- c. Tỷ lệ nghịch với năng suất lao động
- d. Cả b và c đều đúng

Câu 10: Lượng giá trị của đơn vị hàng hóa:

- a. Tỷ lệ thuận với cường độ lao động
- b. Tỷ lệ nghịch với cường độ lao động
- c. Không phụ thuộc vào cường độ lao động
- d. Cả a, b và c đều đúng

Câu 11: Giá trị cá biệt của hàng hóa do:

- a. Hao phí lao động giản đơn trung bình quyết định
- b. Hao phí lao động của ngành quyết định
- c. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất quyết định
- d. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất nhiều hàng hóa quyết định

Câu 12: Giá cả của hàng hóa là:

- a. Sự thỏa thuận giữa người mua và người bán
- b. Sự biểu hiện bằng tiền của giá trị
- c. Số tiền người mua phải trả cho người bán
- d. Giá tiền đã in trên sản phẩm hoặc người bán quy định.

Câu 13: Yếu tố quyết định đến giá cả hàng hóa là:

- a. Giá trị của hàng hóa
- b. Quan hệ cung – cầu về hàng hóa
- c. Giá trị sử dụng của hàng hóa
- d. Một thời trang của hàng hóa

Câu 14: Hai hàng hóa trao đổi được với nhau vì:

- a. Chúng cùng là sản phẩm của lao động
- b. Có lượng thời gian hao phí lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra chúng bằng nhau.
- c. Có lượng hao phí vật tư kỹ thuật bằng nhau
- d. Cả a và b đều đúng

Câu 15: Chọn các ý không đúng về sản phẩm và hàng hóa:

- a. Mọi sản phẩm đều là hàng hóa
- b. Mọi hàng hóa đều là sản phẩm
- c. Mọi sản phẩm đều là kết quả của sản xuất
- d. Không phải mọi sản phẩm đều là hàng hóa

Câu 16: Tiền tệ là gì?

- a. Thước đo giá trị của hàng hóa
- b. Phương tiện để lưu thông hàng hóa và để thanh toán
- c. Là hàng hóa đặc biệt đóng vai trò là vật ngang giá chung
- d. Là vàng, bạc

Câu 17: Bản chất của tiền tệ là gì ? Chọn các ý đúng :

- a. Là hàng hóa đặc biệt, làm vật ngang giá cho các hàng hóa khác
- b. Thể hiện lao động xã hội kết tinh trong hàng hóa
- c. Phản ánh quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất hàng hóa với nhau
- d. Cả a, b, c đều đúng

Câu 18: Tiền tệ có mấy chức năng khi chưa có quan hệ kinh tế quốc tế?

- a. Hai chức năng
- b. Ba chức năng
- c. Bốn chức năng
- d. Năm chức năng

Câu 19: Tiền tệ có mấy chức năng?

- a. Hai chức năng
- b. Ba chức năng
- c. Bốn chức năng
- d. Năm chức năng

Câu 20: Hậu quả khi lạm phát xảy ra là:

- a. Giá cả của hàng hóa tăng, sức mua của tiền giảm
- b. Đời sống của nhân dân lao động gặp khó khăn
- c. Các công cụ quản lý kinh tế của Nhà nước kém hiệu lực
- d. Tất cả đều đúng

Câu 21: Nhân tố cơ bản của thị trường là:

- a. Hàng hóa
- b. Tiền tệ
- c. Người mua, người bán
- d. Bao gồm tất cả các nhân tố trên

Câu 22: Sản xuất và lưu thông hàng hóa chịu sự chi phối của những quy luật kinh tế nào?

- a. Quy luật giá trị
- b. Quy luật cạnh tranh và quy luật cung cầu
- c. Quy luật lưu thông tiền tệ
- d. Cả a, b và c đều đúng

Câu 23: Quy luật giá trị có yêu cầu gì?

- a. Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết
- b. Lưu thông hàng hóa dựa trên nguyên tắc ngang giá
- c. Hao phí lao động cá biệt phải phù hợp với mức hao phí lao động xã hội cần thiết
- d. Cả a, b và c đều đúng

Câu 24: Lưu thông hàng hóa dựa trên nguyên tắc ngang giá. Điều này được hiểu như thế nào là đúng?

- a. Giá cả của từng hàng hóa luôn luôn bằng giá trị của nó
- b. Giá cả của từng hàng hóa có thể cao hoặc thấp hơn giá trị hàng hóa được hình thành trong sản xuất nhưng phải vận động xoay quanh giá trị của nó
- c. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất
- d. Cả b và c đều đúng

Câu 25: Quy luật giá trị tồn tại ở riêng:

- a. Nền sản xuất hàng hóa giản đơn
- b. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa
- c. Trong nền sản xuất vật chất nói chung
- d. Trong nền kinh tế hàng hóa

Câu 26: Quy luật giá trị có tác động:

- a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa
- b. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và tăng năng suất lao động
- c. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa
- e. Bao gồm tất cả các tác động trên

Câu 27: Việc làm nào sau đây của Nhà nước thể hiện sự vận dụng quy luật giá trị?

- a. Xây dựng và phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- b. Thực hiện chế độ một giá, một thị trường thống nhất trong cả nước và mở cửa với thị trường nước ngoài
- c. Điều tiết thị trường nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực
- d. Tất cả các việc làm trên

Câu 28: Việc làm nào sau đây của công dân thể hiện sự vận dụng nội dung và tác động của quy luật giá trị?

- a. Phân đấu giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, thu nhiều lợi nhuận
- b. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu mặt hàng và ngành hàng sao cho phù hợp với nhu cầu
- c. Đổi mới kỹ thuật – công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng hàng hóa
- d. Tất cả các việc làm trên

Câu 29: Nội dung cốt lõi của khái niệm cạnh tranh được thể hiện ở khía cạnh chủ yếu nào sau đây?

- a. Tính chất của cạnh tranh
- b. Các chủ thể kinh tế tham gia cạnh tranh
- c. Mục đích của cạnh tranh
- d. Tất cả các khía cạnh trên

Câu 30: Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là:

- a. Do sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất kinh doanh
- b. Do điều kiện sản xuất và lợi ích của mỗi chủ thể kinh tế khác nhau
- c. Để giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ
- d. Tất cả các nguyên nhân trên

Câu 31: Cạnh tranh nhằm mục đích gì?

- a. Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực sản xuất khác
- b. Giành ưu thế về khoa học và công nghệ
- c. Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng và các đơn đặt hàng
- d. Giành ưu thế về chất lượng, giá cả hàng hóa và phương thức thanh toán...
- e. Tất cả các mục đích trên

Câu 32: Mục đích của cạnh tranh là gì? Chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu trả lời sau:

- a. Nhằm thu lợi nhuận nhiều nhất
- b. Nhằm mua, bán hàng hóa với giá cả có lợi nhất
- c. Giành các điều kiện sản xuất thuận lợi nhất

d. *Giành lợi ích tối đa cho mình*

Câu 33: *Nhà nước sử dụng công cụ, biện pháp gì để khắc phục, điều tiết mặt hạn chế của cạnh tranh?*

- a. Thông qua giáo dục
- b. Thông qua hệ thống pháp luật
- c. Các chính sách kinh tế - xã hội thích hợp
- d. *Tất cả các công cụ, biện pháp trên*

Câu 34: *Cạnh tranh có mấy loại:*

- a. 3 loại
- b. 4 loại
- c. 5 loại
- d. 6 loại

Câu 35: *Đâu là mặt tích cực của cạnh tranh?*

- a. *Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học – kỹ thuật phát triển, năng suất lao động tăng lên*
- b. Làm cho môi trường, môi sinh mất cân bằng nghiêm trọng
- c. Sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bắt lương
- d. *Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường*

Câu 36: *Đâu là mặt hạn chế của cạnh tranh?*

- a. *Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học – kỹ thuật phát triển, năng suất lao động tăng lên*
- b. Khai thác tối đa mọi nguồn lực
- c. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện chủ động hội nhập kinh tế quốc tế
- d. *Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường*

Câu 37: *Những nhân tố khách quan nào ảnh hưởng tới giá cả thị trường?*

- a. Giá trị thị trường của hàng hóa
- b. Cung – cầu hàng hóa và sức mua của tiền
- c. Cạnh tranh trên thị trường
- d. *Cả a, b, c*

Câu 38: *Cung – cầu là quy luật kinh tế. Thế nào là cầu?*

- a. Là nhu cầu của thị trường về hàng hóa
- b. Là nhu cầu của người mua hàng hóa
- c. Là sự mong muốn, sở thích của người tiêu dùng
- d. *Là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kỳ nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định*

Câu 39: *Thế nào là cung hàng hóa?*

- a. Là số lượng hàng hóa xã hội sản xuất ra
- b. Là toàn bộ số hàng hóa đem bán trên thị trường
- c. *Là khối lượng hàng hóa, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định*
- d. Là toàn bộ khả năng cung cấp hàng hóa cho thị trường

Câu 40: *Quan hệ cung – cầu có ảnh hưởng đến:*

- a. Giá trị hàng hóa
- b. *Giá cả hàng hóa*
- c. Giá trị thặng dư
- d. *Cả a, b, c đều đúng*

Câu 41: *Đâu là biểu hiện của nội dung quan hệ cung – cầu?*

- a. Cung – cầu tác động lẫn nhau
- b. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường
- c. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu
- d. Cả a, b, c

Câu 42: *Nội dung nào sau đây đề cập đến vai trò của quan hệ cung – cầu?*

- a. Là cơ sở để nhận thức vì sao giá cả thị trường và giá trị hàng hóa chênh lệch nhau
- b. Là căn cứ để người sản xuất, kinh doanh mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh
- c. Là cơ sở để người tiêu dùng lựa chọn khi mua hàng hóa
- d. Tất cả các nội dung trên

Câu 43: *Nội dung nào thể hiện sự vận dụng quan hệ cung – cầu của Nhà nước?*

- a. Điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp vĩ mô thích hợp
- b. Ra các quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh thích ứng với các trường hợp cung – cầu
- c. Ra các quyết định mua hàng thích ứng với các trường hợp cung – cầu để có lợi
- d. Cả a và b đều đúng

Câu 44: *Nội dung nào thể hiện sự vận dụng quan hệ cung – cầu của người sản xuất, kinh doanh?*

- a. Điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp vĩ mô thích hợp
- b. Ra các quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh thích ứng với các trường hợp cung – cầu
- c. Ra các quyết định mua hàng thích ứng với các trường hợp cung – cầu để có lợi
- d. Cả b và c đều đúng

Câu 45: *Nội dung nào thể hiện sự vận dụng quan hệ cung – cầu của người tiêu dùng?*

- a. Điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp vĩ mô thích hợp
- b. Ra các quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh thích ứng với các trường hợp cung – cầu
- c. Ra các quyết định mua hàng thích ứng với các trường hợp cung – cầu để có lợi
- d. Tất cả đều sai

GỢI Ý TRẢ LỜI PHẢN KIẾN THỨC (LÝ THUYẾT)

Câu 1: *Trình bày nội dung và biểu hiện của nội dung quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.*

- Nội dung khái quát: *Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.*

- Biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa:

+ *Trong sản xuất, quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất hàng hóa phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết.*

. *Đối với từng hàng hóa, phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra từng hàng hóa phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra từng hàng hóa đó.*

. **Đối với tổng số hàng hóa**, phải đảm bảo sao cho tổng thời gian lao động cá biệt để sản xuất tổng hàng hóa phải phù hợp với tổng thời gian lao động xã hội cần thiết của tổng hàng hóa đó.

+ Trong lưu thông, việc trao đổi hàng hóa phải dựa theo nguyên tắc ngang giá.

. **Đối với từng hàng hóa**, giá cả của một hàng hóa có thể bán cao hoặc thấp so với giá trị của nó nhưng bao giờ cũng phải xoay quanh trục giá trị hàng hóa.

. **Đối với tổng hàng hóa trên toàn xã hội**, quy luật giá trị yêu cầu: tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất.

Câu 3: Phân tích nội dung của quan hệ cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

- KN: Quan hệ cung – cầu là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa người bán với người mua hay giữa những người sản xuất với người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

- Những biểu hiện của nội dung quan hệ cung – cầu:

+ Cung – cầu tác động lẫn nhau:

. Khi cầu tăng → sản xuất mở rộng → cung tăng.

. Khi cầu giảm → sản xuất giảm → cung giảm.

+ Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường:

. Khi cung = cầu → giá cả = giá trị.

. Khi cung > cầu → giá cả < giá trị.

. Khi cung < cầu → giá cả > giá trị.

+ Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu:

. Khi giá cả tăng → sản xuất mở rộng → cung tăng và cầu giảm khi mức thu nhập không tăng.

. Khi giá cả giảm → sản xuất giảm → cung giảm và cầu tăng mặc dù thu nhập không tăng.

Câu 4: Trình bày tính tất yếu khách quan và tác dụng to lớn của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

+ Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

+ Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu xa về kinh tế, kỹ thuật và công nghệ giữa Việt Nam và thế giới.

+ Do yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động xã hội cao, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của xã hội.

- Tác dụng to lớn và toàn diện của công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

+ Tạo tiền đề thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tạo tiền đề cho việc củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò của Nhà nước và mối quan hệ giữa công nhân, nông dân, trí thức.

+ Tạo tiền đề phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, gắn với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.

Tiết 20:

KIỂM TRA HỌC KÌ I

I. Mục tiêu kiểm tra.

- Đánh giá được chất lượng học tập bộ môn của học sinh và thái độ của học sinh đối với bộ môn.
- Đánh giá được kĩ năng, kĩ xảo làm bài của học sinh và kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tế địa phương.
- Từ đó giáo viên có cái nhìn tổng quát và điều chỉnh (nếu có) phương pháp và kĩ năng truyền thụ kiến thức cho học sinh.

II. Tiến trình lên lớp.

1. ổn định tổ chức lớp.

2. Nội dung kiểm tra.

Câu hỏi/Mức độ nhận biết	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Câu 1: So sánh sự khác nhau giữa kinh tế tự nhiên và kinh tế hàng hoá? Sản phẩm trở thành hàng hoá cần phải có những điều kiện gì	Sản phẩm trở thành hàng hoá cần phải có những điều kiện gì	So sánh sự khác nhau giữa kinh tế tự nhiên và kinh tế hàng hoá	
20% tổng số điểm = 2,0 điểm	= 1 điểm	= 1 điểm	
Câu 2: Em hãy trình bày nội dung mối quan hệ cung - cầu? sự vận dụng quan hệ cung - cầu của nhà nước, người sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	Trình bày được nội dung quan hệ cung cầu		Lấy được ví dụ minh họa
60% tổng số điểm = 6 điểm	= 5 điểm		= 1 điểm
Câu 3: Có ý kiến cho rằng năng xuất lao động tăng lên làm cho lượng giá trị hàng hóa tăng lên. Điều đó đúng hay sai? Vì sao			Vận dụng kiến thức để giải quyết nội dung câu hỏi
20% tổng số điểm = 2,0 điểm			= 2 điểm

Câu 1: So sánh sự khác nhau giữa kinh tế tự nhiên và kinh tế hàng hoá? Sản phẩm trở thành hàng hoá cần phải có những điều kiện gì? (2 điểm)

- **So sánh kinh tế tự nhiên với kinh tế hàng hóa.**

Kinh tế tự nhiên	Kinh tế hàng hóa
- Tự cung, tự cấp. - Thỏa mãn nhu cầu của chính người sản xuất	- Sản phẩm làm ra để bán. - Thỏa mãn nhu cầu người mua và bán.

- **Điều kiện để sản phẩm trở thành hàng hóa.**

- + Do lao động tạo ra
- + Có công dụng nhất định
- + Khi tiêu dùng phải thông qua mua bán

Câu 2: Em hãy trình bày nội dung mối quan hệ cung - cầu? sự vận dụng quan hệ cung - cầu của nhà nước, người sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng trong sản xuất và lưu thông hàng hóa? (6 điểm)

a. Nội dung của quan hệ cung – cầu

Thể hiện qhệ giữa người mua – người bán, giữa sản xuất – tiêu dùng => để xác định giá cả và số lượng hàng hoá.

- Cung – cầu tác động lẫn nhau (1 điểm)

+ Khi cầu tăng => mở rộng sản xuất => cung tăng

+ Khi cầu giảm => sản xuất giảm => cung giảm

- Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường (1 điểm)

+ Khi Cung = Cầu thì giá cả = giá trị

+ Khi Cung > Cầu thì giá cả < giá trị

+ Khi Cung < Cầu thì giá cả > giá trị

- Giá cả ảnh hưởng đến cung – cầu (1 điểm)

+ Giá cả tăng => mở rộng sản xuất => cung tăng và cầu giảm khi thu nhập không tăng

+ Giá cả giảm => sản xuất giảm => cung giảm và cầu tăng mặc dù thu nhập không tăng

b. Vận dụng quan hệ cung- cầu

- Đối với nhà nước (1 điểm)

+ Khi cung < cầu do k.quan, điều tiết bằng cách sử dụng lực lượng dự trữ để giảm giá và tăng cung

+ Khi cung < cầu do tự phát, đầu cơ, tích trữ thì điều tiết bằng cách xử lí VPPL, sử dụng lực lượng dự trữ quốc gia để tăng cung

+ Khi cung > cầu quá nhiều thì phải kích cầu như tăng lương, tăng đầu tư...để tăng cầu

- Đối với người sản xuất – kinh doanh (1 điểm)

+ Cung > Cầu thì thu hẹp sản xuất – kinh doanh

+ Cung < Cầu thì mở rộng sản xuất – kinh doanh

- Đối với người tiêu dùng (1 điểm)

+ Cung < Cầu thì giảm mua

+ Cung > Cầu thì tăng mua

Câu 3: Có ý kiến cho rằng năng xuất lao động tăng lên làm cho lượng giá trị hàng hóa tăng lên. Điều đó đúng hay sai? Vì sao? (2 điểm)

Năng xuất lao động tăng lên làm cho thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất giảm. Vì vậy năng xuất lao động tăng lên thì giá trị của hàng hóa giảm và ngược lại. Như vậy giá trị tỉ lệ nghịch với năng xuất lao động.

Tiết 21 - Bài 9

NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1- Về kiến thức

- Biết được nguồn gốc, bản chất của Nhà nước.
- Nêu được thế nào là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2- Về kỹ năng

- Biết tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN phù hợp với lứa tuổi và điều kiện bản thân.

3- Về thái độ

- Tôn trọng tin tưởng vào Nhà nước pháp quyền XHCN VN.

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRỌNG TÂM BÀI HỌC

- Thế nào là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

III .PHƯƠNG PHÁP

- Phương pháp thuyết trình

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp thảo luận nhóm

- Phương pháp diễn giảng

IV. TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

1.Tài liệu:

- SGK - SGV GDCD LỚP 11

- Tư liệu lịch sử liên quan đến bài học

2.Phương tiện

V.HOẠT ĐỘNG Ở TRÊN LỚP

1.ổn định tổ chức lớp

2.Kiểm tra bài cũ:

GV giới thiệu cấu trúc bài học trong chương trình học kì II.

3.Giảng bài mới:

Cho đến nay, trong lịch sử phát triển của xã hội loài người đã tồn tại bốn kiểu Nhà nước: Nhà nước chiếm hữu nô lệ, Nhà nước phong kiến, Nhà nước tư sản, Nhà nước XHCN. Nhà nước XHCN là nhà nước kiểu mới, khác về chất so với các nhà nước trước đó

Vậy Nhà nước xã hội chủ nghĩa là gì? Bản chất của Nhà nước XHCN có gì khác với Nhà nước trước đó. Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay : "Nhà nước xã hội chủ nghĩa".

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
-----------------------	----------

*** Hoạt động 1:** Nghiên cứu tài liệu SGK và động não.

+Mục tiêu: Hs hiểu được nguồn gốc và bản chất của Nhà nước.

+Cách tiến hành:

- GV: Mục “a” yêu cầu một h/s đọc, sau đó h/s thảo luận theo lớp

* Tại sao trong xã hội CSNT chưa có nhà nước?

* Nhà nước đầu tiên trong lịch sử xuất hiện khi nào? Nêu ví dụ?

- HS: Đại diện trả lời.

- GV: N/xét, bổ xung, kết luận.

KL: *Nhà nước chỉ ra đời khi xuất hiện chế độ tư hữu về TLSX, xh phân hoá thành các g/c, mâu thuẫn g/c gay gắt không thể điều hoà. Lê-nin: “Bất cứ ở đâu, hễ lúc nào và chừng nào, mà về mặt khách quan, những mâu thuẫn g/c không thể điều hoà được thì nhà nước xuất hiện”*

-GV: Đặt vấn đề

Như chúng ta đã biết, Nhà nước chỉ sinh ra và tồn tại trong xã hội có giai cấp, do đó , Nhà nước cũng thể hiện bản chất giai cấp sâu sắc.

Bản chất giai cấp của Nhà nước nói lên vấn đề Nhà nước ấy là của ai (của giai cấp nào), nó bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của ai trong xã hội.

- GV: * Một số nhà tư tưởng cho rằng: Nhà nước là cơ quan điều hoà các lợi ích, giai cấp, không phải là công cụ thống trị giai cấp. Quan niệm trên đúng hay sai vì sao? Vậy, theo em bản chất của nhà nước là gì? Bản chất giai cấp của Nhà nước thể hiện như thế nào?

- HS: Đại diện trả lời.

- GV: N/xét, bổ xung, kết luận.

KL: *như vậy, nhà nước mang bản chất giai cấp của giai cấp thống trị.*

*** Hoạt động 2:** Giảng giải, thảo luận nhóm

+Mục tiêu: Tìm hiểu khái niệm Nhà nước

1. Nguồn gốc và bản chất của nhà nước

a) Nguồn gốc của nhà nước

- *XH cộng sản nguyên thủy chưa có nhà nước vì:*

+ Trình độ của LLSX còn thấp kém, khối lượng sản phẩm chỉ đủ nhu cầu tối thiểu của các thành viên trong xh.

+ Không có dư thừa làm của riêng, chưa có tư hữu về tài sản, chưa có sự phân chia giai cấp, chưa có sự bóc lột, do đó chưa có nhà nước.

- *Nhà nước đầu tiên trong lịch sử xuất hiện:*

+ Thời kì cuối của xh CSNT LLSX phát triển, sự phân công lao động xh được mở rộng làm cho NSLĐ tăng lên, sản phẩm ngày càng nhiều, xuất hiện điều kiện chiếm đoạt của cải dư thừa làm tài sản riêng, người có địa vị (tù trưởng, thủ lĩnh quân sự) chiếm đoạt tài sản.

+ Như vậy, quá trình tư hữu tài sản diễn ra, chế độ tư hữu hình thành, xh phân chia thành g/c đối lập nhau: g/c bóc lột và g/c bị bóc lột.

+ Do lợi ích đối lập nên mâu thuẫn g/c ngày càng gay gắt không thể điều hoà; để duy trì quản lí xh, đòi hỏi một tổ chức quyền lực mới, tổ chức đó do g/c chiếm ưu thế về kinh tế thiết lập sự thống trị g/c bảo vệ lợi ích và địa vị của mình. Tổ chức đó là nhà nước.

b) Bản chất của nhà nước

Nhà nước là sản phẩm của xã hội có giai cấp, do đó *nhà nước bao giờ cũng mang bản chất giai cấp của một giai cấp nhất định – giai cấp thống trị. Bản chất g/c của nhà nước thể hiện:*

- *Nhà nước là bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của g/c này đối với g/c khác.*

Giai cấp thống trị sử dụng nhà nước để duy trì quyền lực về kinh tế, chính trị và tư tưởng đối với xã hội. Thông qua nhà nước g/c thống trị về KT, trở thành g/c

pháp quyền XHCN Việt Nam, bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam +Cách tiến hành: GV nêu câu hỏi đàm thoại và liên hệ tài liệu lịch sử. - GV: * Thế nào là nhà nước pháp quyền? Nêu VD minh họa? -GV: Liên hệ thực tế và giảng giải. Trong lịch sử không phải Nhà nước nào cũng là Nhà nước pháp quyền (Nhà nước quản lí xã hội bằng pháp luật). -Nhà nước phong kiến là nhà nước quân chủ, quản lí xã hội bằng pháp luật của vua, không phải là Nhà nước pháp quyền, vì những người cầm quyền không hề bị ràng buộc bởi pháp luật, dân phải sống theo luật của vua, còn vua thì không. Cho đến nay, trong lịch sử mới chỉ có nhà nước pháp quyền tư sản và nhà nước pháp quyền XHCN. Mặc dù đều là nhà nước pháp quyền ,song giữa chúng lại có sự khác nhau cơ bản: Nhà nước pháp quyền tư sản là Nhà nước pháp quyền tư sản, thực hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của GCTS; nhà nước pháp quyền XHCN thực hiện ý chí của GCCN và bảo vệ lợi ích của toàn thể nhân dân lao động. -GV: Từ quan niệm trên , chúng ta hiểu thế nào là nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam? -GV:Tổ chức cho HS thảo luận về bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam . . * Nhà nước ta mang bản chất giai cấp nào? Tại sao? *Bản chất g/c công nhân của Nhà nước ta được biểu hiện như thế nào? (Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn bộ	thống trị về chính trị và tư tưởng; ý chí của g/c thống trị thể hiện thành ý chí của nhà nước, bắt buộc mọi người phải tuân theo. - <i>Nhà nước là bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác.</i> Lực lượng như quân đội , nhà tù, cảnh sát...để bảo vệ địa vị thống trị và lợi ích của mình và để đàn áp các giai cấp bị thống trị. 2. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam a) Thế nào là nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam - <i>Nhà nước pháp quyền</i> là NN quản lí mọi mặt đời sống XH bằng pháp luật, mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước và công dân đều được thực hiện trên cơ sở pháp luật. - <i>Nhà nước pháp quyền XHCN</i> : là NN của dân, do dân, vì dân, quản lí mọi mặt đời sống xh bằng PL do ĐCSVN lãnh đạo. b) Bản chất của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam - <i>Nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân</i>, vì những thành quả cách mạng của quần chúng nhân dân lao động do g/c công nhân thông qua chính Đảng của mình là ĐCSVN lãnh đạo.
--	--

hoạt động của Nhà nước, xã hội đều thể hiện quan điểm g/c công nhân, nhằm thực hiện lợi ích, ý chí và nguyện vọng của g/c công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc). *Biểu hiện cụ thể của g/c công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc của nhà nước ta.?	- <i>Bản chất g/c công nhân của Nhà nước ta được biểu hiện tập trung nhất ở sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với nhà nước.</i> - <i>Bản chất g/c công nhân của Nhà nước ta bao hàm cả tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc:</i> + <i>Tính nhân dân thể hiện:</i> Nhà nước của ta là NN của dân, vì dân, do dân lập nên và nhân dân tham gia quản lí; thể hiện ý chí, lợi ích và nguyện vọng của nd, là công cụ chủ yếu để nd thực hiện quyền làm chủ của mình. + <i>Tính dân tộc thể hiện:</i> NN kế thừa và phát huy những truyền thống, bản sắc tốt đẹp của dân tộc; NN có chính sách dân tộc đúng đắn, chăm lo lợi ích cho cộng đồng các dân tộc VN và thực hiện đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
---	--

3. Củng cố – hệ thống bài học

Cần nắm: -Nguồn gốc và bản chất của nhà nước.

-Thế nào là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

-Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt

Nam.

4. Hướng dẫn về nhà

Câu hỏi sgk, đọc phần còn lại.

Tiết 22 - Bài 9

NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1- Về kiến thức

- Nêu được chức năng và vai trò của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Hiểu được trách nhiệm của mỗi công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2- Về kỹ năng

- Biết tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN phù hợp với lứa tuổi và điều kiện bản thân.

3- Về thái độ

- Tôn trọng tin tưởng vào Nhà nước pháp quyền XHCN VN.

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRONG TÂM BÀI HỌC

- Nêu được chức năng và vai trò của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

III .PHƯƠNG PHÁP

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp diễn giảng

IV. TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

1.Tài liệu:

- SGK - SGV GDCD LỚP 11

2.Phương tiện

Sơ đồ dạy học về so sánh các chức năng của nhà nước

V.HOẠT ĐỘNG Ở TRÊN LỚP

1.ôn định tổ chức lớp

2.Kiểm tra bài cũ:

GV giới thiệu cấu trúc bài học trong chương trình học kì II.

3.Giảng bài mới:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
* <u>Hoạt động 1:</u> GV kết hợp phương pháp đàm thoại và nêu vấn đề . + Mục tiêu: Nêu được chức năng và vai trò Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam +Cách tiến hành: -GV: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có những chức năng cơ bản nào? * Tại sao Nhà nước có chức năng bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội?	2. <u>Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam</u> c) <u>Chức năng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam</u> - <i>Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội:</i> - <i>Tổ chức và xây dựng, bảo đảm thực hiện các quyền tự do, dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân:</i> +Tổ chức xd và quản lí nền KT XHCN

Nêu VD minh hoạ? Tại sao Nhà nước Có chức năng xây dựng và bảo đảm thực hiện các quyền tự do, dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân? Nêu VD minh hoạ? (Hai chức năng trên có quan hệ hữu cơ và thống nhất với nhau; trong đó chức năng tổ chức và xd là căn bản nhất vì: Nhà nước XHCN, chức năng bảo đảm an ninh chính trị và TTATXH “mới chỉ là những công việc quét dọn trước khi xd, chứ chưa phải là đích thân việc xây dựng” Lê-nin.) * Hệ thống chính trị là gì? Hệ thống chính trị XHCN ở nước ta hiện nay? Nhà nước pháp quyền XHCN là một yếu tố cấu thành hệ thống chính trị XHCN, chịu sự lãnh đạo của ai? Và có vai trò như thế nào? * Hoạt động 2:Phát vấn, thuyết trình -Mục tiêu:Học sinh nêu được trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN VN. -Cách tiến hành: GV nêu câu hỏi phát vấn.	+ Tổ chức xd và quản lí Văn hoá, giáo dục, khoa học + Tổ chức xd và bảo đảm thực hiện các chính sách xã hội + Xây dựng hệ thống PL để bảo đảm thực hiện các quyền tự do dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân. d) Vai trò của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong hệ thống chính trị - Hệ thống chính trị : (sgk) - Hệ thống chính trị XHCN ở nước ta hiện nay bao gồm: <i>Đảng CSVN, Nhà nước pháp quyền XHCN VN, mặt trận Tổ quốc VN và các tổ chức CT - XH khác như: Tổng Liên đoàn lao động VN, Đoàn TN CS HCM, Hội Liên hiệp Phụ nữ VN, Hội Nông dân VN...</i> -Vai trò: + Thể chế hoá và tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng CS VN, thể chế hoá và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. + Tổ chức xây dựng xã hội mới – XHCN. + Là công cụ hữu hiệu để Đảng thực hiện vai trò của mình đối với toàn xã hội. + Là công cụ chủ yếu của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc VN XHCN. 3. Trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam + Gương mẫu thực hiện và tuyên truyền,
---	---

- GV: * Theo em mỗi công dân cần phải làm gì để góp phần xây dựng và bảo vệ Nhà nước pháp quyền XHCN VN? * Em suy nghĩ gì về trách nhiệm của mình trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN VN? * Em sẽ làm gì khi thấy bạn mình, hay ai đó vi phạm pháp luật? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận.	vận động mọi người thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước. + Tích cực tham gia các hoạt động: Xây dựng củng cố, bảo vệ chính quyền; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. + Phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật. + Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. + HS tự liên hệ bản thân. =>GVKL: Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước cuối cùng đã xuất hiện trong lịch sử. Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cuộc cách mạng, của QCNDLD do GCCN lãnh đạo thông qua chính Đảng của nó là ĐCS. Đi lên CNXH chúng ta phải xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân thực hiện mục tiêu: " Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"
---	---

3 Củng cố

Cần nắm: - Chức năng và vai trò của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

- Trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. HS tự liên hệ bản thân.

4 Hướng dẫn về nhà

Câu hỏi sgk, đọc trước bài 10

Tiết 23 - Bài 10

NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1- Về kiến thức

- Nêu được bản chất của nền dân chủ CNXH.
- Nêu được nội dung cơ bản của nền dân chủ trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

2- Về kỹ năng

- Biết thực hiện quyền làm chủ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá- xã hội phù hợp với lứa tuổi.

3- Về thái độ

- Tích cực tham gia các hoạt động thể hiện tính dân chủ phù hợp với lứa tuổi; phê phán các hành vi, luận điệu xuyên tạc, chống lại nền dân chủ XHCN.

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRONG TÂM BÀI HỌC

- Nêu được bản chất của nền dân chủ CNXH.

- Nêu được nội dung cơ bản của nền dân chủ trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

III .PHƯƠNG PHÁP

-Phương pháp thuyết trình

-Phương pháp đàm thoại

-Phương pháp nêu vấn đề

-Phương pháp diễn giảng

IV. TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

1.Tài liệu:

-SGK - SGK GD CD LỚP 11

2.Phương tiện

Sơ đồ dạy học về so sánh 2 hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.

V.HOẠT ĐỘNG Ở TRÊN LỚP

1.ôn định tổ chức lớp

2.Kiểm tra bài cũ:

- Nêu chức năng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.Trong 2 chức năng đó, chức năng nào là quyết định? tại sao?

- Nêu trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

3.Giảng bài mới:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
* Hoạt động 1: <i>Nghiên cứu tài liệu SGK và đàm thoại.</i> +Mục tiêu:Tìm hiểu nội dung bản chất của nền dân chủ XHCN. +Cách tiến hành: GV nêu câu hỏi đàm thoại. -GV: Dân chủ là gì? -GV: Giảng giải. Nền dân chủ đầu tiên, dân chủ chỉ thực hiện trong giới chủ nô(những	1. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa - <i>Dân chủ:</i> Là quyền lực thuộc về nhân dân, là quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực đời sống xã hội của đất nước; dân chủ là một hình thức nhà nước gắn với giai cấp thống trị do đó dân chủ luôn mang bản chất giai cấp.

người có tài sản và địa vị xã hội cao), nô lệ bị xem như một loại công cụ biết nói, không được hưởng quyền dân chủ; người giữ quyền lực trong xã hội chiếm hữu nô lệ là giai cấp chủ nô. Vì vậy, nô lệ vùng lên khát vọng muốn hướng tới một xã hội tốt đẹp trong đó con người có quyền lực thực sự của mình

Trong CĐPK, quyền lực tập trung tuyệt đối vào vua nên đã thủ tiêu dân chủ.

GCTS đã nêu cao ngọn cờ dân chủ " tự do, bình đẳng, bác ái" nhằm thủ tiêu chế độ chuyên chế phong kiến, nền dân chủ tư sản ra đời.

Thực chất của nền dân chủ tư sản là giải phóng cá nhân, thực hiện quyền tư hữu tài sản và tự do công dân. Dưới chế độ tư sản, quyền lực trong xã hội tư sản vẫn nằm trong tay GCTS còn NDLD mà số đông là công nhân và nông dân vẫn không có quyền lực, chỉ có một số quyền trên danh nghĩa chứ thực tế thì vẫn bị áp bức, bóc lột. Con người không chỉ dừng lại nền dân chủ tư sản mà đã từ lâu họ mơ ước vươn tới một xã hội xoá bỏ áp bức, bất công.

Nền dân chủ XHCN hình thành với thắng lợi của cuộc cách mạng vô sản, xoá bỏ chế độ tư hữu, bóc lột và nô dịch con người dựa trên QHSX TBCN, xác lập chế độ sở hữu XHCN về TLSX, xây dựng chính quyền nhà nước kiểu mới của GCCN và NDLD do ĐCS lãnh đạo- Đó là cơ sở chính trị - kinh tế của sự ra đời nền dân chủ XHCN. Dân chủ XHCN ra đời từ CMT10 Nga năm 1917 đến nay. Đó là nền dân chủ đang hình thành và phát triển.

GV: * Nền dân chủ XHCN mang bản chất giai cấp nào?

* Cơ sở kinh tế của nền dân chủ là gì?

* Vì sao nền dân chủ XHCN tất yếu phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo? Nêu Ví dụ minh họa?

- Bản chất của nền dân chủ XHCN được thể hiện:

- + Mang bản chất giai cấp công nhân.
- + Có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.
- + Lấy hệ tư tưởng Mác – Lê- nin và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh làm nền tảng tinh thần của xã hội.

* Dân chủ XHCN là dân chủ cho ai? Có phải cho mọi giai cấp không? Vì sao? Nêu ví dụ minh họa?

* Tại sao nền dân chủ XHCN tất yếu đòi hỏi phải gắn liền với pháp luật, kỉ luật, kỉ cương? Nêu ví dụ minh họa?

- HS: Đại diện trả lời.

- GV: N/xét, bổ xung, kết luận.

* **Hoạt động 2:** GV nêu câu hỏi phát vấn.

+Mục tiêu: Cần làm cho HS hiểu được nội dung cơ bản của dân chủ XHCN trong các lĩnh vực : Kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội.

+Cách tiến hành: GV nêu câu hỏi đàm thoại

- GV: * Nêu nội dung và biểu hiện của dân chủ trong lĩnh vực kinh tế?

Hãy nêu ví dụ về dân chủ trong lĩnh vực kinh tế mà em biết?

-Ví dụ: Điều 16 - HP 1992 (trích):" ...tổ chức, cá nhân thuộc các TPKT được sản xuất, kinh doanh trong các ngành, nghề mà pháp luật không cấm; cùng phát triển lâu dài, hợp tác bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật..."

* Nêu nội dung và biểu hiện của dân chủ trong lĩnh vực chính trị?

Hãy nêu ví dụ về dân chủ trong lĩnh vực chính trị mà em biết?

-Ví dụ: Hiến pháp năm 1992 quy định: Mọi công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử và quốc hội, HĐND. Công dân được hưởng quyền bầu cử 1 cách bình đẳng, không phân biệt đối xử theo giới tính, dân tộc, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú tại nơi họ thực hiện quyền bầu cử, ứng cử.

-Ví dụ: SGK - GD CD trang 73

+ Là nền dân chủ của nhân dân lao động.

+ Gắn liền với pháp luật, kỉ luật, kỉ cương.

2. Xây dựng nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a) Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực kinh tế (đọc thêm)

- Là thực hiện quyền làm chủ và bình đẳng của mọi công dân trên lĩnh vực kinh tế.

- *Biểu hiện của quyền làm chủ về kinh tế:*

+ Thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần.

+ Các thành phần kinh tế đều bình đẳng và tự do kinh doanh theo pháp luật.

+ Làm chủ trực tiếp quá trình sx, kinh doanh, phân phối sản phẩm và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

+ Công dân có quyền tự do kinh doanh theo PL, có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp

b) Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực chính trị

- Là thực hiện mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

- *Biểu hiện của quyền làm chủ về chính trị:*

+ Quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước, các tổ chức chính trị – xã hội.

+ Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của Nhà nước và địa phương.

* Nêu nội dung và biểu hiện của dân chủ trong lĩnh vực văn hoá? *Hãy nêu một vài biểu hiện về quyền dân chủ của nhân dân trong lĩnh vực văn hoá? -Ví dụ: Sáng tác thơ, viết truyện... -Hưởng thụ ca nhạc, sân khấu -Bảo vệ quyền lợi cho sáng tác. - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận.	+ Quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước, biểu quyết khi nhà nước trưng cầu ý dân. + Quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do báo chí. Quyền giám sát các hoạt động của các cơ quan Nhà nước, quyền khiếu nại, tố cáo... của công dân. c) <u>Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực văn hoá</u> - Là thực hiện quyền làm chủ và bình đẳng của mọi công dân trong lĩnh vực văn hoá. - <i>Biểu hiện của quyền làm chủ về văn hoá:</i> + Quyền được tham gia vào đời sống văn hoá. + Quyền được hưởng các lợi ích từ sáng tạo văn hoá, nghệ thuật của chính mình. + Quyền sáng tác, phê bình văn học nghệ thuật; giải phóng con người khỏi những thiên kiến lạc hậu, loại bỏ sự áp bức về tinh thần và đưa văn hoá đến cho mọi người.
---	---

3. **Củng cố:** Cần nắm:

- Bản chất của nền dân chủ XHCN.
- Xây dựng nền dân chủ XHCN ở Việt Nam. HS tự liên hệ bản thân.

4. **Hướng dẫn về nhà**

Câu hỏi sgk, đọc phần còn lại

Tiết 24 - Bài 10

NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. **MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Trường THPT Hoàng Cầu

1- Về kiến thức

.- Nêu được nội dung cơ bản của nền dân chủ trong lĩnh vực xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Chú ý vai trò của người phụ nữ trong gia đình.

- Nêu được hai hình thức cơ bản của dân chủ là dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp (dân chủ đại diện).

2- Về kỹ năng

- Biết thực hiện quyền làm chủ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá- xã hội phù hợp với lứa tuổi.

3- Về thái độ

- Tích cực tham gia các hoạt động thể hiện tính dân chủ phù hợp với lứa tuổi; phê phán các hành vi, luận điệu xuyên tạc, chống lại nền dân chủ XHCN.

- Tôn trọng quyền dân chủ của phụ nữ, lên án các hành vi không tôn trọng phụ nữ.

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRONG TÂM BÀI HỌC

- Nêu được hai hình thức cơ bản của dân chủ là dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp (dân chủ đại diện).

III. PHƯƠNG PHÁP

-Phương pháp thuyết trình

-Phương pháp đàm thoại

-Phương pháp nêu vấn đề

-Phương pháp diễn giảng

IV. TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

1.Tài liệu:

-SGK - SGK GD&ĐT LỚP 11

2.Phương tiện

Sơ đồ dạy học về so sánh 2 hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.

V. HOẠT ĐỘNG Ở TRÊN LỚP

1.ôn định tổ chức lớp

2.Kiểm tra bài cũ:

1) Những biểu hiện về mặt bản chất của nền dân chủ XHCN là gì?

2) Hãy nêu những nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực KT, CT, VH? Biểu hiện của nó?

3. Giảng bài mới

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
* Hoạt động 1:Thuyết trình, phát vấn -Mục tiêu:HS nêu được nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực xã hội. -Cách tiến hành: GV nêu câu hỏi đàm thoại - GV: * Nêu nội dung và biểu hiện của dân chủ trong lĩnh vực xã hội? Theo em những quyền nào thuộc về	d) Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực xã hội - <i>Nội dung:</i> Là đảm bảo những quyền xã hội của công dân. - <i>Biểu hiện của quyền làm chủ về xã hội:</i>

quyền dân chủ của nhân dân trong lĩnh vực xã hội?

***Ví dụ:** Quyền lao động của công dân được ghi nhận tại điều 55 - HP 1992: "Lao động là quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân. Nhà nước và xã hội có kế hoạch ngày càng tạo nhiều việc làm cho người lao động"

*** Ví dụ:** Người lao động được mua bảo hiểm y tế; bảo hiểm thân thể

- Chế độ tiền lương hợp lí.
- HS: Đại diện trả lời.
- GV: N/xét, bổ xung, kết luận

*** Hoạt động 2: Phát vấn, giảng giải.**

+Mục tiêu: HS nêu khái niệm dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Lấy ví dụ minh họa?

+Cách thức thực hiện: GV nêu câu hỏi phát vấn và giảng giải.

- GV: Nêu khái niệm dân chủ trực tiếp và lấy vd minh họa.

* Hãy nêu vd về những hình thức dân chủ trực tiếp mà em biết?

*Ví dụ: Công dân bầu trưởng thôn, tổ trưởng dân phố, bầu cử HĐND các cấp.

-Hội nghị toàn dân quyết định làm đường, xây dựng nhà văn hoá, xây dựng hương ước của làng.

-Góp ý sửa đổi, bổ sung các đạo luật.

-Trung cầu ý kiến của dân.

- GV: Nêu khái niệm dân chủ gián tiếp và lấy vd minh họa.

* Hãy nêu vd về những hình thức dân chủ gián tiếp mà em biết?

+ Quyền lao động.

+ Quyền bình đẳng nam, nữ.(Phụ nữ được quyền bàn bạc, tham gia, quyết định những vấn đề của gia đình và xã hội))

+ Quyền được hưởng an toàn xã hội và bảo hiểm xã hội.

+ Quyền được hưởng chế độ bảo vệ sức khoẻ.

+ Quyền được bảo đảm về mặt vc-tt khi không còn khả năng lao động.

+ Quyền bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, về cống hiến và hưởng thụ của các thành viên trong xã hội. Tham gia các phong trào ở địa phương và trường học.

3. Những hình thức cơ bản của dân chủ

a) Dân chủ trực tiếp

** Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ với những qui chế, thiết chế để nhân dân thảo luận, biểu quyết, tham gia trực tiếp quyết định công việc của cộng đồng, của Nhà nước. (không phân biệt giới tính, địa vị, tôn giáo...) VD sgk.*

*Những hình thức phổ biến của dân chủ trực tiếp là:

+ Trưng cầu ý dân (trong phạm vi toàn quốc)

+ Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

+ Thực hiện sáng kiến pháp luật (nhân dân tham gia xd, sửa đổi, bổ xung PL)

+ Làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, xd và thực hiện các qui ước, hương ước phù hợp PL.

KL: Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ mà trong đó mọi công dân trực tiếp tham gia vào các hoạt động CT, KT, VH, XH.

b) Dân chủ gián tiếp (dân chủ đại diện)

- Dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ thông qua những qui chế, thiết chế để nhân dân bầu ra những người đại diện thay mặt mình quyết định các công việc chung của cộng đồng, của Nhà nước.

-Ví dụ: Trong lĩnh vực chính trị, đại biểu Quốc hội là người đại diện cho nhân dân được sự uỷ thác của nhân dân, thay mặt nhân dân tham gia xây dựng các đạo luật để quản lí xã hội. -Quốc hội và HĐND các cấp là hình thức củ yếu của chế độ dân chủ đại diện. *Liên hệ: Bản thân em thực hiện dân chủ ở địa phương như thế nào? - Hs phát biểu ý kiến cá nhân - Gv nhận xét, kết luận.	(thông qua các cơ quan đại diện như MTTQ và các đoàn thể nhân dân). HS nêu vd sgk. *Kết luận: Nền dân chủ XHCN hình thành với thắng lợi của CMVS, xoá bỏ chế độ tư hữu, xác lập chế độ sở hữu XHCN về TLSX . Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN vững mạnh và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng là những vấn đề rất quan trọng để thực hiện dân chủ XHCN xứng đáng với lí tưởng mà Bác Hồ từng mong mỏi.
--	--

3. Củng cố

- Cần nắm: - Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực xã hội.
- Những hình thức cơ bản của dân chủ.

4. Hướng dẫn về nhà

Học bài cũ, trả lời câu hỏi sgk.

Tiết 25- Bài 11

CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

a) Về kiến thức

- Nêu được tình hình dân số và mục tiêu, những phương hướng cơ bản của Đảng, Nhà nước ta để giải quyết vấn đề dân số.
- Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách dân số.
- Nắm được nguyên nhân dẫn đến cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường do dân số.

b)- Về kỹ năng

- Biết tham gia tuyên truyền chính sách dân số phù hợp với khả năng của mình.

- Biết đánh giá việc thực hiện chính sách dân số của gia đình ở địa phương phù hợp với lứa tuổi.

- Tham gia tuyên truyền chính sách dân số phù hợp với lứa tuổi.

c)- Về thái độ

- Tin tưởng, ủng hộ chính sách dân số phê phán các hiện tượng vi phạm chính sách dân số ở nước ta.

d. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRONG TÂM BÀI HỌC

- Nêu được mục tiêu, những phương hướng cơ bản của Đảng, Nhà nước ta để giải quyết vấn đề dân số.

- Nắm được nguyên nhân dẫn đến cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường do dân số

III. PHƯƠNG PHÁP

-Phương pháp thuyết trình

-Phương pháp đàm thoại

-Phương pháp nêu vấn đề

-Phương pháp diễn giảng

-Phương pháp thảo luận nhóm

IV. TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

1.Tài liệu:

-SGK - SGV GDCD LỚP 11

2.Phương tiện

Sơ đồ dạy học về tình hình dân số

V. HOẠT ĐỘNG Ở TRÊN LỚP

1.ôn định tổ chức lớp

2.Kiểm tra bài cũ:

Câu 1: Dân chủ trực tiếp là gì? cho ví dụ?

Câu 2: Dân chủ gián tiếp là gì? cho ví dụ?

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
* Hoạt động 1: Thảo luận nhóm -Mục tiêu:Nêu được tình hình dân số, mục tiêu và phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách dân số. -Cách tiến hành:GV giao câu hỏi cho các nhóm thảo luận - Gv yêu cầu các nhóm hs	1. Chính sách dân số a) Tình hình dân số nước ta

trình bày báo cáo kết quả làm vc theo dự án đã giao về tình gia tăng dân số, mật độ ds, chất lượng cs ở địa phương

- Đại diện nhóm trình bày
- HS lớp thảo luận, bổ sung

- Gv nhận xét, kết luận

*** Hoạt động 2: Thảo luận nhóm**

- GV:- Chia nhóm thảo luận, qđ thời gian

-Phát phiếu học tập

* Nhận xét: qui mô dân số, tốc độ tăng ds?

* Nhận xét: Mật độ, phân bố ds?

* Về tác động của vấn đề dân số tăng nhanh đối với đời sống xã hội?

*Về tác động của vấn đề dân số tăng nhanh đối với tài nguyên và môi trường?

- Hs đại diện nhóm trình bày

- Cả lớp thảo luận, bổ sung

- Gv nhận xét, kết luận

Hoạt động 3:Đàm thoại, giảng giải

KL: Nước ta có quy mô dân số lớn, tốc độ tăng nhanh,kết q giảm sinh chưa thật vững chắc, mật độ cao, phân bố chưa hợp lý.

Mối quan hệ giữa gia tăng dân số và chất lượng cuộc sống



b) Mục tiêu và phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách dân số

- **Mục tiêu:** Tiếp tục giảm tốc độ gia tăng dân số, ổn định q mô, cơ cấu và phân bố dân số, nâng cao chất lượng dân số nhằm phát triển nguồn nhân lực cho đất nước.

- **Phương hướng cơ bản:**

+ *Tăng cường công tác lãnh đạo và quản lí, tổ chức tốt bộ m làm công tác dân số từ TW đến cơ sở, tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành.*

+ *Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục với n dung thích hợp, hình thức đa dạng với nội dung rộng rãi các ch trương, biện pháp KHHGD.*

- GV đặt câu hỏi: * Để thực hiện mục tiêu về CS dân số, nước ta cần tập trung vào những phương hướng nào? * Phương hướng quan trọng để thực hiện CS dân số là gì? - Yêu cầu các nhóm hs trình bày báo cáo về các biện pháp. Trách nhiệm bản thân đối với vấn đề ds của địa phương - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận.	+ <i>Nâng cao sự hiểu biết của người dân</i> về vai trò của gia đình bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản, nhằm nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần. + Nhà nước đầu tư đúng mức, tranh thủ các nguồn lực trong và ngoài nước; thực hiện xh hoá công tác dân số, tạo điều kiện cho mọi gia đình, cá nhân tự nguyện tham gia chính sách dân số.
---	---

3. Củng cố (phút)

- Làm bài tập 3, 4 sgk
- Cần nắm: - Chính sách dân số.
- Liên hệ bản thân.

4. Hướng dẫn hs tự học ở nhà

Câu hỏi sgk, đọc phần tiếp theo của bài sgk.

Tiết 26 - Bài 11

CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1- Về kiến thức

- Nêu được tình hình việc làm và mục tiêu, những phương hướng cơ bản của Đảng, Nhà nước ta để giải quyết vấn đề việc làm.
- Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện giải quyết việc làm.

2- Về kỹ năng

- Biết tham gia tuyên truyền giải quyết việc làm phù hợp với khả năng của mình.

- Biết đánh giá việc thực hiện chính sách giải quyết việc làm ở địa phương phù hợp với lứa tuổi. Hiểu được thiếu việc làm là một trong những nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy.

- Bước đầu biết định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

3- Về thái độ

- Tin tưởng, ủng hộ chính sách giải quyết việc làm

- Có ý thức tích cực học tập, rèn luyện để có thể đáp ứng được yêu cầu của việc làm trong tương lai.

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRONG TÂM BÀI HỌC

- Nêu được tình hình việc làm và mục tiêu, những phương hướng cơ bản của Đảng, Nhà nước ta để giải quyết vấn đề việc làm.

III. PHƯƠNG PHÁP

-Phương pháp thuyết trình

-Phương pháp đàm thoại

-Phương pháp nêu vấn đề

-Phương pháp diễn giảng

-Phương pháp thảo luận nhóm

IV. TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

1. Tài liệu:

-SGK - SGK GD CD LỚP 11

2. Phương tiện

V. HOẠT ĐỘNG Ở TRÊN LỚP

1. Ôn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ:

Câu 1: Nêu hậu quả của gia tăng dân số?

Câu 2: Nêu mục tiêu và phương hướng của chính sách dân số?

3. Giảng bài mới : Vấn đề dân số hiện nay trên thế giới đã trở thành vấn đề toàn cầu và là sự quan tâm của nhiều quốc gia, nhất là những nước nghèo đang phát triển. Ở nước ta dân số tăng nhanh là một áp lực lớn đối với vấn đề giải quyết việc làm.

Vậy chúng ta nhận thức về thực trạng dân số và việc làm như thế nào và đề ra mục tiêu, phương hướng cơ bản nào để giải quyết tốt những vấn đề trên.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
* Hoạt động 1: Thảo luận nhóm - GV: * Em có nhận xét gì về tình hình việc làm nước ta? Cho VD minh họa và kết luận? * Liên hệ tình hình việc làm ở địa phương em? * Mục tiêu của cs giải quyết việc làm ở nước ta là gì?	2. Chính sách giải quyết việc làm a) Tình hình việc làm ở nước ta hiện nay - Tỷ lệ thất nghiệp ngày càng cao - Thu nhập thấp - Chất lượng nguồn nhân lực thấp - Số SV tốt nghiệp ra trường có việc làm ít - Dòng di chuyển lao động từ nông thôn về thành thị kiểm việc làm ngày càng tăng.

* Đảng và Nhà nước ta phải làm như thế nào để thực hiện cs giải quyết việc làm có hiệu quả? +GV bổ sung tư liệu: - Đến năm 2010, phấn đấu giảm tỷ lệ thất nghiệp 5% ở thành thị, nông thôn. - Nâng tỉ lệ người lao động qua đào tạo nghề lên 40%. - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận. KL: Đảng và Nhà nước phải thúc đẩy, phát triển sx và dịch vụ; KK làm giàu hợp pháp; tự do hành nghề; đẩy mạnh XK lđ; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn.	b) Mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách giải quyết việc làm - Mục tiêu: Tập trung sức giải quyết việc làm ở cả thành thị và nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường lao động, giảm tỉ lệ thất nghiệp và tăng tỉ lệ người lđ đã qua đào tạo nghề. - Phương hướng cơ bản: + Thúc đẩy phát triển sx và dịch vụ, (KK các thành phần KT, các nhà đầu tư trong, ngoài nước sx, kinh doanh có hiệu quả, tạo ra nhiều việc làm cho người lđ. + KK làm giàu theo PL, tự do hành nghề, khôi phục, phát triển các ngành nghề truyền thống, đẩy mạnh phong trào lập nghiệp của thanh niên. + đẩy mạnh XK lao động, đặc biệt lđ qua đào tạo, lđ nông nghiệp, nhằm giải quyết y/c trước mắt và lâu dài, tăng thu nhập cho người lđ. + Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong chương trình mục tiêu quốc gia để giải quyết việc làm, cải thiện đk việc làm cho người lđ. 3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách dân số và giải quyết việc làm - Chấp hành cs ds và PL về ds. - Chấp hành cs giải quyết việc làm và PL về lđ. - Động viên người thân trong gia đình và những người khác cùng chấp hành, đấu tranh chống hành vi vi phạm cs ds và giải quyết việc làm. - Có ý chí vươn lên nắm bắt khoa học kĩ thuật tiên tiến, định hướng nghề nghiệp đúng đắn để tích cực, chủ động tìm việc làm, tăng thu nhập bản thân và gia đình, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của đất nước. - Thiếu việc làm là một trong những nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy do vậy tự tạo việc làm có thu nhập hợp pháp là biện pháp
--	--

*** Hoạt động 2:Phát vấn, giảng giải**

HS tự liên hệ về trách nhiệm thực hiện cs DS và giải quyết việc làm.

	hữu hiệu để phòng chống ma túy.
--	---------------------------------

3. Củng cố

- Cần nắm: - Chính sách giải quyết việc làm.
- Liên hệ bản thân.

4. Hướng dẫn HS tự học ở nhà

- Câu hỏi sgk, đọc bài 12 sgk.
- Gv giao nhiệm vụ cho các nhóm học sinh làm việc theo địa bàn sinh sống.

- Chủ đề chung:

Tìm hiểu tình hình tài nguyên, môi trường ở khu vực nơi hs đang sinh sống

- Nội dung công việc: Hs tìm hiểu tình hình ô nhiễm môi trường, sử dụng tài nguyên và hậu quả của việc sd, khai thác bừa bãi tài nguyên và ô nhiễm mt ở địa phương mình đối với cuộc sống, sức khỏe con người, cảnh quan thiên nhiên, kinh tế, xã hội....

- Phương pháp thực hiện: kết hợp với dân cư đang sinh sống cùng địa bàn, ghi lại những thông tin cần thiết nếu có thể thì sử dụng máy ảnh, máy quay phim để lưu lại những hình ảnh thực tế của hiện trạng. Sau đó đưa ra giải pháp để giải quyết vấn đề.

***Lưu ý:** cần nắm bắt thông tin chính xác, có tính thuyết phục, phản ánh đúng thực tế, giải pháp đưa ra phải khả thi phù hợp khả năng của hs.

Thời gian báo cáo: giờ học tiếp theo, tiết 2

Tiết 27 - Bài 12**CHÍNH SÁCH TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG****1. MỤC TIÊU BÀI HỌC****a) Về kiến thức**

- Nêu được tình hình tài nguyên, môi trường và những phương hướng cơ bản nhằm bảo vệ tài nguyên, môi trường ở nước ta hiện nay.
- Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường.

b) Về kỹ năng

- Biết tham gia thực hiện và tuyên truyền thực hiện cs TN và bảo vệ MT phù hợp khả năng của bản thân.

- Biết đánh giá thái độ, hành vi của bản thân và người khác trong việc thực hiện cs TN và bảo vệ MT.

c) Về thái độ

- Tôn trọng, tin tưởng, ủng hộ cs TN và bảo vệ MT của Nhà nước.
- Phản đối và sẵn sàng đấu tranh với các hành vi gây hại cho TN, MT.

d. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRONG TÁM BÀI HỌC

- Nêu được mục tiêu, những phương hướng cơ bản của Đảng, Nhà nước ta nhằm bảo vệ tài nguyên, môi trường ở nước ta hiện nay.

III. PHƯƠNG PHÁP

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp diễn giảng
- Phương pháp thảo luận nhóm

IV. TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

1.Tài liệu:

-SGK - SGV GDCD LỚP 11

2.Phương tiện

V. HOẠT ĐỘNG Ở TRÊN LỚP

1.ôn định tổ chức lớp

2.Kiểm tra bài cũ:

Nêu mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách giải quyết việc làm?

3. Giảng bài mới : Tài nguyên, môi trường có vai trò quan trọng đối với đời sống của mỗi con người và sự phát triển của xã hội. Trên thế giới, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường đã trở thành vấn đề nghiêm trọng. Cứu lấy trái đất là nhiệm vụ chung của nhân loại.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
*Hoạt động 1:<i>Sử dụng phương pháp đàm thoại để tìm hiểu về tình hình tài nguyên, môi trường ở nước ta hiện nay.</i> -GV: <i>Nêu câu hỏi đàm thoại</i> <i>*Nêu nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng ở nước ta?</i> <i>*Đánh giá thực trạng tình hình tài nguyên, môi trường nước ta hiện nay?</i>	1. Tình hình tài nguyên, môi trường ở nước ta hiện nay -<i>Nguồn tài nguyên thiên nhiên nước ta rất đa dạng, phong phú:</i> + Khoáng sản phong phú, đất đai màu mỡ; rừng có nhiều loài quý hiếm, biển rộng lớn, phong cảnh đẹp, có nhiều hải sản quý; không khí trong lành và nguồn nước dồi dào, thuận lợi cho sự phát triển đất nước. - <i>Thực trạng:</i> + <i>Về tài nguyên:</i> khoáng sản có nguy cơ cạn kiệt, dt rừng đang bị thu hẹp, nhiều loài động, thực vật quý hiếm đang bị xóa sổ hoặc có nguy cơ tuyệt chủng,

<i>*Nguyên nhân nào dẫn đến thực trạng trên?</i> * Hoạt động 2: Thảo luận lớp - GV: * Hiện nay tình trạng tài nguyên và môi trường ở nước ta như thế nào? Tại sao TN- MT phong phú thuận lợi cho phát triển đất nước? Gv bổ sung: + Khoáng sản: dầu mỏ, sắt, bô xít, crôm, thiếc, than...) + Rừng có nhiều loài quý hiếm (Voi, tê giác, bò rừng, hổ, báo, hươu sao, vượn. TV: Đinh, lim, sến, táu, cẩm lai, giáng hương, lát hoa...) GV đưa bảng số liệu minh họa sự phong phú đa dạng của tn, mt nước ta hiện nay. * Tại sao bên cạnh những thuận lợi, thực trạng TN – MT nước ta là điều “đáng lo ngại”? Nguyên nhân chính nào dẫn đến thực trạng trên? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận. * Để giải quyết những vấn đề trên, Đảng và Nhà nước ta đề ra mục tiêu bảo vệ tài nguyên, môi trường ntn? * Em suy nghĩ như thế nào về vấn đề khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong điều kiện nước ta còn	chất lượng đất suy giảm, đất canh tác bị thu hẹp dần, tài nguyên biển ở gần bờ cũng suy giảm đáng kể. + Về môi trường: ô nhiễm nước, không khí, đất biển ở nhiều nơi. - Nguyên nhân: + Nguyên nhân chủ quan Ý thức thức bảo vệ môi trường kém, chưa phát huy được mọi nguồn lực tham gia bảo vệ TN- MT. + Nguyên nhân khách quan: Do tình trạng biến đổi khí hậu, dân số tăng nhanh, quá trình đô thị hoá . 2. Mục tiêu, phương hướng cơ bản của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường - Mục tiêu: Sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, từng bước nâng cao chất lượng môi trường, góp phần phát triển KT-XH bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. - Phương hướng cơ bản: + Tăng cường công tác quản lý của Nhà nước + Thường xuyên gd, tuyên truyền, xd ý thức trách nhiệm về bảo vệ TN, MT cho toàn dân + Coi trọng công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ, mở rộng hợp tác quốc tế, khu + Chủ động phòng ngừa ngăn chặn ô nhiễm, cải thiện MT, bảo tồn thiên nhiên + Khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm TN, TN + Áp dụng công nghệ hiện đại
---	---

nghèo, đang thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận. *Hoạt động 3: Gợi mở, Phát vấn - Yêu cầu các nhóm hs trình bày báo cáo về các biện pháp. Trách nhiệm bản thân đối với vấn đề sd tài nguyên và môi trường của đphương - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận.	3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường - Chấp hành chính sách, PL về bảo vệ TN, MT. - Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ TN, MT - Vận động mọi người cùng thực hiện; chống lại các hành vi vi phạm PL về tài nguyên và bảo vệ môi trường.
--	--

c) Củng cố :

Cần nắm: - Tình hình TN, MT nước ta.

- Mục tiêu, phương hướng cơ bản của cs TN và bảo vệ MT.

- Trách nhiệm công dân. Liên hệ bản thân.

d) Hướng dẫn về nhà

Ôn tập những bài đã học. chuẩn bị đồ dùng học tập giờ sau kiểm tra một tiết

Tiết 28:

KIỂM TRA VIẾT 1 TIẾT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1- Về kiến thức

- Giúp học sinh nắm vững một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản đã học.

- Nêu và nắm được khái niệm Dân chủ.

- Nắm được hiện trạng tn, mt nước ta hiện nay, nguyên nhân của những hiện trạng đó..

2. Về kỹ năng

Trên cơ sở những kiến thức đã học có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn trong đời sống xã hội của mình.

3- Về thái độ : Có ý thức tự giác trong học tập cũng như trong khi làm bài kiểm tra.

II. CHUẨN BỊ

-Giấy kiểm tra, bút viết

III TIẾN TRÌNH BÀI HỌC

1. Ổn định lớp

2. Nội dung kiểm tra

Đề bài:

Câu 1: Dân chủ là gì? Bản thân em thực hiện quyền dân chủ của mình ntn?

Câu 2: Hiện trạng tn, mt nước ta hiện nay ntn? nguyên nhân của những hiện trạng đó? Em cần phải làm gì để bảo vệ tn mt?

Đáp án – Thang điểm

Câu 1(3 điểm)

- *Dân chủ* : là quyền lực thuộc về nhân dân, là quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực đời sống xh của đất nước; dân chủ là một hình thức nhà nước gắn với giai cấp thống trị do đó dân chủ luôn mang bản chất giai cấp.

-*Liên hệ học sinh:*

+ Tự giác học tập, tham gia đầy đủ, nhiệt tình các hoạt động của trường, lớp, địa phương và xã hội.

+ Bảo vệ tài sản chung của tập thể.

+ Bảo vệ môi trường sống, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, đấu tranh chống lại các hành vi, biểu hiện vi phạm pháp luật trong và ngoài nhà trường.

+ Tham gia bàn bạc, đề ra kế hoạch và thực hiện kế hoạch nhằm đấu tranh chống tệ nạn ma túy ở nhà trường và địa phương.

Câu 2(7 điểm)

- *Hiện trạng tn, mt nước ta hiện nay:*

+ Về tài nguyên: khoáng sản có nguy cơ cạn kiệt, dt rừng đang bị thu hẹp, nhiều loài động, thực vật quý hiếm đang bị xoá sổ hoặc có nguy cơ tuyệt chủng, chất lượng đất suy giảm, đất canh tác bị thu hẹp dần, tài nguyên biển ở gần bờ cũng suy giảm đáng kể.

+ Về môi trường: ô nhiễm nước, không khí, đất biển ở nhiều nơi.

- *Nguyên nhân của những hiện trạng đó:*

+ Nguyên nhân chủ quan

Ý thức thức bảo vệ môi trường kém, chưa phát huy được mọi nguồn lực tham gia bảo vệ TN- MT.

+ Nguyên nhân khách quan:

Do tình trạng biến đổi khí hậu, dân số tăng nhanh, quá trình đô thị hoá .

- *Liên hệ học sinh:*

(*Học sinh tự liên hệ về trách nhiệm của bản thân trong việc sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường ở nhà trường và địa phương.*)

Tiết 29 - Bài 13

CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, VĂN HOÁ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1- Về kiến thức

- Nêu được nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để phát triển giáo dục- đào tạo ở nước ta hiện nay.
- Hiểu được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện cs GD- ĐT của Nhà nước.

2- Về kỹ năng

- Biết tham gia tuyên truyền thực hiện cs GD - ĐT, KH và CN_o, cs VH phù hợp khả năng của bản thân.
- Biết đánh giá một số hiện tượng gần gũi trong cuộc sống liên quan đến cs GD - ĐT, KH và CN_o, cs VH của Nhà nước .

3- Về thái độ

- Tin tưởng, ủng hộ cs GD - ĐT, KH và CN_o, cs VH của Nhà nước.
- Có ý thức phê phán những việc làm vi phạm cs GD - ĐT, KH và CN_o, cs VH của Nhà nước.

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRONG TÂM BÀI HỌC

Nêu được nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để phát triển giáo dục- đào tạo ở nước ta hiện nay.

III .PHƯƠNG PHÁP

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp diễn giảng
- Phương pháp thảo luận nhóm

IV. TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

1.Tài liệu:

- SGK - SGV GDCD LỚP 11

2.Phương tiện:

Sơ đồ hệ thống hoá kiến thức.

V.HOẠT ĐỘNG Ở TRÊN LỚP

- 1.ôn định tổ chức lớp
- 2.Kiểm tra bài cũ:Không

3. Giảng bài mới : Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Đảng ta nhận định: " Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài"

Vậy tại sao Đảng ta xác định GD - ĐT là quốc sách hàng đầu?

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
* Hoạt động 1: Đàm thoại, diễn giảng - GV: * Theo em gd - dt có tầm quan trọng như thế nào? Đảng Nhà nước ta xác định thế nào? Nó có nhiệm vụ gì? * Hoạt động 2: Thảo luận nhóm - GV: Chia 6 nhóm, thảo luận những phương hướng cơ bản: * Tại sao phải nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải mở rộng qui mô giáo dục? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải ưu tiên đầu tư cho giáo dục? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải xã hội hoá giáo dục? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo? Liên hệ ở địa phương? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận. KL: Thực hiện phương hướng trên góp phần đào tạo	1. Chính sách giáo dục và đào tạo a) Nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo <i>*Tầm quan trọng của gd - dt</i> - Giáo dục và đào tạo có tầm quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực con người. - Đảng Nhà nước ta xác định gd - dt là quốc sách hàng đầu, coi đầu tư cho gd - dt là đầu tư cho phát triển. <i>*Nhiệm vụ của gd - dt là: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài nhằm phát triển tiềm năng trí tuệ, cung cấp cho đất nước nguồn lao động có chất lượng cao.</i> b) Phương hướng cơ bản để phát triển giáo dục và đào tạo - <i>Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo:</i> giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lí, có cs đúng đắn trong việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài. - <i>Mở rộng qui mô giáo dục;</i> từ gd mầm non đến gd đại học, tăng dạy nghề và trung cấp chuyên nghiệp. - <i>Ưu tiên đầu tư cho giáo dục:</i> huy động mọi nguồn lực để phát triển gd - dt, xd cơ sở vật chất cho các trường học, thực hiện chuẩn hoá, hiện đại hoá nhà trường. - <i>Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục:</i> tạo mọi đk để người nghèo có cơ hội được học tập, người giỏi được phát huy tài năng. - <i>Xã hội hoá giáo dục:</i> đa dạng hoá các loại hình nhà trường, các hình thức giáo dục, xd xã hội học tập. - <i>Phải tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo;</i>

con người VN phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xd và bảo vệ TQ.	
---	--

4. Củng cố

Cần nắm: - Nhiệm vụ của GD - ĐT.

- Phương hướng cơ bản để phát triển GD - ĐT.

5. Hướng dẫn về nhà: Câu hỏi sgk, đọc tiếp bài 13

Tiết 30 - Bài 13

**CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO,
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, VĂN HOÁ**

Ngày soạn : 12 / 03 / 2012

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**1- Về kiến thức**

- Nêu được nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay.

2- Về kỹ năng

- Biết tham gia tuyên truyền thực hiện KH và công nghệ, phù hợp khả năng của bản thân.

- Biết đánh giá một số hiện tượng gần gũi trong cuộc sống liên quan đến cs KH và CN của nhà nước.

3- Về thái độ

- Tin tưởng, ủng hộ cs KH và CN của Nhà nước.

- Có ý thức phê phán những việc làm vi phạm cs KH và CN của Nhà nước.

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. TRỌNG TÂM BÀI HỌC

Nêu được nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để phát triển KH và CN ở nước ta hiện nay.

III. PHƯƠNG PHÁP

-Phương pháp thuyết trình

-Phương pháp đàm thoại

-Phương pháp nêu vấn đề

-Phương pháp diễn giảng

-Phương pháp thảo luận nhóm

IV. TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN**1. Tài liệu:**

-SGK - SGV GDCD LỚP 11

2. Phương tiện:

Sơ đồ hệ thống hoá kiến thức.

V. HOẠT ĐỘNG Ở TRÊN LỚP

1. Ôn định tổ chức lớp

Trường THPT Hoàng Cầu

2. Kiểm tra bài cũ:

Câu 1: Nhiệm vụ của gd- đt ở nước ta hiện nay? Hãy nêu một hoạt động nhằm thực hiện cs gd- đt mà em biết hoặc tham gia?

Câu 2: Trình bày phương hướng cơ bản để phát triển gd- đt? Trách nhiệm của em?

3. Giảng bài mới

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
* Hoạt động 1: Giảng giải, đàm thoại - GV: * Vì sao Đảng và Nhà nước ta coi KH và CN_o là “quốc sách hàng đầu”? * Bởi vì: KH và CN gắn bó chặt chẽ với nhau nhằm giúp con người có được nhận thức đúng đắn, sâu sắc và định ra phương hướng cải tạo hiện thực, phát huy tối ưu nguồn lực vốn có của đất nước. * Theo em KH và CN_o có nhiệm vụ gì trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận. * Hoạt động 2: Thảo luận nhóm: 5 nhóm - GV: * Để thực hiện nhiệm vụ trên, KH và CN_o cần phát triển theo những phương hướng cơ bản nào? * Tại sao phải đổi mới cơ chế quản lí KH và CN_o ? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải tạo thị trường cho KH và CN_o ? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải xây dựng tiềm lực cho KH và CN_o ? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải tập trung	2. Chính sách khoa học và công nghệ a) Nhiệm vụ của khoa học và công nghệ - Đảng và Nhà nước ta coi KH và CN_o là quốc sách hàng đầu, là động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển của đất nước. - <i>Nhiệm vụ của KH và CN_o:</i> + Giải đáp kịp thời những vấn đề lí luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra. + Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. + Đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền KT quốc dân. + Nâng cao trình độ quản lí, hiệu quả của hoạt động KH và CN_o. b) Phương hướng cơ bản để phát triển khoa học và công nghệ - <i>Đổi mới cơ chế quản lí KH và CN_o</i> nhằm khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, lí luận. - <i>Tạo thị trường cho KH và CN_o nhằm:</i> + Tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng, thúc đẩy việc áp dụng tiến bộ KH và CN_o. + Đổi mới công nghệ, hoàn thiện cơ sở pháp lí và nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật về sở hữu trí tuệ, trọng dụng nhân tài. - <i>Xây dựng tiềm lực cho KH và CN_o</i> - <i>Tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm</i>

vào các nhiệm vụ trọng tâm? Liên hệ ở địa phương? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận. KL: <i>Thực hiện những phương hướng cơ bản trên sẽ nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ nước ta, đồng thời đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực này.</i>	
---	--

3. Củng cố

Cần nắm: - Nhiệm vụ của khoa học và công nghệ.

- Phương hướng cơ bản để phát triển khoa học và công nghệ.

4. Hướng dẫn về nhà:

Câu hỏi sgk, đọc tiếp bài 13.

Tiết 31 - Bài 13

CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, VĂN HOÁ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1- Về kiến thức

- Nêu được nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để xây dựng nền VH tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ở nước ta hiện nay.
- Hiểu được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện chính sách VH của Nhà nước.

2- Về kỹ năng

- Biết tham gia tuyên truyền thực hiện cs VH phù hợp khả năng.
- Biết đánh giá một số hiện tượng gần gũi trong cuộc sống liên quan đến chính sách VH của Nhà nước .

3- Về thái độ

- Tin tưởng, ủng hộ chính sách VH của Nhà nước.
- Có ý thức phê phán những việc làm vi phạm chính sách VH của Nhà nước.

II. TRỌNG TÂM BÀI HỌC

Nêu được nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để phát triển KH và CN ở nước ta hiện nay.

III. PHƯƠNG PHÁP

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp diễn giảng
- Phương pháp thảo luận nhóm

IV. TÀI LIỆU - PHƯƠNG TIỆN

1. Tài liệu:

-SGK - SGV GDCD LỚP 11

2. Phương tiện:

V. HOẠT ĐỘNG Ở TRÊN LỚP

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ:

Câu 1: Khoa học và công nghệ có nhiệm vụ như thế nào? Lấy VD về việc áp dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sx hoặc sáng kiến KH- KT mà em biết?

Câu 2: Trình bày phương hướng cơ bản để phát triển Kh – CN ? Trách nhiệm của em?

3. Giảng bài mới

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
*Hoạt động 1:Đàm thoại, giảng giải - GV: * -Văn hoá là gì?Tại sao nói VH vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển KT- XH? * Nhiệm vụ của VH là gì? * Thế nào là nền VH tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc? Nêu những biểu hiện của bản sắc VH dân tộc Việt Nam? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận.	3. Chính sách văn hoá a) Nhiệm vụ của văn hoá -Văn hoá là toàn bộ những giá trị do con người tạo ra, bao gồm giá trị vật chất và giá trị tinh thần. - VH là nền tảng tinh thần của xh, là động lực thúc đẩy sự phát triển KT- XH, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước - <i>Nhiệm vụ VH</i>: Xây dựng nền VH tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người VN phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo. + <i>Nền văn hoá tiên tiến</i>: Thể hiện tinh thần yêu nước và tiên bộ , nội dung là lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH, tất cả vì con người. + <i>Nền Vh đậm đà bản sắc dân tộc</i>: Chứa đựng những yếu tố tạo ra sức sống, bản lĩnh dân tộc (lòng yêu nước, tt đoàn kết...)
*Hoạt động 2:Thảo luận nhóm - GV: * Tại sao phải làm cho CN M- LN và tư tưởng HCM giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân? Tác dụng của nó ntn? Liên hệ thực tiễn ở địa phương? * Tại sao phải kế thừa, phát huy những di sản và truyền thống VH của dân tộc? Tác dụng của nó ntn? Liên hệ thực tiễn ở địa phương? * Tại sao phải tiếp thu tinh hoa VH nhân loại? Tác dụng của nó ntn? Liên hệ thực tiễn ở địa phương?	b) Phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc - <i>Làm cho CN M- LN và tư tưởng HCM giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân.</i> - <i>Kế thừa, phát huy những di sản và truyền thống VH của dân tộc.</i> - <i>Tiếp thu tinh hoa VH nhân loại.</i> - <i>Nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ VH, phát huy tiềm năng sáng tạo VH của nhân dân.</i> <i>KL: Thực hiện những phương hướng cơ bản trên, chúng ta sẽ từng bước xd được nền vh tiên tiến,</i>

* Tại sao phải nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ VH, phát huy tiềm năng sáng tạo VH của nhân dân? Tác dụng của nó như thế nào? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận. HS tự liên hệ	<i>bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc trong thời kì CNH, HĐH, hội nhập quốc tế.</i> 4. Trách nhiệm công dân đối với chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá Sgk- học sinh tự liên hệ
--	---

3. Củng cố

- Cần nắm: - Nhiệm vụ của VH, phương hướng...
- Trách nhiệm công dân, liên hệ ...

4. Hướng dẫn về nhà:

Trả lời câu hỏi sgk, đọc bài 14.

Tiết 32 - Bài 14

CHÍNH SÁCH QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1- Về kiến thức

- Nêu được vai trò và nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh ở nước ta.
- Nêu được những phương hướng cơ bản nhằm tăng cường quốc phòng và an ninh ở nước ta hiện nay.
- Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách quốc phòng và an ninh của Nhà nước.

2- Về kỹ năng

- Biết tham gia tuyên truyền và thực hiện tốt cs quốc phòng và an ninh phù hợp khả năng của bản thân.

3- Về thái độ

- Tin tưởng, ủng hộ chính sách quốc phòng và an ninh của Nhà nước, sẵn sàng tham gia giữ gìn trật tự, an ninh và bảo vệ Tổ quốc.

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. CHUẨN BỊ CỦA GV- HS

- Báo chí, tranh ảnh có liên quan.

III. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC

1. Kiểm tra bài cũ, đvđ vào bài mới:

1) Nhiệm vụ của văn hoá là gì? Em hiểu thế nào là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc?

2) Trình bày phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc? Em hãy nêu 1 ví dụ về hoạt động nhằm giữ gìn bản sắc VH dân tộc ở địa phương em? Trách nhiệm của bản thân?

2. Giảng bài mới

Mở bài: Bảo vệ Tổ quốc là một trong hai nhiệm vụ CL của CM nước ta. Chính sách này giúp các em hiểu nội dung bảo vệ TQ và phải làm như thế nào để tăng cường QP & AN.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
* Hoạt động 1(15 phút) Phát vấn, giảng giải - GV: * Vì sao trong tình hình hiện nay, chúng ta phải tăng cường QP & AN? * QP & AN có vai trò như thế nào? * Nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh gồm những nội dung gì? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận. * <i>KL: Bảo vệ TQ là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân; trong đó Quân đội và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt</i> * Hoạt động 2 (22 phút)	1.Vai trò và nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh a) Vai trò của quốc phòng và an ninh - Chúng ta phải tăng cường QP & AN. Vì: + Các thế lực thù địch vẫn thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây rối, tìm mọi cơ hội để gây bạo loạn, lật đổ và can thiệp vũ trang. + Trong cơ chế thị trường còn tồn tại những biểu hiện tiêu cực, ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống xã hội. - QP & AN có vai trò <i>trực tiếp giữ gìn và bảo vệ vững chắc Tổ quốc VN XHCN.</i> <i>KL: Nhiệm vụ hàng đầu là xd CNXH, nhưng không được lơ là nhiệm vụ bảo vệ vững chắc TQ.</i> b) Nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh - Xây dựng nền QP toàn dân và AN nhân dân vững mạnh toàn diện. - Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của TQ. - Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN. - Bảo vệ an ninh chính trị, AN kinh tế, AN văn hoá - tư tưởng. - Duy trì trật tự kỉ cương, an toàn xã hội. - Giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ. 2. Những phương hướng cơ bản nhằm tăng cường quốc phòng và an ninh

- Thảo luận nhóm (6 nhóm) - GV: * <i>Vì sao phải phát huy sức mạnh tổng hợp? Sức mạnh tổng hợp là như thế nào?</i> + Nền QP của ta là nền QP toàn dân và AN nhân dân, bảo vệ lợi ích của nhân dân nên phát huy được sức mạnh của dt và sức mạnh thời đại. + đó là khối đại đoàn kết toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. * <i>Kết hợp QP với AN là như thế nào? Hãy phân tích?</i> + Lực lượng QP toàn dân và AN nhân dân gồm: con người, phương tiện v.v và khả năng khác của dt. + Thế trận của QP và AN nhân dân là việc tổ chức hợp lí lực lượng trên địa bàn cả nước, từng địa phương. * <i>Tại sao phải kết hợp KT với QP và AN; kết hợp KT với QP và AN là như thế nào?</i> + Ta thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ CL xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tất yếu phải kết hợp KT với QP và AN. + CL phát triển KT – XH phải gắn liền với CL QP và AN, CL QP và AN phục vụ cho CL KT – XH. * <i>Em suy nghĩ như thế nào về truyền thống QĐND và CAND?</i> <i>Trong tình hình hiện nay hai lực lượng này phải xây dựng như thế nào?</i> * <i>Tại sao nói sự lãnh đạo của Đảng đối với QP và AN là sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp?</i> * <i>Tham gia phòng chống ma túy có tác dụng ntn đối với chính sách QPAN?</i> - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận.	- <i>Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.</i> - <i>Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.</i> + Sức mạnh dt (truyền thống tốt đẹp, sức mạnh văn hoá tinh thần và sức mạnh vật chất của dt.) + Sức mạnh thời đại(KH và CN_o, sức mạnh của các lực lượng tiên bộ và cách mạng trên thế giới.) - <i>Kết hợp quốc phòng với an ninh</i> (kết hợp sức mạnh của lực lượng và thế trận của QP và an ninh.) - <i>Kết hợp KT – XH với quốc phòng và an ninh.</i> - <i>Trong tình hình hiện nay, xd QĐND và CAND chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; đồng thời phải tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với QĐND và CAND là một đòi hỏi khách quan của nước ta.</i> 3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách quốc phòng và an ninh - Tin tưởng vào chính sách QP và AN của Đngr và Nhà nước. - Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn tinh vi của kẻ thù.
--	---

HS tự liên hệ	- Chấp hành PL về QP và AN, giữ gìn trật tự, AN quốc gia. - Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự. - Tích cực tham gia các hoạt động trong lĩnh vực QP và AN ở nơi cư trú. - Ma túy là nguồn gốc phát sinh tội phạm, tham gia phòng chống ma túy là góp phần giữ gìn tt- xh
---------------	--

3. Củng cố

Cần nắm: - Vai trò, nhiệm vụ của QP-AN. Phương hướng cơ bản của cs QP-AN.

- Trách nhiệm công dân, liên hệ ...

4. Hướng dẫn về nhà:

Trả lời câu hỏi sgk, đọc bài 15

Tiết 34,35 - Bài 15

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1- Về kiến thức

- Nêu được vai trò và nhiệm vụ của chính sách đối ngoại ở nước ta.
- Nêu được những nguyên tắc, phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách đối ngoại ở nước ta hiện nay.
- Hiểu được trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện chính sách đối ngoại của Nhà nước.

2- Về kỹ năng

- Biết tham gia tuyên truyền cs đối ngoại phù hợp khả năng của bản thân.
- Biết quan hệ hữu nghị với nước ngoài. Tích cực học tập văn hoá, ngoại ngữ để có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu hợp tác, hội nhập quốc tế trong tương lai.

3- Về thái độ

- Tin tưởng, ủng hộ chính sách đối ngoại của Nhà nước.

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

III. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC

1. Kiểm tra bài cũ

1) Nhiệm vụ của QP và AN trong giai đoạn hiện nay? Theo em tại sao phải tăng cường QP và AN?

2) Trình bày phương hướng cơ bản nhằm tăng cường QP và AN? Trách nhiệm của em?

2. Giảng bài mới

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
* Hoạt động 1 - Thảo luận nhóm * GV: * Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, chính sách đối ngoại có vai trò như thế nào? * Em hãy nêu những nhiệm vụ của chính sách đối ngoại? * Để giữ vững hoà bình, ổn định và hợp tác phát triển, chúng ta phải làm gì? (<i>chúng ta phải tiếp tục quan hệ với các nước, đấu tranh làm thất bại âm mưu “DBHB”, gây rối làm mất ổn định chính trị; tăng cường hợp tác song phương, đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế...</i>) * Nêu những hđ của Đảng Nhà nước ta mà em biết nhằm góp phần vào cuộc đấu tranh chung của thế giới vì mục tiêu của thời đại? (<i>Những hoạt động đấu tranh đòi giải trừ quân bị, vũ khí hạt nhân, chống chạy đua vũ trang, lên án các cuộc chiến tranh xâm lược.</i>) - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận. * Hoạt động 2 - Thảo luận nhóm (2 nhóm) - GV: * Vì sao phải tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau? Nêu kết luận? * Vì sao phải tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng cùng có lợi? Nêu kết luận? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận. * Hoạt động 3 - Thảo luận nhóm - GV: * Theo em tại sao chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế?	1. Vai trò, nhiệm vụ của chính sách đối ngoại - <i>Vai trò:</i> Chủ động tạo ra mối quan hệ quốc tế thuận lợi để đưa nước ta hội nhập với thế giới; góp phần tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước, nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế. - <i>Nhiệm vụ:</i> + Giữ vững môi trường hoà bình, tạo đk quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển KT – XH, CNH, HĐH đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. + Góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. 2. Nguyên tắc của chính sách đối ngoại. - <i>Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau</i> (để làm thất bại những hành động can thiệp của các thế lực thù địch vào công việc nội bộ của nước ta.) - <i>Tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng cùng có lợi</i> (Vì các nước trên thế giới dù lớn hay nhỏ đều có quyền sống, quyền tự do, mưu cầu hạnh phúc, phát triển. Vì vậy, nguyên tắc này yêu cầu nước ta tôn trọng quyền của các nước và đòi hỏi các nước tôn trọng quyền bình đẳng của nước ta. đồng thời, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, hợp tác cùng có lợi.) 3. Phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách đối ngoại. - <i>Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế</i> <i>Mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác</i> - <i>Củng cố tăng cường quan hệ với các ĐCS, công</i>

* Yêu cầu trong việc chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế như thế nào? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ xung, kết luận. * Em hãy cho biết nước ta có quan hệ với bao nhiêu nước và tổ chức trên thế giới?	nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới, mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền. - <i>Phát triển công tác đối ngoại nhân dân</i> - <i>Chủ động tham gia vào cuộc đấu tranh chung vì quyền lợi con người.</i> - <i>Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại</i> 4. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách đối ngoại (SGK)
---	---

3. củng cố

Cần nắm: - Vai trò, nhiệm vụ của CSĐN.

- Phương hướng cơ bản để thực hiện CSĐN.

- Trách nhiệm công dân, liên hệ bản thân...

4. Hướng dẫn về nhà:

- Câu hỏi sgk

- Tìm hiểu tình hình an toàn giao thông ở VN và ở địa phương, các số liệu, sự việc có liên quan giờ sau ngoại khoá.

Tiết 36

Chủ đề : Tìm hiểu tình hình an toàn giao thông ở Việt nam và ở địa phương

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Giúp học sinh hiểu một số vấn đề cơ bản về tình hình an toàn giao thông, việc tuân thủ, chấp hành Luật giao thông ở Việt nam, nắm bắt được những số liệu cơ bản về hậu quả tai nạn giao thông đặc biệt ở lứa tuổi thanh thiếu niên.

2. Về kĩ năng

- Trên cơ sở những vấn đề nắm bắt được sẽ có nhận thức đúng đắn đối với việc chấp hành luật giao thông, có ý thức chấp hành Luật nghiêm túc.

3. Về thái độ

- Có ý thức tự giác trong việc thực hiện tốt Luật an toàn giao thông ở địa phương và trường học.

- Vận dụng được những kiến thức đã học trong đời sống hàng ngày của bản thân, góp phần tuyên truyền , phòng chống những hành vi vi phạm Luật ATGT

4. về năng lực

Phát triển các năng lực: thuyết trình, giải quyết tình huống, hợp tác làm việc nhóm, đóng vai theo chủ đề.....

II. CHUẨN BỊ

GV: băng đĩa video , máy tính, một số số liệu có liên quan.

III. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG

1. Kiểm tra bài cũ: Không

3 . Nội dung ngoại khoá:

- Cho hs xem đĩa về tình hình tai nạn giao thông ở Việt Nam, cung cấp một số số liệu liên quan.

- Yêu cầu học sinh rút ra nhận xét.

- Yêu cầu hs phát biểu về tình hình an toàn gt ở địa phương, trường học. HS tự liên hệ bản thân, trách nhiệm của mình cần phải làm gì để tham gia gt an toàn và phòng chống vi phạm Luật atgt ở mọi nơi.

3 Cũng cố: Kết luận, rút ra bài học sau ngoại khoá.

4. Dặn dò hs tự học ở nhà

Chuẩn bị từ bài 8- bài 15 để giờ sau ôn tập học kỳ.

Tiết 37

ÔN TẬP HỌC KỲ II

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Giúp học sinh hệ thống hoá một số kiến thức cơ bản trong chương trình đã học.

2. Về kĩ năng

- Trên cơ sở những kiến thức đã học có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn trong đời sống hàng ngày của bản thân mình.

3. Về thái độ

- Có ý thức tự giác trong học tập cũng như trong khi làm bài kiểm tra.

II. CHUẨN BỊ

III. TIẾN TRÌNH ÔN TẬP

1. Kiểm tra bài cũ: Không.

2. Nội dung ôn tập (từ bài: 8- 15)

Một số câu hỏi tự luận

2. Tại sao nói, nước ta quá độ lên CNXH là tất yếu khách quan? Em hiểu thế nào là “quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN”? Theo em, chế độ XHCN ưu việt hơn so với các chế độ xã hội trước đây ở nước ta ở những điểm nào? Bản thân em cần phải làm gì để đấu tranh chống lại tàn dư của xã hội cũ?

3. Giải thích tại sao nhà nước mang bản chất của giai cấp thống trị? Cho VD minh hoạ. Nhà nước pháp quyền XHCN VN là gì? Tại sao Nhà nước ta mang bản chất của giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc?

4. Nhà nước pháp quyền XHCN VN có những chức năng cơ bản nào? Chức năng nào là cơ bản nhất? Tại sao? Vai trò của Nhà nước pháp quyền XHCN

VN trong hệ thống chính trị ở nước ta như thế nào? Bản thân em cần phải làm gì để góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN VN, xây dựng chính quyền vững mạnh ở địa phương?

5. Bản chất của nền dân chủ XHCN được thể hiện như thế nào? Hãy nêu những nội dung cơ bản của DC trong các lĩnh vực: KT, CT, VH, XH?

6. Theo em, dân chủ và tập trung, dân chủ và tự do, dân chủ và pháp luật có mâu thuẫn với nhau không? Tại sao? Hãy phân biệt DC trực tiếp và DC gián tiếp? Cho VD minh

hoạ? Liên hệ bản thân cần phải làm gì để góp phần thực hiện nếp sống dân chủ?

7. Nêu mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách dân số ở nước ta? Hãy giải thích và nêu thái độ của mình đối với quan niệm: *Trời sinh voi, trời sinh cỏ; Đông con hơn nhiều của; Trọng nam, khinh nữ.*

8. Trình bày phương hướng cơ bản nhằm giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay? Hãy tìm hiểu và nhận xét tình hình việc làm ở địa phương em? Trách nhiệm của em đối với cs dân số và giải quyết việc làm?

9. Nêu tình hình TN và MT nước ta hiện nay và nhận xét? Mục tiêu, phương hướng cơ bản nhằm sử dụng hợp lí TN và bảo vệ MT? Trách nhiệm của em đối với việc bảo vệ TN, MT?

10. Nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để phát triển gd - đt? em hiểu vì sao học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân?

11. Nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để phát triển KH – CN_o? Lấy VD về việc áp dụng thành tựu KH – CN_o vào sx, hoặc sáng kiến KH - KT mà em biết?

12. Nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc? Nêu VD về hoạt động nhằm giữ gìn bản sắc VH dân tộc ở địa phương? Trách nhiệm của em đối với cs GD - ĐT, KH - CN_o, VH?

13. Nhiệm vụ và phương hướng cơ bản nhằm tăng cường QP và AN? Trách nhiệm của em đối với cs QP & AN?

14. Vai trò, nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để thực hiện CSDN của Nhà nước ta? Hiện nay nước ta có quan hệ với bao nhiêu nước trên thế giới? Nêu một số tổ chức quốc tế toàn cầu và khu vực nước ta có quan hệ hợp tác mà em biết?

Tiết 38

KIỂM TRA HỌC KỲ II

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Nhằm đánh giá kết quả học tập của học sinh

2. Về kĩ năng

- Trên cơ sở những kiến thức đã học có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn trong đời sống xã hội của mình.

3. Về thái độ

- Có thái độ đúng mực và nghiêm túc trong học tập, cũng như trong kiểm tra. Từ đó có nỗ lực vươn lên trong học tập đạt kết quả cao.

B. CHUẨN BỊ

1. Phương tiện

- Giấy kiểm tra, bút mực, bút chì,... phục vụ kiểm tra

2. Thiết bị

- Những dụng cụ cần thiết phục vụ cho kiểm tra

C. TIẾN TRÌNH KIỂM TRA

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Không.

3. Nội dung kiểm tra (từ bài: 8- 15)

Một số câu hỏi tự luận

1. Hãy nêu những đặc trưng cơ bản của CNXH ở nước ta? Theo em đặc trưng nào thể hiện rõ nhất trong thực tiễn cuộc sống hiện nay ở nước ta?

2. Tại sao nói, nước ta quá độ lên CNXH là tất yếu khách quan? Em hiểu thế nào là “quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN”? Theo em, chế độ XHCN ưu việt hơn so với các chế độ xã hội trước đây ở nước ta ở những điểm nào? Bản thân em cần phải làm gì để đấu tranh chống lại tàn dư của xã hội cũ?

3. Giải thích tại sao nhà nước mang bản chất của giai cấp thống trị? Cho VD minh họa. Nhà nước pháp quyền XHCN VN là gì? Tại sao Nhà nước ta mang bản chất của giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc?

4. Nhà nước pháp quyền XHVN VN có những chức năng cơ bản nào? Chức năng nào là cơ bản nhất? Tại sao? Vai trò của Nhà nước pháp quyền XHCN VN trong hệ thống chính trị ở nước ta như thế nào? Bản thân em cần phải làm gì để góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN VN, xây dựng chính quyền vững mạnh ở địa phương?

5. Bản chất của nền dân chủ XHCN được thể hiện như thế nào? Hãy nêu những nội dung cơ bản của DC trong các lĩnh vực: KT, CT, VH, XH?

6. Theo em, dân chủ và tập trung, dân chủ và tự do, dân chủ và pháp luật có mâu thuẫn

với nhau không? Tại sao? Hãy phân biệt DC trực tiếp và DC gián tiếp? Cho VD minh

họa? Liên hệ bản thân cần phải làm gì để góp phần thực hiện nếp sống dân chủ?

7. Nêu mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách dân số ở nước ta? Hãy giải thích và nêu thái độ của mình đối với quan niệm: *Trời sinh voi, trời sinh cỏ; Đông con hơn nhiều của; Trọng nam, khinh nữ.*

8. Trình bày phương hướng cơ bản nhằm giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay? Hãy tìm hiểu và nhận xét tình hình việc làm ở địa phương em? Trách nhiệm của em đối với cs dân số và giải quyết việc làm?

9. Nêu tình hình TN và MT nước ta hiện nay và nhận xét? Mục tiêu, phương hướng cơ bản nhằm sử dụng hợp lí TN và bảo vệ MT? Trách nhiệm của em đối với việc bảo vệ TN, MT?

10. Nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để phát triển gd - đt? em hiểu vì sao học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân?

11. Nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để phát triển KH – CN_o? Lấy VD về việc áp dụng thành tựu KH – CN_o vào sx, hoặc sáng kiến KH - KT mà em biết?

12. Nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc? Nêu VD về hoạt động nhằm giữ gìn bản sắc VH dân tộc ở địa phương? Trách nhiệm của em đối với cs GD - ĐT, KH - CN_o, VH?

13. Nhiệm vụ và phương hướng cơ bản nhằm tăng cường QP và AN? Trách nhiệm của em đối với cs QP & AN?

14. Vai trò, nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để thực hiện CSDN của Nhà nước ta? Hiện nay nước ta có quan hệ với bao nhiêu nước trên thế giới? Nêu một số tổ chức quốc tế toàn cầu và khu vực nước ta có quan hệ hợp tác mà em biết?

Một số câu hỏi trắc nghiệm

1. Chọn một đáp án em cho là đúng nhất trong các gợi ý sau đây:

- a) Khuyến khích đồng bào ở miền xuôi đi định cư ở miền núi còn thưa dân.
- b) Sử dụng hợp lí nguồn lao động, khai thác tiềm năng kinh tế ở các vùng.
- c) Giảm lao động thừa ở đồng bằng ven biển.
- d) Thực hiện chính sách dân số của Nhà nước. (Đáp án b đúng)

2. Hãy chọn đáp án đúng trong các gợi ý sau:

Bảo vệ tài nguyên, môi trường có nghĩa là:

- a) Giữ nguyên tình trạng hiện hành.
- b) Chỉ khai thác sử dụng tài nguyên có thể phục hồi.
- c) Nghiêm cấm tất cả các ngành sx có thể ảnh hưởng xấu đến môi trường.
- d) Sử dụng hợp lí TN, cải thiện MT, ngăn chặn tình trạng hủy hoại nghiêm trọng TN, MT đang diễn ra chỉ vì lợi ích trước mắt. (Đáp án d đúng)

3. Hãy chọn một đáp án đúng theo yêu cầu sau:

- a) kết hợp kinh tế với quốc phòng
- b) kết hợp kinh tế với an ninh.
- c) Kết hợp QP với AN.
- d) Kết hợp kinh tế với QP & AN. (Đáp án d đúng)

ĐỀ THI KIỂM TRA HỌC KỲ II
Môn: Giáo dục công dân - Lớp 11
 Thời gian: 45 phút *(không kể thời gian giao đề)*

Câu 1 (3 điểm):

Dân chủ là gì? những hình thức cơ bản của dân chủ?

Câu 2 (5 điểm):

Trình bày phương hướng cơ bản nhằm giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay? Hãy tìm hiểu và nhận xét tình hình việc làm ở địa phương em? Trách nhiệm của em đối với chính sách giải quyết việc làm?

Câu 3 (2 điểm):

Em hiểu theo thế nào về quan điểm coi Giáo dục là quốc sách hàng đầu?

Đáp án

Câu 1(3 điểm)

- Dân chủ: Là quyền lực thuộc về nhân dân, là quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực đời sống xã hội của đất nước; dân chủ là một hình thức nhà nước gắn với giai cấp thống trị do đó dân chủ luôn mang bản chất giai cấp.

- Những hình thức cơ bản của dân chủ:

+ Dân chủ trực tiếp: là hình thức dân chủ mà trong đó mọi công dân trực tiếp tham gia vào các hoạt động CT, KT, VH, XH.

+ Dân chủ gián tiếp: là hình thức nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình, tham gia quản lý nhà nước và xã hội thông qua hoạt động của những người đại diện, cơ quan đại diện của mình.

Câu 2(5 điểm)

- Phương hướng cơ bản nhằm giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay:

+ Thúc đẩy phát triển SX và dịch vụ, (KK các thành phần KT, các nhà đầu tư trong, ngoài nước SX, kinh doanh có hiệu quả, tạo ra nhiều việc làm cho người LĐ.

+ KK làm giàu theo PL, tự do hành nghề, khôi phục, phát triển các ngành nghề truyền thống, đẩy mạnh phong trào lập nghiệp của thanh niên.

+ đẩy mạnh XK lao động, đặc biệt LĐ qua đào tạo, LĐ nông nghiệp, nhằm giải quyết y/c trước mắt và lâu dài, tăng thu nhập cho người LĐ.

+ Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong chương trình mục tiêu quốc gia để giải quyết việc làm, cải thiện ĐK việc làm cho người LĐ.

Hãy tìm hiểu và nhận xét tình hình việc làm ở địa phương em. Trách nhiệm của em đối với chính sách giải quyết việc làm(HS tự liên hệ)

Câu 3 (2 điểm):

- Quan điểm coi “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”: Ý muốn nhấn mạnh vai trò, vị trí của giáo dục. Đảng và NN coi GD là chính sách trọng tâm có vai trò chính yếu, luôn dành được sự ưu tiên hàng đầu, quan tâm đặc biệt, được thể hiện qua một loạt các chính sách, các biện pháp và phạm vi thực hiện và nguồn ngân sách chi cho chính sách đó.

- Sở dĩ như vậy vì :

Giáo dục đào tạo là điều kiện tiên quyết góp phần phát triển kinh tế.

Giáo dục đào tạo góp phần ổn định chính trị xã hội.

Và trên hết giáo dục đào tạo góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người.

-----Hết-----